

Khai Thị

Quyển 3

Hòa Thượng Tuyên Hóa

Ban Phiên Dịch Việt Ngữ

Trường Đại Học Pháp Giới

Vạn Phật Thánh Thành

Talmage, California

Mục Lục

Nhân Nào Quả Nấy.....	6
"Lấy Giả Làm Thật"	7
Thấm Nhuần Nghĩa Lý Kinh Điền.....	8
Sự Lập Nguyên Phải Được Phát Xuất Từ Lòng Chân Thành.....	10
Vạn Phật Thánh Thành - Cảnh Tiên Giữa Chốn Nhân Gian.....	12
Vạn Sự, Nhẫn Là Quý.....	13
Sống Ở Đạo Tràng Phải "Tùy Chúng"	18
Phiền Não Là Bò Đè	20
Làm Thế Nào Để Dứt Trừ Phiền Não?.....	23
Khai Thị Nhân Ngày Lễ Tắm Phật.....	24
Nhân Quả Vay Trả, Mảy May Chẳng Sai	28
Thức Ăn Cho Tinh Thần.....	30
Mưu Sanh và Mưu Tử.....	35
Bí Quyết Học Thuộc Lòng Kinh Điền.....	38
Pháp Vị Chân Thật.....	41
Kẻ Cướp Trong Nhà Khó Đề Phòng!	42
Không Nên Có Thái Độ Cồng Cao Ngã Mạn Đối Với Tam Bảo!.....	44
Bớt Dùng Lời Khách Sáo	48
Cảm Kích Ân Đức của Chư Phật và Chư Bồ Tát	51
Làm Thế Nào Để Có Được Trí Huệ Hơn Người?	55
Học Phật Pháp Quý Ở Thực Hành.....	57
Sửa Đổi Lỗi Làm, Nghiệp Tội Sẽ Tiêu Tan!.....	59
Tánh Định, Ma Phục	61
Lòng Hiếu Thảo Chí Thành Cảm Động Đến Trời Đất.....	66
Quả Thuần Đốt Thân Cúng Phật.....	69

Nhân Duyên Khiến Quả Năng Xuất Gia	75
Không Thể Phung Phí Của Trời!	77
Cần Phải Kiểm Tra Những Sách Xuất Bản	79
Tu Đạo Cần Phải "Quý Phước, Cầu Huệ"	81
Tính Nóng Nảy Là Nhân Duyên Chướng Ngại Việc Tu Đạo.....	82
Cảnh Giới của Bạc A La Hán Chứng Đạo.....	84
Vì Sao Cần Phải Niệm Phật?	88
Con Người Có Cần Trọn Đạo Hiếu Hay Chẳng?.....	92
Thế Nào Là Thiệt Tri Thức.....	94
Như Người Uống Nước, Nóng Lạnh Tự Biết	96
Bớt Nói Chuyện, Dụng Công Cho Nhiều	97
Tham Thiền Cần Lúc Nào Cũng Nhớ Như Vậy.....	98
Vì Sao Không Tương Ứng Với Đạo?	99
Phải Cẩn Thận Khi Giảng Kinh Thuyết Pháp	101
Học Gương Người Hiền Mới Là Bạc Dững Sĩ.....	103
Sáu Đại Tông Chỉ của Vạn Phật Thánh Thành.....	104
Người Tu Hành Không Được Phan Duyên	111
Khai Ngũ Nhãn Mới Thấy Được Rõng Thật	115
Đời Người Như Giấc Mộng, Hãy Thức Tỉnh!.....	120
Thế Nào Là "Ngũ Suy Tưởng Hiện"	122
Trong Đạo Trảng Phải Cẩn Thận Nơi Lời Nói và Việc Làm.....	124
Người Tu Đạo Không Nên ích Kỳ.....	126
Nơi Gương Địa Tạng Vương Bồ Tát	128
Hãy Chấp Nhận Sự Chỉ Trích Vô Lý	129
Khuyên Con Dâu Nên Hiếu Thảo Với Cha Mẹ Chồng.....	131
Đạo Tặc Trở Thành Hiếu Tử.....	133

Bốn Giai Đoạn Tất Yếu của Đời Người	135
Một Cuốn Kinh Rất Khó Tụng	136
Rèn Luyện Nhân Cách Cao Thượng.....	138
Lầu Cao Vạn Trượng Đều Từ Dưới Đất Xây Lên.....	140
Hãy Học Cho Giỏi Mới Trọn Vẹn Đạo Hiếu	142
Nghĩa Vụ Giáo Dục của Vạn Phật Thánh Thành	145
Trẻ Em Là Rường Cột của Nước Nhà	149
Thế Nào Là Đôn Phẫm, Thế Nào Là Lập Đức	150
Đồng Tính Luyến Ái - Chính Là Tự Đào Mồ Chôn Mình.....	152
Tiền Bạc Có Thể Hại Đến Thân Mạng	153
Kiến Tạo Một Nền Tảng Kiên Cố	155
Khổng Tử - Nhà Đại Giáo Dục	157
Cái Đạo của Bậc "Đại Học"	159
Sơ Lược về Hòa Thượng Tuyên Hóa	161
Mười Tám Đại Nguyện của Hòa Thượng Tuyên Hóa.....	165
Tám Quy Luật của Viện Phiên Dịch Kinh Điển	168
Chú Thích:	169

Kệ Khai Kinh

Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu,
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu,
Con nay nghe thấy chuyên trì tụng,
Nguyện rõ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

Nhân Nào Quả Nấy

Con người ở thế gian này gặp đủ thứ chuyện kỳ lạ, vì sao? Đó là vì trước kia người ta đã trót trồng cái nhân kỳ lạ nên bây giờ mới sanh ra cái quả kỳ lạ. Nếu các bạn chẳng gieo loại nhân ấy thì sẽ không gặt phải loại quả này. Vì thế, nếu mọi người hiểu được đạo lý nhân quả thì hãy:

Chư ác mạc tác,

Chúng thiện phụng hành.

(Chớ làm điều ác,

Chỉ làm việc lành.)

Trên thế gian này, con người không thể nào tách rời khỏi nhân quả; song le, vì ai nấy đều chỉ thấy quả chứ chẳng thấy nhân nên khi quả báo xảy tới thì cuống quít, hoang mang, không biết nên như thế nào cho phải nữa! Đó đều là do khi trồng nhân, người ta đã không biết thận trọng, đợi đến lúc phải nhận lãnh những quả báo quái lạ thì họ mới giật mình, sửng sốt!

Chúng ta hiện đang nghiên cứu Tứ Chung Thanh Tịnh Minh Hối (Bốn Điều Răn Dạy Về Tánh Thanh Tịnh) trong Kinh Lăng Nghiêm. Phần kinh văn này giảng giải rất cặn kẽ những trường hợp nhân quả phức tạp, kỳ lạ của con người. Các bạn muốn hiểu rõ vấn đề nhân quả thì hãy "chớ làm điều ác, chỉ làm việc lành." Hằng ngày, các bạn không nên chỉ toàn nghĩ tới lợi lộc riêng tư mà hãy tìm cách mang lại lợi ích cho người khác; song, không cần phải huênh hoang: "Tôi thường làm nhiều chuyện lợi ích cho người khác lắm! Tôi sửa chùa tháp, bố thí, giúp đỡ người nghèo..." Những việc như thế không phải để khoe khoang hay nói

suông, mà cần phải chân chánh thực hành. Hãy lấy việc giúp người làm nguồn vui và xem đó là thiên chức của mình; được như vậy thì thế giới này sẽ tự nhiên trở nên tốt đẹp!

(Giảng ngày 30 tháng 4 năm 1983)

"Lấy Giả Làm Thật"

Đức Khổng-Tử nói:

Ngô vị kiến hiếu đức như hiếu sắc giả dã.

(Ta chưa thấy người nào chuộng đức hạnh như chuộng sắc đẹp cả!)

Đức Khổng-Tử bầy giờ vì nhận thấy người mến chuộng đạo đức và hạnh kiểm thì không được chuyên tâm bằng kẻ yêu chuộng sắc đẹp, cho nên ngài đã thở dài và than rằng: "Từ trước đến nay ta chưa từng gặp được người nào hâm mộ đạo đức giống như hâm mộ sắc đẹp vậy!"

Tôi thì chưa thấy có người nào mến chuộng Phật Pháp mà dụng công đến độ như mến chuộng tiền của cả! Các bạn xem, người mến mộ Phật Pháp dù ham thích Phật Pháp đến thế nào đi nữa thì cũng có lúc mệt mỏi, lạy Phật, tụng Kinh hoặc niệm chú hơi lâu thì cảm thấy mệt. Thế nhưng, nếu đi kiếm tiền, thì dù không ăn, không uống, không ngủ, người ta cũng chẳng thấy mệt! Cứ nhìn những kẻ ham mê cờ bạc là biết, suốt ngày suốt đêm không nghỉ ngơi mà mắt họ vẫn ráo hoảnh, chẳng chút mệt nhọc!

Tại sao con người lại có thể như thế được chứ! Đó là vì đối với những gì chân thật thì người ta không nhận thức được rõ ràng; trái lại, đối với những thứ giả tạo thì họ "lật đật chạy theo như vịt," đeo đuổi kiếm tìm một cách điên cuồng, thật là điên đảo hết sức!

(Giảng tối ngày 30 tháng 4 năm 1983)

Thấm Nhuần Nghĩa Lý Kinh Điển

Muốn nghiên cứu Phật Pháp thì cần phải hiểu rõ nghĩa lý trong kinh. Mỗi bộ kinh do Đức Phật thuyết giảng đều bao hàm một nghĩa lý chân chánh riêng biệt; tuy nhiên, tất cả kinh điển đều có quan hệ liên đới với nhau và nghĩa lý cũng có tính cách liên đới.

Đức Phật viện dẫn Tiểu Thừa, Đại Thừa, rồi cuối cùng quy nạp về một thừa duy nhất là Phật Thừa. Bất luận là Đại Thừa, Tiểu Thừa, hay Phật Thừa, *thừa* nào cũng dạy mọi người sửa đổi thói hư tật xấu, dẹp bỏ vô minh, quét sạch phiền não và dứt trừ tham, sân, si. Nếu các bạn dứt bỏ được mọi thói xấu thì đối với nghĩa lý kinh điển tự nhiên sẽ có sự tương hợp; nếu không dứt bỏ thói xấu thì các bạn sẽ không thể nào thấu triệt được nghĩa lý trong kinh.

Chúng ta đang nghiên cứu *Kinh Lăng Nghiêm*, và hiện đã nghiên cứu xong Ngũ Thập Âm Ma (Năm Mười Thứ Âm Ma) cùng Tứ Chủng Thanh Tịnh Minh Hối (Bốn Điều Răn Dạy Về Tánh Thanh Tịnh). Vậy, nghĩa lý chân chánh của bộ kinh này là gì? Tại sao Đức Phật thuyết bộ kinh này? Các bạn tìm ra đặng thì mới được xem là thật sự hiểu rõ giáo pháp hàm chứa trong kinh; nếu không

tìm ra chân-nghĩa thì coi như các bạn vẫn chưa thật sự thông suốt kinh pháp! Chẳng hạn bạn gặp một người nào đó, mặc dù đã biết tên của người ấy nhưng bạn vẫn cần phải "tiến thêm một bước nữa", nhận rõ tướng mạo, tư tưởng, hành vi, v.v... của người ấy; như thế mới là nhận biết người ấy. Nếu bạn chỉ biết danh tánh mà không biết gì về tướng mạo, tư tưởng... của người ta, thì đó vẫn chưa phải là nhận biết. Chúng ta nghiên cứu kinh Phật thì cũng tương tự như vậy!

Tướng của *Kinh Lăng Nghiêm* là "đại nhi vô ngoại, tiểu nhi vô nội." (lớn đến độ không gì có thể vượt ra ngoài nó, nhỏ đến độ không gì nhỏ hơn nó). Nghĩa lý của *Kinh Lăng Nghiêm* ví như bộ xương người vậy, nếu con người không có xương, chỉ có da, thịt, gân, máu... mà thôi, thì chẳng ra hình dáng con người cũng chẳng thể nào đứng vững được. Cho nên, *Kinh Lăng Nghiêm* là cốt tủy của các bộ kinh. *Kinh Lăng Nghiêm* có công dụng "phá tà hiển chánh" - phá hủy tất cả tà vạy để hiển lộ Tam-muội chân chánh. Nếu không có *Kinh Lăng Nghiêm*, thì không có Phật Pháp; có *Kinh Lăng Nghiêm*, tất có Phật Pháp! Vậy, muốn hộ trì Phật Pháp thì trước hết chúng ta hoằng dương, phổ biến *Kinh Lăng Nghiêm* - phải học cho thuộc, giảng giải cho được, rồi dựa theo đó mà tu hành.

Vạn Phật Thánh Thành chính là "Lăng Nghiêm Đàn Tràng" - đạo tràng của *Kinh Lăng Nghiêm*. Chúng ta nhất định phải ngời sáng "Lăng Nghiêm Đại Quang," tu tập "Lăng Nghiêm Đại Định," thành tựu "Lăng Nghiêm Đại Trí" và viên mãn "Lăng Nghiêm Đại Từ!"

(Giảng ngày 01 tháng 5 năm 1983)

Sự Lập Nguyện Phải Được Phát Xuất Từ Lòng Chân Thành

Người tu hành cần phải lập nguyện với một tấm lòng thành khẩn nhất và phải luôn luôn theo đúng những điều nguyện mà mình đã lập, chứ không phải, lập nguyện xong chưa tới năm phút là đã hoàn toàn quên bẵng, vì như thế thì cũng như chưa hề lập nguyện vậy! Các bạn cần phải nhận thức cho rõ một điều - vì sao mình lập nguyện?

Việc lập nguyện không cốt ở hình thức; cho nên, nếu các bạn coi lập nguyện như một nghi thức phải theo đúng thể lệ, thì các bạn hoàn toàn sai lầm và đã đi ngược lại nguyên tắc lập nguyện rồi vậy. Những người đã lập nguyện thì mỗi ngày nên tụng bài văn phát nguyện của mình một lần để tự nhắc nhở và thôi thúc mình cố gắng thực hiện tới mức tận thiện tận mỹ; như thế mới không phụ chí hướng lập nguyện ban đầu của các bạn.

Chư Phật và chư Bồ Tát nhờ đã nghiêm chỉnh lập nguyện và thực hành đúng theo thệ nguyện nên chứng được quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì vậy, nếu chúng ta cứ thi hành từng điều nguyện một của mình theo chiều hướng chân thật, chẳng chút giả dối, thì chúng ta cũng sẽ được thành Phật, thành Bồ Tát! Đức Phật là bậc đại trí huệ, còn chúng ta là kẻ đại ngu si; cho nên, muốn học theo trí huệ, tất chúng ta phải lấy tâm Phật làm tâm mình, lấy nguyện của Phật làm nguyện của mình, lúc nào cũng từ bi hỷ xả, nhẫn nhịn những chuyện mà người khác khó thể nhẫn nhịn, hoàn thành những việc mà người khác khó thể làm được. Mọi sự đều phải được tiến hành một cách chân thật thì mới có thể đạt được sự cảm ứng chân chánh. Do đó, mọi người đều phải đặc biệt chú ý về việc lập nguyện!

Đức Phật A Di Đà do lập bốn mươi tám điều nguyện mà thành tựu được Thế Giới Cực Lạc, tiếp dẫn tất cả chúng sanh. Chúng ta nên học theo hành vi của chư Phật, chư Bồ Tát, cùng chư Thánh-nhân đời quá khứ, phải thiết tha sửa chữa những sai lầm khi trước, không nên che giấu khuyết điểm và cũng đừng chiều theo các thói hư tật xấu của mình - như thế gọi là "bội trần hợp giác" (quay lưng lại trần lao, trở về với giác ngộ); nếu trái lại, là "bội giác hợp trần" (quay lưng lại sự giác ngộ để hòa hợp với trần lao) vậy.

Nếu các bạn có thể mạnh dạn sửa chữa lỗi lầm, đối diện với hiện thực, đón nhận thử thách, rồi vượt qua được mọi thử thách cam go, thì các bạn sẽ có cơ hội thành tựu. Chớ nên có *ngã kiến* quá sâu, *ngã tướng* quá nặng. Các bạn cần phải biết rằng *tự tánh* vốn ngay thẳng, trong sáng, và được gọi là cái *chân tâm* "trơn vẹn, sáng láng, thẳng thắn, không dính mắc một chút gì dù nhỏ như sợi tơ." *Chân tâm* này thì không có thói hư tật xấu hay khuyết điểm gì cả; cho nên, chớ đem Phật-tánh ký thác nơi vật chất do tứ đại¹ giả hợp tạo thành.

Tại sao chúng ta "bỏ thật, theo giả?" Vì có gì lại "bỏ gốc, tìm ngọn?" Là vì chúng ta không nhận biết được *tự tánh* của chính mình! *Tự tánh* thì trong sạch, không một chút nhiễm ô, và giống như tấm gương sáng vậy. "*Vật lai tặc ánh, vật khứ tặc tịnh*" (vật đến thì gương liền phản chiếu cái bóng của vật, vật đi rồi thì gương lại trong sáng như trước, không dính dấu vết).

Các bạn! Người tu Đạo mà không thể sửa chữa lỗi lầm thì cũng như chẳng tu. Có câu rằng:

Hành niên ngũ thập, phương tri tứ thập cửu tuế chi phi.

(Đến tuổi năm mươi mới biết những sai lầm hồi bốn mươi chín năm rồi.)

Người nào có được tâm giác ngộ như thế hẳn là người có trí tuệ; con đường tương lai của người ấy sau này chắc chắn sẽ rộng lớn thênh thang, có thể nói là "tiền đồ rục rỡ như gấm." Nếu không tự biết được điểm sai của mình thì sẽ hồ đồ suốt cả một đời, chỉ biết mưu cầu "hư danh," bị khách trần làm cho mê muội - những kẻ như thế thật đáng thương lắm thay!

Hiện tại, Vạn Phật Thánh Thành là một đạo tràng tỏa ánh sáng đến muôn nơi và được hàng vạn đức Phật hộ trì. Hy vọng rằng mọi người xua tan được những đen tối mờ ám trong tâm; song le, các bạn cần phải vận dụng *trí huệ quang minh* để soi sáng tự tâm thì mới mong quét sạch được mọi vô minh, phiền não. Các bạn phải hết sức thận trọng và đặc biệt lưu ý đến điểm này!

Vạn Phật Thánh Thành - Cảnh Tiên Giữa Chốn Nhân Gian

Vạn Phật Thánh Thành là một nơi yên tĩnh, tịch mịch. Ở đây, không khí trong lành mà khung cảnh lại u nhã, chẳng có không khí ô nhiễm và cũng chẳng có tiếng xe cộ ồn ào quấy nhiễu. Phàm là người sống trong khuôn viên của Vạn Phật Thánh Thành thì phải biết quý trọng và hết lòng gìn giữ, bảo vệ môi trường.

Trong rừng thông Đại Tùng Thụ thuộc khuôn viên Thánh Thành có tới mấy trăm con hạc trắng làm tổ trên cây và sống ở đó quanh năm. Giống chim này thuộc loài *hậu điểu*, lẽ ra thì phải tùy theo khí hậu mà thiên di tới nơi khác, nhưng những con bạch hạc

này lại cứ "đóng đô" ở đây mãi, chẳng chịu "dọn nhà" đi, đủ thấy không khí tại Vạn Phật Thánh Thành trong lành như thế nào!

Vạn Phật Thánh Thành cũng là một Thánh-địa, có hơn ba chục con hươu sao (mai hoa lộc) sinh sống trên đồng cỏ mênh mông; chúng khoan thai đi lại trong thảo nguyên và hễ thấy có người đến thì nhảy căng lên ra vẻ mừng rỡ chào đón. Hươu con lại còn khả ái hơn nữa, chúng cứ quần quít bên mình khách, không chịu rời.

Trong Thánh Thành còn có loài chồn, cáo, nhưng chúng chẳng hề làm hại những động vật nhỏ bé. Nếu chúng phạm Giới - dù là ăn con sóc nhỏ - thì cũng phải chịu sự trừng phạt của Thần Hộ Pháp. Những con chồn này rất tinh nghịch, có người trông thấy chúng liền giậm chân thì chúng bắt chước giậm chân theo, trợn mắt nhìn chúng thì chúng cũng trợn mắt nhìn lại! Chồn con rất hồn nhiên, hễ gặp người xuất gia là lẻo đẹo đi theo. Có khi chúng còn vô nhà hoặc lảng vảng trước cửa để xin thức ăn.

Muôn chim được tắm mình trong cảnh giới thần tiên thiêng liêng, kỳ diệu, tinh khiết và thanh tịnh này đều sống trong niềm an lạc chan hòa; có thể nói là chúng đã gặp được môi trường thích hợp vậy!

Vạn Sự, Nhẫn Là Quý

Bí quyết của người tu hành là nên ăn ít. Vì sao? Vì ăn ít thì bớt sanh dục niệm. Dục niệm ít thì có thể biết đủ (tri túc). Biết đủ thì thường xuyên được an lạc. Luôn luôn an lạc thì không có phiền não. Không có phiền não thì Bồ-đề nảy sanh. Bồ-đề nảy sanh thì

được giải thoát. Đạt được sự giải thoát tức là có thể "nhiệm vận tự tại, sanh tử tự tại, trí huệ tự tại"- tóm lại là hoàn toàn tự tại. Đó là những chặng đường mà người tu hành phải trải qua; mọi người hãy cùng nhau gắng sức!

Người tu hành cần phải nhẫn nại, bất luận cảnh giới thử thách nào xảy đến cho mình thì cũng phải dùng lòng nhẫn nại mà nhịn nhục, nghiêng chặt răng mà chịu đựng; lúc đã vượt qua "cửa ải" được rồi thì "gió êm sóng lặng," tự nhiên sẽ được yên ổn. Khi làm việc, nếu có những việc mình không muốn làm thì cũng nên nhẫn nại mà làm, lâu dần sẽ quen đi, rồi trở thành tự nhiên. Nói tóm lại, bất luận làm công việc gì chúng ta cũng đều nên làm cho đàng hoàng, có lương tâm; chớ nên lười biếng, trốn tránh công việc cho nhàn thân, hoặc làm cầu thả qua loa cho xong chuyện. Nếu có ý tưởng "làm Hòa Thượng một ngày thì đánh chuông một ngày," tức là trái ngược với Đạo; hạng người này chẳng qua là "dựa vào Phật để có áo mặc, nương theo Phật để kiếm cơm ăn," sống lây lất qua ngày tháng, chắc chắn chẳng có triển vọng gì cả!

Tôi dùng hai chữ "nhẫn nại" làm phương châm cho đời mình - bất luận trong hoàn cảnh nào cũng dứt khoát không chịu đầu hàng, cương quyết nhẫn chịu hết thủy bằng cả thân lẫn tâm. Khi còn ở tại quê nhà Đông Bắc, tôi đã quen "chịu nóng chịu lạnh." Vào những ngày "tam cửu"² (thời kỳ lạnh nhất trong năm), tôi không mang giày mang vớ gì cả, cứ để chân trần mà đi trong tiết trời giá rét như cắt, khiến chân bị lạnh cóng đến đau buốt - nhưng tôi vẫn cố gắng chịu đựng, hễ nhẫn nại được thì không còn thấy đau nữa! Còn trong mấy hôm "tam phục"³ (thời kỳ nóng nực nhất trong năm) thì khí trời nực nội đến nổi đầu óc choáng váng, mặt mày xây xẩm; bước đi mà cứ thấy trước mắt một màn tối đen,

tưởng chừng như trời đất đang quay cuồng đảo lộn vậy. Nhiều người cảm thấy nóng bức đến là người, nhưng tôi nhận thấy cũng không đến nỗi nào, chỉ cần ngồi nghỉ một lát là khỏe ngay. Tôi lấy hai chữ "nhẫn nại" làm Pháp-bảo để khắc phục mọi khó khăn - chịu lạnh chịu nóng, dầm mưa dãi nắng, nhịn đói nhịn khát; tôi nhẫn nại chịu đựng tất cả, nhất quyết không "kéo cò trắng" đầu hàng.

Sau khi xuất gia, tôi chuyên tâm tu Pháp Môn Nhẫn Nhục. Nếu có người mắng tôi ư? Thì tôi cứ như chẳng nghe thấy gì cả, hoặc coi như mình đang nghe nhạc vậy, và tự nhiên được bình an vô sự! Nếu có người đánh tôi ư? Tôi tuyệt đối không đánh trả, mà chỉ đón nhận với thái độ bình tĩnh, ôn hòa! Tôi cũng kiên nhẫn hành trì các khóa lễ Công Phu Khuya và Công Phu Tối - sáng sớm tinh mơ, khi gần đến giờ phải lên Chánh Điện, dù đang ngon giấc mà nghe tiếng mõ báo hiệu là tôi lập tức vùng dậy. Súc miệng rửa mặt, chuẩn bị xong xuôi là tôi lên Chánh điện chờ sẵn; bao giờ tôi cũng đến sớm năm phút, không một lần trễ nãi!

Từ khi xuất gia đến nay, tôi luôn luôn dùng lòng nhẫn nại để làm việc. Khi tôi đến những nơi khác để tham cứu học hỏi, bất luận là hành lễ Công Phu Khuya, Công Phu Tối, giảng Kinh thuyết Pháp, nghe Kinh nghe Pháp, hay Cúng Ngọ, tôi đều tới sớm hơn giờ giấc ấn định, chưa bao giờ chậm trễ một chút! Hôm nay tôi mang sự việc trước kia của mình ra kể cho các bạn nghe tức là "hiện thân thuyết Pháp" vậy!

Nếu muốn tu hành một cách chân chánh, thì các bạn không được lười biếng, khi làm việc thì phải tích cực, hăng hái, và không được thiếu lòng nhẫn nại. Dầu có những điều không thể nhẫn nhịn được thì cũng phải nhẫn nhịn, và nếu có những việc không

thể chịu đựng nổi thì cũng phải chịu đựng. Nhẫn nại và chịu đựng tất cả - đó là kim chỉ nam của người tu hành. Đặc biệt là trong thời kỳ còn đang học hỏi, rèn luyện thì các bạn càng phải cố gắng nhẫn nại và chịu đựng hơn nữa; cho dù thật tình là chẳng thể nào nhẫn nại được nữa thì cũng vẫn phải ráng dần lòng mà nhẫn nại! Có câu:

Nhẫn phiền khắc, phong bình lãng tĩnh,

Thối nhất bộ, hải khoáng thiên không.

(Nhẫn một chút, gió êm sóng lặng,

Lùi một bước, biển rộng trời cao.)

Các bạn không được tùy tiện nổi nóng; phải biết rằng:

Vô minh hỏa năng thiêu hủy công đức lâm!

(Lửa vô minh có thể thiêu rụi rừng công đức!)

Đó là một câu danh ngôn rất chí lý và cũng là một nhận định đầy kinh nghiệm. Mọi người hãy nhớ lấy, hãy khắc ghi trong lòng! Phải thận trọng, chớ nên nổi giận!

Các bạn không nên tùy tiện nổi nóng, cho rằng như vậy là không đúng, như thế là không phải, hoặc trông thấy cái gì cũng lấy làm gai mắt, khó chịu. Đành rằng ở đời có nhiều việc không như ý mình mong muốn, thế nhưng, các bạn hãy "lùi một bước" mà tự nhắc nhở: "Phải nhẫn nại! Mình phải nhẫn nại!" Nếu nhẫn nại được thì muôn sự đều êm đẹp, bao nhiêu rắc rối phiền phức đều không còn nữa!

Chúng ta, những người tu hành, cần phải làm mọi công việc một cách đàng hoàng, chu đáo, không được lười biếng, không được phóng túng, buông lung. Mọi người phải nghiêm túc tuân theo quy củ của đạo tràng; chớ nên nói rằng: "Hằng ngày tôi đều có tới nghe giảng Kinh, không hề vắng mặt, thì những việc khác cứ qua loa, đại khái thôi cũng được!" Tư tưởng này quả thật không thể nào chấp nhận được! Dù là Cúng Ngọ, Công Phu Khuya, Công Phu Tối hay là Pháp Hội, thì các bạn đều nên đến Chánh Điện sớm một chút để chờ tới giờ hành lễ, bởi như thế thì quả báo đến với các bạn trong tương lai mới được viên mãn. Bằng không, nếu thời khóa nào các bạn cũng trễ nãi, thì sau này các bạn có thể bị vượt mất cơ hội khai ngộ. Phàm nếu làm việc gì cũng đi sau đến trễ, thì công đức sẽ không được viên mãn.

Chúng ta, những người tu hành, đừng tự lý sự với chính mình hoặc tự làm luật sư biện hộ cho mình. Nên có câu rằng:

Như thị nhân, như thị quả.

(Nhân nào thì quả nấy.)

Hễ trồng thiện nhân thì được thiện quả, gieo ác nhân thì gặp ác báo - đó là định luật "thiên kinh địa nghĩa," là định luật muôn thuở của trời đất. Nếu trồng cái nhân trọn vẹn thì khi kết trái sẽ được quả trọn vẹn, trồng cái nhân nửa chừng hay lờ dờ thì sẽ sanh ra quả nửa chừng hay lờ dờ. Mọi người cần phải thật sự thấu suốt điểm này, chớ nên thờ ơ, xem như gió thoảng qua tai!

(Giảng ngày 01 tháng 5 năm 1983)

Sống Ở Đạo Tràng Phải "Tùy Chúng"

Quy củ của đạo tràng là nếu có công việc thì mọi người cùng làm chung với nhau. Ăn thì cùng nhau ăn, làm công quả thì cùng nhau làm. Tuy nhiên, vẫn có trường hợp ngoại lệ, ví dụ như những người thật sự biết dụng công ngồi Thiền, tịnh tọa hằng ngày, thì họ có thể bớt làm các công việc khác. Tại sao? Bởi vì họ dụng công như thế tức là tu hành rồi! Và niệm Phật hay tụng Phật thì cũng đều là dụng công tu hành cả. Nếu quả có tình trạng đặc thù như thế, thì đó là trường hợp cá biệt, chúng ta khỏi phải đề cập tới. Nếu không thuộc trường hợp đặc biệt, thì tuyệt đối không được lười biếng, không được trốn việc cho khỏe thân, mà phải đồng loạt tuân theo quy củ, nề nếp của đạo tràng.

Các bạn không phải là lúc nào cũng ngồi Thiền, cũng chẳng phải là luôn luôn tụng Phật, thế mà khi hành lễ Công Phu Khuya và Công Phu Tối thì lại không có thì giờ tham gia (nhưng lại có thì giờ để nói chuyện thị phi), hoặc là đã đến giờ hành lễ Công Phu Khuya và Công Phu Tối rồi mà cứ lần khần chần chờ, các bạn trễ, tôi trễ, và người khác cũng trễ nữa, thế thì các khóa Công Phu Khuya và Công Phu Tối để cho ai làm chứ? Người tu hành mà không làm lễ Công Phu Khuya và Công Phu Tối thì làm gì?

Trong đạo tràng, các thời khóa Công Phu Khuya và Công Phu Tối là việc chung của Thường Trụ, là công việc mà không một ai được trốn tránh. Không làm lễ Công Phu Khuya và Công Phu Tối tức là coi thường đạo tràng, mà coi thường đạo tràng tức là coi thường Phật, và coi thường Phật thì cũng như coi thường đại chúng. Nếu coi thường đại chúng, thì không thể "cộng trụ," không thể cùng sống chung; và như thế tức là không thể cùng tu hành với mọi người được nữa!

Ngoại trừ thời gian hành trì Công Phu Khuya và Công Phu Tối, thời giờ còn lại là tùy ý mỗi người muốn làm gì thì làm. Ai muốn phiên dịch kinh điển thì phiên dịch kinh điển, ai muốn đọc sách Phật thì đọc sách Phật, ai muốn nói chuyện thị phi thì đi nói chuyện thị phi, ai muốn nghe chuyện thị phi thì cứ việc nghe chuyện thị phi, chẳng có ai can thiệp hoặc ngăn cấm các vị cả. Tuy nhiên, đến giờ hành lễ Công Phu Khuya và Công Phu Tối thì các bạn nhất định phải tham gia, bởi vì Công Phu Khuya và Công Phu Tối là pháp môn tất yếu, là thời khóa bắt buộc phải theo của đạo tràng.

Người tu Đạo cần phải bảo vệ, gìn giữ và tôn trọng đạo tràng, và phải tuân theo mọi quy củ của đạo tràng. Hễ nghe tiếng chuông trống gióng lên báo hiệu sắp đến giờ hành lễ thì mọi người phải lập tức bỏ hết công việc đang làm dở để chuẩn bị lên Chánh Điện, không được chậm trễ. Ai nấy cần phải có tinh thần "tranh tiên khủng hậu" luôn luôn cố gắng tới trước, không được bỏ lại đằng sau. Nếu các bạn cho rằng các thời khóa Công Phu Khuya và Công Phu Tối không quan trọng, chỉ miễn cưỡng tham gia, thì quả thật là các bạn ở trong đạo tràng để chờ ngày xuống địa ngục! Có câu:

Địa ngục môn tiền Tăng Đạo đa.

(Trước cửa địa ngục các thầy, ông Đạo rất nhiều.)

Bất luận là người xuất gia hay là kẻ tại gia, một khi đã sống trong đạo tràng tất phải biết tùy hỷ công đức, nghiêm chỉnh làm Phật sự; chứ không thể a dua hoặc hòa theo kẻ khác, bởi như vậy thì thật không có triển vọng!

Phiền Não Là Bồ Đề

Đức Phật thấy chúng sanh chịu đựng bốn nỗi khổ to lớn là sanh, già, bệnh, chết, nên Ngài bèn phát tâm xuất gia tu hành, tìm cách giải quyết vấn đề ấy. Trong sự vô minh của chúng ta, phiền não bất giác xuất hiện -khi thì bộc lộ qua sắc tướng, lúc lại tiềm tàng trong tâm trí, và cũng có khi vô minh dấy khởi nên cái gì cũng không biết cả. Hễ vô minh vừa tác oai tác quái là mình trở nên hồ đồ ngay, cho nên phiền não chính là nhân duyên cản trở việc tu Đạo, là chướng ngại vật trên đường Đạo.

Song le, chẳng thể không có phiền não! Vì sao? Bởi "phiền não tức là Bồ-đề." Nếu biết vận dụng thì phiền não chính là Bồ-đề, nếu không biết vận dụng thì Bồ-đề biến thành phiền não! Bồ-đề ví như nước và phiền não ví như băng vậy; nước chính là băng, băng chính là nước. Nước và băng vốn cùng một thể chứ chẳng phải là hai thứ khác biệt nhau. Khi giá lạnh thì nước đông lại thành băng và lúc nóng bức thì băng tan thành nước. Vậy, nói một cách khác thì khi có phiền não tức là "nước đóng thành băng," và lúc không phiền não tức là "băng tan thành nước;" lý này rất dễ hiểu. Lại nữa, có phiền não thì có "băng" phiền não -*vô minh*, và không có phiền não thì có "nước" Bồ-đề -*trí huệ*. Về điểm này, các bạn hãy thiết thực nhớ lấy, ghi khắc vào lòng! Chúng ta tu Đạo, chớ nên tu tới tám vạn đại kiếp mà cái phiền não này vẫn cứ tồn tại. Ngày ngày "ăn" phiền não mà sống, nếu không "ăn" phiền não thì chết đói, bởi như thế thì thật là rất đáng thương!

Bệnh tật của chúng ta là từ đâu mà ra? Chính là từ ba cái độc tham, sân, si! Nếu con người không có ba thứ độc này thì bệnh tật gì cũng không có cả. Giới, Định, Huệ trong Phật Pháp chính là

phương thuốc đặc hiệu để trị căn bệnh "tham, sân, si." Thuốc này hiệu nghiệm như thần, "thuốc đến, bệnh đi," nên nói:

Tâm thanh, thủy hiện nguyệt,

Ý định, thiên vô vân.

(Tâm lắng, nước hiện trăng,

Ý dừng, trời không mây.)

Đó là thứ cảnh giới không còn phiền não. Có câu:

Tâm chỉ niệm tuyệt: chân phú quý,

Tư dục đoạn tận: chân phước điền.

(Tâm dừng, niệm dứt: giàu sang thực,

Tư dục hết sạch là ruộng phước.)

Tâm vọng tưởng dừng hẳn, ý niệm phan duyên không còn, đó đúng là giàu sang thật sự. Nói tóm lại, không tham tức là giàu sang. Vì sao người ta tham lam? Vì họ không "tri túc," nên cảm thấy thiếu thốn, chưa đầy đủ! Không có tư dục chính là ruộng phước, nếu dứt bỏ được mọi ham muốn ích kỷ thì đúng là ruộng phước thật sự. Các bạn hãy đặc biệt lưu ý:

Tâm bình: bách nạn tán,

Ý định: vạn sự kiết.

(Tâm bình lặng, trăm nạn tiêu tan,

Ý an định, muôn sự được kiết tường.)

Câu danh ngôn trên đây rất chí lý và vô cùng hữu ích, đáng cho mọi người lấy làm khuôn vàng thước ngọc.

"Phiền não" là gì? Là "phiền thân não tâm," không được thanh thản, tự tại.

"Ưu" là gì? Ưu có nghĩa là "ưu sầu khổ não," buồn rầu, không vui.

"Hoạn" là gì? Hoạn tức là "phi tai hoạn họa," có nghĩa là tai bay vạ gió, bất ngờ xảy ra chuyện không may.

Những sự việc này ràng buộc hoặc bức bách các bạn khiến cho các bạn như bị khóa chặt bởi cái "khóa vô minh," bị trói chằng chịt bởi sợi dây phiền não, hoặc có cảm giác ngột thở như bị tảng đá lớn đè lên người vậy. Chính vì muốn cho hết thảy chúng sanh dứt bỏ mọi phiền não để đạt sự an vui và xa lìa mọi bức bách hầu đạt sự giải thoát, nên Đức Phật mới khuyên tất cả chúng sanh nên phát tâm Bồ-đề rộng lớn và tu học công đức cùng đạo hạnh của Phật. Do đó, tất cả chúng sanh chúng ta nên vâng lời Đức Phật, tin tưởng Đức Phật, và càng nên y giáo phụng hành hơn nữa!

Tâm phiền não của chúng sanh thì nhiều đến vô lượng vô biên, nhưng nên biết rằng nó giống như các ảo ảnh trông thấy khi bị ánh mặt trời làm hoa mắt (dương điểm) vậy. Chúng sanh điên đảo đảo lấy thẳng làm cong, lấy cong làm thẳng; lấy đen làm trắng, lấy trắng làm đen; lấy thiện làm ác, lấy ác làm thiện dù giáo hóa thế nào đi nữa thì cũng vẫn cứ chúng nào tật nấy, chướng ngại chông chát. Nếu nêu ra khuyết điểm của họ, thì chẳng những họ không vui, không chịu sửa sai, không phục thiện, mà còn tìm cách che đậy, biện hộ cho những lỗi lầm của họ, và thậm

chí còn nổi đại vô minh, sanh đại phiền não nữa. Chư Bồ Tát trông thấy những chúng sanh như thế thì khởi lòng từ bi thương xót, tận tình dạy bảo, năm lần bảy lượt căn dặn họ đừng nên nói chuyện thị phi, đừng nên sanh phiền não; và còn cho biết rằng nếu họ không nổi nóng, không đố kỵ, không chướng ngại kẻ khác, thì họ sẽ vượt khỏi bể khổ.

Thân người là giả tạm, đừng xem cái "túi da" hôi hám này như báu vật rồi cứ lo nâng niu, chăm sóc, sợ "nó" cực khổ, vất vả. Các bạn muốn cho "nó" được sung sướng, an nhàn, nhưng "nó" lại luôn luôn gây thêm rắc rối, phiền lụy cho các bạn!

(Giảng ngày 03 tháng 5 năm 1983)

Làm Thế Nào Để Dứt Trừ Phiền Não?

Bồ Tát thấy chúng sanh trong Tam Giới đều mắc chứng bệnh phiền não của Tam Độc: tham, sân, si, nên phải chịu đựng đủ thứ khổ não, thiêu đốt, bức bách triền miên.

Trên lý thuyết thì người xuất gia tu Đạo không nên có phiền não; thế nhưng, thực tế thì nhiều người vẫn còn vô số phiền não! Vì sao? Vì tâm họ không thanh tịnh, họ cứ thấy cái này không được, cái kia không đúng, nào là người này có sai lầm, kẻ kia có khuyết điểm... Nói tóm lại, họ bị rất nhiều phiền não bủa vây, khiến cho thân tâm họ không được tự tại, thanh thản. Các bạn ngắm lại xem, người nào cũng có phiền não của người ấy, từ ông tổng thống cho đến kẻ hành khất, ai ai cũng có những buồn phiền, đau khổ riêng cả! Những vị nguyên thủ của các quốc gia trên thế giới thì hôm nay ưu tư vận nước, ngày mai lo nghĩ chuyện dân, họ có

rất nhiều chuyện bận tâm, phiền lòng. Còn những người hành khát đi ăn xin mà gặp khi người ta không muốn bố thí thì họ cũng có thể tức giận, sanh phiền não vậy. Nếu muốn không còn phiền não, thì chỉ có một biện pháp duy nhất là:

Cần tu Giới Định Huệ,

Tức diệt Tham Sân Si.

(Siêng tu Giới Định Huệ,

Dứt bỏ Tham Sân Si.)

Khi việc tu hành được viên mãn thì tự nhiên không còn sanh khởi phiền não nữa.

Chính vì những chúng sanh mắc bệnh "Tam Độc," bệnh "phiền não" mà chư Bồ Tát đã phát tâm từ bi rộng lớn, phổ biến phương pháp đối trị. Đức Phật thuyết giảng tám vạn bốn ngàn pháp môn là để đối trị tám vạn bốn ngàn chứng bệnh phiền não của chúng sanh, đó chính là tám vạn bốn ngàn toa thuốc có công năng xoa dịu và trị lành mọi bệnh khổ của chúng sanh. Tuy nhiên, nếu chỉ nghiên cứu toa thuốc mà không uống thuốc thì không ích lợi gì cả; cho nên, người học Phật Pháp cần phải có công phu "tín, giải, hành, chứng" thì mới có thể thành tựu được!

Khai Thị Nhân Ngày Lễ Tám Phật

Giữa Nam Tông và Bắc Tông có sự bất đồng về ngày đản sanh của Đức Phật. Tuy nhiên, bất luận ngày nào, chỉ cần mọi người thành kính tưởng nhớ, trang nghiêm lễ bái, thì ngày đó chính là

ngày Đức Phật đản sanh. Bởi lẽ "pháp vô định pháp," cho nên dẫu có nghiên cứu riêng về một vấn đề này đến tóc bạc, mắt lòa, cũng vẫn không tìm ra được một đáp án đúng đắn, chỉ lãng phí thì giờ quý báu, như thế thì đáng tiếc biết bao!

Theo đạo Phật, mỗi người nói chung đều có chỗ chấp trước, câu nệ. Người thì chấp trước Phật Giáo Ấn Độ, kẻ thì chấp trước Phật Giáo Tích Lan, Phật Giáo Trung Hoa hoặc Phật Giáo Nhật Bản, v.v... Chính vì sự chấp trước và quan điểm bất đồng đã khiến cho Phật Giáo trở thành có giới hạn, có ranh giới, và gây nên sự chia rẽ trong Phật Giáo.

Thật ra, Phật Giáo vô lượng vô biên, không hề có một phạm vi nhất định. Do đó, tôi trước sau vẫn chủ trương là không nên vạch ranh giới cho Phật Giáo, mà trái lại, tất cả phải đoàn kết nhất trí, "thế giới một nhà" mới đúng! Tôi vẫn thường nói: "Phật Giáo mà tôi giảng thì không phải là Phật Giáo Ấn Độ, cũng chẳng là Phật Giáo Trung Hoa, mà chính là thứ Phật Giáo 'tận hư không, biến Pháp Giới!'" Nói rõ hơn thì không có Phật Giáo nào có quốc tịch, không có Phật Giáo nào có chủng tộc, và cũng không có thứ Phật Giáo phân chia nhân, ngã hay mình, người! Không phải chỉ có kẻ tín ngưỡng Phật Giáo mới là đệ tử Phật, mà ngay cả những người không tín ngưỡng Phật Giáo cũng là đệ tử của Phật! Vì sao? Là vì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từng dạy rằng:

Nhất thiết chúng sanh,

Giai hữu Phật tánh,

Giai kham tác Phật!

Nghĩa là:

Tất cả chúng sanh,

Đều có Phật tánh,

Đều đặng thành Phật!

Điều này chứng tỏ rằng người tin Phật là chúng sanh, mà người không tin Phật cũng là chúng sanh!

Có người nói: "Tôi không phải là chúng sanh!" Thế thì, thử hỏi: "Bạn không phải là chúng sanh; vậy thì bạn là gì?"

Có người lại cả quyết: "Tôi tên là Thiên (trời), vậy thì tôi là trời!" Bạn nên biết rằng: "Trời" cũng là một chúng sanh!

Cũng có người nói: "Tôi tên là Địa (đất), vậy thì tôi là đất!" Bạn nên nhớ rằng: "Đất" cũng là chúng sanh và cũng không vượt ra ngoài vòng chúng sanh!

Tận cùng cõi hư không và khắp cả Pháp Giới đều là nơi cư ngụ của chúng sanh. Trong mười Pháp Giới, chỉ có Phật Pháp Giới là vượt ra ngoài vòng chúng sanh; kỳ dư, chín Pháp Giới còn lại (Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, Trời, Người, A Tu La, Súc Sanh, Ngạ Quỷ, Địa Ngục) đều thuộc trong vòng chúng sanh, nên đều được gọi là "chúng sanh."

Chúng ta đều là chúng sanh, thế thì, nếu tôi xem những kẻ không tin theo đạo Phật cũng thuộc về Phật Giáo thì có gì là không công bằng chứ? Đây chính là tánh cách "toàn thể đại dụng" của Phật Giáo. Đức Phật dạy rằng:

Nhất thiết chúng sanh giai khả thành Phật!

(Tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật!)

Dù các bạn có tin theo Phật Giáo hay không, trong tương lai, tất cả các bạn đều sẽ thành Phật! Vì sao? Vì các bạn chạy không khỏi cái vòng chúng sanh! Người nào hiện tại không tin Phật, thì tương lai sẽ tin Phật; đời này không tin Phật; thì đời sau có thể tin Phật nói tóm lại là mọi người rồi sẽ tin Phật, do đó mà tất cả chúng sanh đều được xem như đệ tử của Phật.

Hiện nay có tôn giáo không giảng đạo lý, cứ quả quyết rằng: "Chỉ có một vị Thần độc nhất vô nhị, có thể làm chủ thế giới, sáng tạo thế giới, và khống chế vũ trụ mà thôi. Con người thì không có tư cách làm Thần, mà chỉ có thể làm nô lệ cho Thần và chịu sự chi phối của Thần!" Thứ lý luận này rất tương phản với tông chỉ của Phật Giáo!

Theo tông chỉ của Phật Giáo thì ai ai cũng có thể thành Phật được cả. Các chúng sanh đời hiện tại chính là cha mẹ của chúng ta trong đời quá khứ và là những vị Phật trong tương lai. Nếu chúng ta sanh lòng sân hận đối với chúng sanh thì cũng như sân hận cha mẹ mình và chửi Phật; và như thế tức là chúng ta trở thành những kẻ bất hiếu, đại nghịch! Do vậy, đối với chúng sanh thì chúng ta cần phải từ bi, kính trọng. Giữa người với người thì nên đối đãi một cách chân thành và sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau; chứ đừng chướng ngại, đố kỵ nhau. Đó là điểm vĩ đại nhất của đạo Phật.

Hôm nay các bạn đến Vạn Phật Thánh Thành tham gia Lễ Tắm Phật, thì tôi xem các bạn như là đệ tử của Phật (mà không cần biết các bạn có tin Phật hay không, có tắm Phật hay không!) Người tín ngưỡng Thiên Chúa tôi cũng kể như đệ tử của Phật, người tín ngưỡng Giê-su tôi cũng coi là đệ tử của Phật. Ngay cả những người tín ngưỡng Do Thái Giáo, hoặc Hồi Giáo, v.v... Tôi

cũng đều xem họ như đệ tử của Phật. Tôi tuyệt nhiên không hề xem các bạn là "người ngoài" đối với Phật Giáo. Tất cả mọi người đều là một nhà, cùng chung một gia đình, không phân biệt người này kẻ nọ. Các bạn xem, Phật Giáo hoàn toàn không có tư tưởng bài xích tôn giáo khác, thật là vĩ đại biết bao!

(Giảng ngày 09 tháng 5 năm 1983)

Phụ Lục:

Nhân Quả Vay Trả, Mảy May Chẳng Sai

(Châu Quả Lập)

Hôm nay nhằm Lễ Phật Đản (mùng tám tháng tư âm lịch, năm 1983), sao chép Kinh Hoa Nghiêm vừa đến phần Tám Tướng Thành Đạo của Đức Phật. Hồi tưởng ngày này năm trước, sớm mai thức dậy chợt thấy rất khó chịu nơi chân phải, một lúc sau thì lại không cử động được nữa, đau đớn như bị ai lấy chùy mà đánh. May nhờ Ân Sư Tuyên Hóa Thượng Nhân từ bi, dùng thần chú gia trì làm dịu hẳn mọi đau nhức. Trải qua nửa năm trời tĩnh dưỡng, sức khỏe được hồi phục; nay lại có thể tiếp tục sao chép Kinh Hoa Nghiêm, tâm nguyện như vậy cũng đã thỏa. Hôm nay cảm khái muôn vàn, bèn mượn bút ghi lại mấy dòng cảm tưởng.

Mùa xuân năm 1975, kẻ viết bài này có duyên may hạnh ngộ gặp Thượng Nhân tại Nhật Bản và được Ngài thân nhận là đệ tử. Đến mùa thu năm ấy thì kẻ này sang Hoa Kỳ, nguyện hiến thân cho Phật Giáo, đảm nhiệm công việc sao chép kinh điển. Lòng những mong báo đáp ơn Thầy nên tận lực làm việc, lại đối trước bệ thờ

Quán Thế Âm Bồ Tát lập ba đại nguyện: (1) Không tranh hơn, thiệt; (2) Không bàn đúng sai; (3) Không quên ân, oán. Trong cơn bệnh hoạn vừa qua, đã sửa lại là "không nhớ ân, oán" (thay vì "không quên ân, oán") và quyết định chuyên tâm tu tập Pháp Môn Nhẫn Nhục bất luận gặp phải nghịch cảnh nào cũng cố dần lòng, nhẫn chịu, chứ không tìm cách lẩn tránh. Vì sao? Vì nghiệp chướng mình quá nặng nề, đành phải mượn cách này để tiêu trừ bớt vậy!

Người ta mắc bệnh, tất có nguyên do. Kẻ viết bài này nhờ ơn Thượng Nhân quán sát tiền nhân hậu quả lần đau chân ấy mới biết được rằng: Vào thời Tống triều kẻ này từng giữ chức Sứ Bộ Thượng Thư, do xét án nghiêm khắc mà hại đến ba mạng người. Tuy là vì việc công, song cũng bởi thiếu lòng từ bi nên mới gieo trồng nghiệp chướng. Nay nhân duyên chín muồi, phải cam chịu quả báo một phen bệnh hoạn đau đớn dường ấy. Thật đúng là "nhân quả không sai chạy một mảy may!"

Kẻ phạm tội nọ bị xử chém; vợ y thì treo cổ trên xà nhà tự tử trong lúc đang mang thai một bé trai (gần tới kỳ sinh nở). Bị hại đến nhà tan cửa nát, nữ quý bèn tìm tới kẻ viết này đòi đền lại ba mạng người. Thượng Nhân dùng hết tâm cơ điều đình để hòa giải kẻ này mới được vô sự, nữ quý chịu xóa bỏ oán thù mà đi. Kẻ viết này rất đổi hổ thẹn, cam lòng nhận lãnh quả báo.

Nay kính cẩn ghi lại nhân duyên này hầu khuyến khích chư đạo hữu. Ngưỡng mong chư vị sanh tín tâm sâu dày đối với vấn đề nhân quả, thận trọng lúc trồng nhân, và chóng thành tựu Đạo quả!

Thánh hiền xưa có nói bài kệ nhân quả như sau:

Dục tri tiền thế nhân,

Kim sanh thọ giả thị.

Dục tri lai thế quả,

Kim sanh tác giả thị.

Nghĩa là:

Muốn biết nhân đời trước,

Xem thọ báo đời này

Muốn biết quả đời sau,

Xét việc hiện dương làm!

Thức Ăn Cho Tinh Thần

Lý do khiến con người đọa địa ngục, làm ngựa quỷ, -hoặc chuyển thành súc sanh thì không ngoài sự chi phối của Lục Căn. Con người sở dĩ thành A-tu-la, sanh lên cõi trời hay làm người, cũng không ngoài tác dụng của sáu căn này. Cho đến con người được thành A-la-hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát hay Phật cũng đều không rời công năng của sáu căn này. Vì sao sáu căn này có sức mạnh lớn lao như vậy? Thậm chí con người dù sanh lên thiên đàng hay đọa xuống địa ngục cũng đều không thể tách rời khỏi chúng được? Phải chăng sáu căn này có khả năng chi phối con người trong vấn đề thành Phật hoặc làm quỷ?

Kỳ thật, không phải là sáu căn này chi phối chúng ta mà là tại chúng ta không biết vận dụng chúng. Trong tự tánh (hay linh minh

giác tánh) của mỗi con người đều có một "chủ nhân ông." Vị "chủ nhân" này cũng chính là Phật tánh bản hữu của chúng ta. Khi vị "chủ nhân" nắm quyền (tức là Phật tánh hiện hữu) thì chánh niệm hiện tiền, làm chuyện gì cũng tự tại, không có trở ngại. Song le, nếu có một niệm vô minh dấy lên hoặc ngu si ám chướng khơi dậy trong tâm chúng ta, thì sáu căn này sẽ giống như sáu tên giặc, chúng lấn áp chủ nhà, chúng tước đoạt quyền hành của vị "chủ nhân" và chúng ta sẽ bị sáu tên giặc mất, tai, mũi, lưỡi, thân, và tư tưởng mưu hại. Sáu tên giặc này sẽ phá nhà cướp của, vơ vét hết tài sản quý báu trong nhà! Cho nên nói rằng:

Nhất niệm bất sanh toàn thể hiện,

Lục căn hốt động bị vôn giá.

(Một niệm không sinh: Phật tánh hiển hiện,

Sáu căn bỗng dậy: tâm bị che mờ.)

Do đó, chúng ta vốn dĩ đi theo con đường Phật nhưng rồi lại rơi vào con đường ma! Thí dụ như có người lái xe, lẽ ra phải đi trên con đường lớn nhưng người đó lại lao xuống biển, làm cả người lẫn xe đều chìm dưới đáy biển; lại có những người thích những chuyện cao xa viễn vông, y chạy lên núi rồi bị rớt xuống từ trên đỉnh núi, khiến cho thân thể tan nát, đó là vì họ không thuộc đường, không quen đường đi nước bước, không biết lái xe, nên mới xảy ra chuyện bất trắc, thậm chí có thể nguy hiểm đến tánh mạng.

Linh tánh bản hữu của con người thì thông thiên triệt địa, hết sức viên mãn, kỳ diệu, sáng suốt, hiển hiện khắp mười phương, và có sức mạnh vô song, cái gì cũng thực hiện được. Thí dụ có kẻ tuy

biết lái xe, nhưng một khi đầu thai trong một cái "túi da" thối tha này thì trở nên rất hồ đồ, thậm chí không còn biết phương hướng đông tây nam bắc hay trên dưới gì nữa, nên y cứ chạy lung tung khắp nơi. Con người khi bị sáu căn che mờ cũng vậy vốn muốn thành Phật, thành Bồ Tát, nhưng chỉ sơ hở, thiếu cẩn thận một chút là có thể thành ngựa, thành bò hoặc thành dê ngay!

Đáng thương nhất là có một số tín đồ Phật Giáo tuy một lòng muốn thoát khỏi ba đường ác,5 nhưng không hiểu cách lái chiếc xe này, không biết vận dụng sáu căn nên bị sáu căn chi phối, đành để cho ma vương làm chủ "căn nhà" của họ. Họ bị vây khốn trong tấm thân giả tạm do năm uẩn6 tạo thành này mà không thể nào thoát ra được. Họ đau khổ không thể tả xiết, linh tánh bản hữu của họ thì bị mai một, trí huệ quang minh cũng không sao hiện tiền được!

Cho nên mọi sự, mọi vật trên đời đều thuyết Pháp, đều dạy cho chúng ta sự thật chân lý; nếu hiểu được, thì các bạn sẽ thấy là vạn sự vạn vật đều đang thuyết Phật Pháp, đang nói lên cái pháp ra khỏi thế gian; nhưng nếu không hiểu thì các bạn sẽ thấy rằng tất cả chỉ toàn nói pháp thế gian, thứ pháp nhiễm ô! Do đó, tất cả mọi sự đều coi thử tâm các bạn như thế nào, tất cả đều là ở nơi ý niệm của các bạn mà thôi. Hễ có trí huệ thì bất luận vấn đề gì cũng có thể giải quyết một cách ung dung tự tại; còn không có trí tuệ thì đâu đâu cũng chỉ toàn là chướng ngại!

Thân thể loài người chúng ta tuy cần ăn uống để sinh tồn, song đó chỉ là một loài thực phẩm thô sơ mà thôi, con người còn phải dựa vào Phật tánh, vào trí huệ quang minh để sanh tồn. Ví như chiếc xe cần phải có xăng mới chạy được, con người cũng phải nhờ vào ăn uống thì mới có sức sống, mới có thể sanh hoạt, mới

có thể vận động được. Song le có một số người tu hành không cần phải nhờ vào sự ăn uống để sanh tồn; vì sao vậy? Vì họ chỉ "ăn" trí huệ quang minh, đó mới chính là thực phẩm dinh dưỡng cho họ! Cho nên, về mặt thô kệch thì thân thể cần dựa vào sự ăn uống; nhưng nhìn theo chiều sâu vi tế hơn thì con người cần phải có linh tánh của Phật để làm thức ăn cho tinh thần mới được. Ban ngày chúng ta làm việc, bất kỳ đi, đứng, nằm hay ngồi, cũng đều hao tổn sanh lực cả, giống như chiếc xe tiêu thụ rất nhiều xăng dầu vậy. Đến ban đêm chúng ta nghỉ ngơi thì các lỗ chân lông mở ra tiếp xúc với hào quang của Phật, hấp thụ trí huệ quang minh tỏa ra từ Đại Quang Minh Tạng của Phật để bổ sung cho tinh thần đã bị tiêu hao lúc ban ngày. Do đó, nhờ ban đêm nghỉ ngơi đầy đủ rồi nên hôm sau tinh thần lại được khôi phục như bình thường!

Có nhiều người nghe được đạo lý này liền nổi lòng tham, nghĩ rằng: "À! Thì ra khi mình ngủ chính là lúc đức Phật 'tiêm' hào quang cho mình; vậy nếu mình ngủ nhiều hơn một chút nữa chẳng phải là càng có trí tuệ hơn sao?" Kỳ thật, mỗi người chỉ cần một thời gian ngủ nghỉ nhất định; nếu ngủ quá nhiều sẽ làm cho đầu óc ngu muội và trí huệ bị sút giảm. Người ta thường nói "dạ trường mộng đa" (đêm dài thì lắm mộng); con người mà mộng寐 hoài thì chỉ lãng phí tinh thần mà thôi! Ngủ nhiều quá lại có thể làm cho chúng ta uể oải, mắc bệnh nhức đầu; cho nên, phàm làm việc gì cũng phải thích đáng, vừa phải, không nên đi tới chỗ cực đoan!

Những người không hiểu đạo lý này thì cho rằng chỉ có ăn uống mới duy trì được sanh mạng; song le, những bậc tu Đạo biết dụng công thì hết sức chú ý tới món ăn tinh thần cho nên họ rất

thích ngồi Thiền, rất thích tham cứu và tu tập Thiền Định. Bởi chính nhờ tham Thiền tập Định mà họ có thể tiếp xúc với nhiều trí huệ quang minh của chư Phật để bổ sung tinh thần và khiến cho huệ lực được tăng trưởng hơn nữa. Tuy nhiên, đối với việc ngồi Thiền hay tịnh tọa các bạn cũng không nên quá tham lam, chấp trước vào tịnh tọa nhiều quá cũng có thể mắc phải "Thiền bệnh!"

Cho nên chúng ta những người học Phật, không nên chạy bên tây hay bên đông, hướng ra ngoài mà truy cầu, nào là cầu Phật pháp, tìm con đường tắt, hoặc là tham tiện nghi, muốn mau khai ngộ, bởi vì như thế chỉ khiến cho mức năng lượng có giới hạn trong người mình bị hao tổn, bản thân mình cũng nhọc tâm kiệt sức, trí huệ bị tổn giảm, mà lại không đạt được gì cả! Đó là tệ trạng của sự không hiểu gì về đạo lý "căn bản Phật tánh," cứ hướng tâm ra ngoài mà truy đuổi cái Pháp!

Những điều tôi nói hôm nay không phải là thần thoại, mà có thể gọi là "thần lý!" Lý luận này, có thể nói rằng ngay cả những khoa học gia tân tiến nhất cũng chưa thể nghiên cứu tới chứ đừng nói là hiểu được, và dù nằm mơ họ cũng không thể mơ tới rằng có đạo lý kỳ diệu như thế! Thật ra, đây vốn là những đạo lý rất bình thường, nhưng đáng tiếc là ai nấy đều thờ ơ, không chú trọng!

(Giảng vào tháng 5 năm 1983)

Mưa Sinh và Mưa Tử

(Nói chuyện với sinh viên trường Đại Học Redwood tại Vạn Phật Thánh Thành,

trưa ngày 21 tháng 5 năm 1983)

Các bạn "thanh niên già" và các bạn "cao niên trẻ!" Hôm nay mọi người họp mặt nơi đây nếu không phải là đại duyên thì cũng là tiểu duyên. Điều mà tôi muốn nói đây chắc chắn là không có bạn nào có thể phủ nhận được!

Vì sao tôi gọi các bạn là "thanh niên già?" Bởi vì tôi thấy các bạn trẻ trông rất có chí khí, thái độ rất chững chạc, thận trọng và già dặn, cho nên tôi gọi các bạn là thanh niên già. Vì sao tôi lại gọi là "các bạn cao niên trẻ" nữa? Bởi vì tôi thấy trong số các bạn có nhiều người lớn tuổi nhưng lại rất cởi mở, trẻ trung, không có tâm tính toán, cũng không có tâm đồ kỵ, tâm chướng ngại, tâm nhân ngã thị phi, cho nên tôi gọi những người đó là các bạn cao niên trẻ. Có một số các bạn đã đến đây năm ngoái; vì không rõ những bạn đến năm nay chính là những người ấy hay là có cả người mới kẻ cũ cùng đến, cho nên vừa có thể nói các bạn là bạn mới mà vừa có thể gọi các bạn là bạn cũ!

Vạn Phật Thánh Thành chúng tôi có tông chỉ là muốn sửa đổi phong khí của nền giáo dục. Trên thế giới, Tam Giáo Cửu Lưu, 7 Ngũ Hạng Bát Tác⁸ có đủ tất cả các nghề nghiệp, ai nấy đều tự mưu sinh (lo sống) không người nào muốn mưu tử (lo chết) cả! Không người nào lo nghĩ rằng rồi mình sẽ chết như thế nào; sống thì cứ sống, nhưng chết thì như thế nào? Bởi không có ai nghĩ đến vấn đề đó nên tôi nói là chẳng có người nào mưu tử. Song

le, ở Vạn Phật Thánh Thành thì có người mưu sinh có người mưu tử.

Thường thì người ta mưu sinh bằng cách buôn bán, làm ruộng, làm quan, làm thợ, học hành, v.v... Mọi người tùy ý lựa chọn một trong năm nghề sĩ, nông, công, thương, quan để làm; vì thế có người chọn công việc về ngành giáo dục. Tuy nhiên, có nhiều người muốn dùng học sinh làm công cụ để mưu lợi nên tính toán rằng: "Tôi mở một ngôi trường, có người đến học thì tôi kiếm được bao nhiêu tiền? Được nhiều tiền như vậy thì tôi có thể mưu sinh rồi!" Do đó họ dùng đủ mọi phương cách để trường của họ trở thành nổi tiếng nhất. Nhưng đến khi được tiếng là "học đường tối cao" rồi thì trường trở nên suy đồi; vì sao? Tôi cảm thấy rất hổ thẹn khi phải nói ra những chuyện như thế này: Tại nhiều trường học, học sinh công khai mua bán thuốc phiện, hút thuốc phiện! Các bạn thấy như thế có đáng thương chẳng? Trong trường lại còn có những kẻ công khai làm những chuyện bất hợp pháp nữa.

Thấy tình trạng như thế, Vạn Phật Thánh Thành bèn thành lập một trường tiểu học dạy học sinh biết cách làm tròn đạo hiếu, một trường trung học dạy học sinh về lòng trung thành, ái quốc. Đồng thời chúng tôi cũng lập trường đại học để dạy về trung, hiếu, nhân, nghĩa hiếu thuận với cha mẹ, trung thành với tổ quốc, lấy nhân nghĩa mà đối đãi với nhân quần xã hội. Đó là tông chỉ, đường hướng của Vạn Phật Thánh Thành. Ngoài ra, các trường tiểu học, trung học và đại học ở Vạn Phật Thánh Thành đều hoàn toàn miễn phí. Vì sao lại miễn phí? Vì tôi không muốn lợi dụng học sinh để tính toán, mưu lợi riêng tư. Đó chính là tác phong giáo dục của Vạn Phật Thánh Thành.

Tại Vạn Phật Thánh Thành, bất luận là học sinh bậc tiểu học, trung học, hay đại học, là người xuất gia hay người tại gia, tất cả đều đồng loạt tuân theo Sáu Đại Tông Chỉ sau đây:

1) Thứ nhất là Không Tranh. Ta không tranh với người, người cũng không tranh với ta; người tranh với ta, ta cũng không tranh chấp với người, nếu làm được như vậy thì mọi sự tranh chấp trên thế giới sẽ biến mất.

2) Thứ nhì là Không Tham, có nghĩa là đối với mọi thứ mọi vật mình đều không tham lam.

3) Thứ ba là Không Cầu, có nghĩa là không truy đuổi, không tham cầu bất cứ thứ gì.

4) Thứ tư là Không Ích Kỷ.

5) Thứ năm là Không Tự Lợi, có nghĩa là không mưu đồ lợi lộc cho riêng mình; và

6) Thứ sáu là Không Vọng Ngữ, tức là không nói dối.

Đó là Sáu Đại Tông Chỉ mà ở Vạn Phật Thánh Thành ai ai cũng cần phải rèn luyện. Các bạn tới thăm Vạn Phật Thánh Thành, tôi không phải tuyên truyền mà chỉ muốn giới thiệu cho các bạn biết về tông chỉ của Vạn Phật Thánh Thành. Hy vọng các bạn trẻ sẽ đặc biệt nỗ lực giúp ích cho đất nước của các bạn, làm cho quốc gia và dân tộc của các bạn được an vui, hạnh phúc. Các bạn hãy cố gắng đồng tâm hiệp lực!

Bí Quyết Học Thuộc Lòng Kinh Điển

Nhất thốn quang âm nhất thốn kim,

Thốn kim nan mãi thốn quang âm,

Thốn kim thất khứ dung dị đắc,

Quang âm quá khứ nan tái tầm!

(Một tắc thời gian: một tắc vàng,

Vàng không mua được tắc thời gian,

Tắc vàng mất đi dễ kiếm lại,

Thời gian qua mất khó lòng tìm!)

Người đời từ sáng tới tối, cạnh tranh, phấn đấu đều không ngoài việc kiếm cơm ăn, áo mặc, tài vật, chỗ ở và danh lợi, vì năm thứ này mà ai nấy điên điên đảo đảo, từ sáng sớm đến chiều tối không có thời giờ để nghỉ ngơi. Thỉnh thoảng có lúc không phải đi làm, được ở nhà, thì họ lại bận rộn với đủ thứ tiết mục như coi Tivi, chơi com-pu-tơ (computer), chơi cổ phiếu, xem xi-nê, đi du lịch v.v...

Người ở Vạn Phật Thánh Thành cũng bận rộn, song sự bận rộn ấy thì hoàn toàn khác biệt. Ở đây, không ai vì chuyện ăn uống, áo quần, hay chỗ ở mà bận rộn cả. Người ở Vạn Phật Thánh Thành không chú trọng những thứ đó tạm đủ là được rồi; còn đối với danh lợi thì họ lại càng thờ ơ hơn nữa. Tuy nhiên, ai nấy đều rất bận rộn. Nhưng bận chuyện gì chứ? Bận rộn học Phật, học Pháp, học Tăng; bận rộn tu Giới, tu Định, tu Huệ tính chất hoàn toàn khác biệt với người đời. Ở đây, chúng ta hằng ngày nghiên cứu

kinh điển thì cần phải đặc biệt chuyên tâm chú ý, chứ không phải thân ở đó mà tâm thì chạy mất, chẳng biết chạy tới phương nào! Các bạn không nên cho rằng người này giảng Pháp hay nên chú ý nghe, còn người kia giảng không hay nên lơ đãng, không chú ý nghe. Nếu các bạn cứ ở nơi nhân, ngã, thị phi mà dụng công thì tâm thương ghét của các bạn rất là nặng, tâm để ý tới chuyện đúng, sai, tốt, xấu cũng rất lớn, các bạn chưa hoàn toàn khắc phục hoặc tẩy trừ nó được.

Khi nghe giảng Kinh thì các bạn cần phải hết sức thành khẩn, chăm chú. Nếu người ta giảng hay thì mình nên học hỏi, bắt chước phương pháp của họ. Nếu người ta giảng không hay thì mình càng nên chú ý lắng nghe, dùng Trí Diệu Quán Sát để nhận xét xem họ giảng có đúng hay không, có phù hợp với giáo pháp, với chân lý hay không; chứ đừng dùng thức tâm mà phân biệt, so sánh để tìm lỗi lầm. Đối với mọi cử chỉ mọi hành động của bất kỳ người nào, các bạn đều phải đặc biệt chú ý, lưu tâm mà học hỏi, đừng để lãng phí; như vậy các bạn mới có chỗ sở đắc, mới khai mở được trí huệ. Việc khai mở trí huệ không phải một ngày một đêm mà thành tựu được, nó đòi hỏi chúng ta sáng phải tu như vậy, chiều cũng phải tu như vậy, từ sáng tới tối phải liên tục học tập, không gián đoạn; như thế mới có cơ hội thành tựu.

Bây giờ mọi người đều đang học Kinh Lăng Nghiêm và Chú Lăng Nghiêm. Các bạn cần phải biết rằng Kinh Lăng Nghiêm là chân-thân của Phật, và cũng chính là Phật, chính là Pháp, chính là Tăng, chính là Giới, chính là Định, chính là Huệ. Các bạn muốn cung kính Tăng, thì trước hết phải cung kính Kinh Lăng Nghiêm. Các bạn muốn học Giới, tu Định, phát Huệ, thì trước hết phải học Kinh Lăng Nghiêm. Phật Pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn,

song Kinh Lăng Nghiêm thì đầy đủ, vừa đúng, không dư không thiếu. Chúng ta phải học bộ Kinh này, và phải học cho thuộc, cho nhuần nhuyễn. Phương pháp học là mỗi ngày các bạn học một đoạn kinh văn, và hằng ngày đều phải ôn lại những phần đã thuộc. Đừng ham học nhiều, học mau, phải mỗi ngày ôn tập một lần thì mới có thể thuộc lòng được. Đến khi đã làu thông, thành thục rồi thì trở nên tinh xảo, khéo léo; có tinh xảo thì mới sinh ra linh động, nhạy bén. Có câu:

Thục năng sinh xảo, xảo năng sinh linh.

(Quen rồi thành thạo, thạo sanh linh hoạt.)

Điều thiết yếu là các bạn đừng bao giờ bỏ cái gần kề mà chạy đi tìm cái xa xôi, cũng đừng hướng tâm ra ngoài mà truy cầu, săn đuổi; bởi đó chỉ là sự tu hành ở ngoài da, chứ không phải là phương pháp để thâm nhập Kinh Tạng, khai mở trí huệ.

Chúng ta nên lợi dụng giờ giấc nào để học thuộc kinh? Buổi sáng khi vừa thức dậy thay áo quần, hoặc khi đang đánh răng rửa mặt, đều là những lúc có thể thâm tụng kinh văn. Buổi tối lên giường đi ngủ, tuy là đầu kê gối nhưng các bạn vẫn có thể im lặng mà đọc nhắm được cả. Nếu các bạn có thể dụng công học kinh liên tục, không gián đoạn, thì có thể học thuộc lòng rất nhanh.

Phương pháp học kinh có "ba tới." Thứ nhất là "mắt tới"; thứ nhì là "miệng tới"; và thứ ba là "tâm tới." Khi cả mắt, miệng và tâm đều chuyên nhất, chăm chú hướng tới kinh, thì các bạn sẽ học thuộc rất dễ dàng.

Lại còn có ba chỗ có thể để học thuộc kinh. Thứ nhất là trên đường đi, thứ nhì là trên gối, thứ ba là tại nhà tiêu. Ba chỗ này là

những nơi rất thuận tiện cho việc học thuộc kinh. Nếu các bạn áp dụng phương pháp này thì có thể học thuộc kinh rất là nhuần nhuyễn. Các bạn hãy thí nghiệm xem!

Pháp Vị Chân Thật

Vạn Phật Thánh Thành là đạo tràng của cảnh giới Hoa Nghiêm, là đàn tràng của Kinh Lăng Nghiêm và Chú Lăng Nghiêm, và cũng là kho tàng của Pháp Tứ Thập Nhị Thủ Nhân. Ngày ngày chúng ta ở nơi kho tàng châu báu này nghiên cứu đạo lý chính là vì muốn bỏ mê về giác, cải tà quy chánh, đoạn dục khử ái. Nếu làm được như vậy thì sẽ chấm dứt được những suy nghĩ tà quấy, phá thủng màng vô minh điên đảo. Bây giờ, các bạn không cần học hỏi Phật Pháp gì nữa cũng được, bởi vì các bạn đã bỏ được bờ mê để quay về bến giác, đã bỏ đường tà để trở về với đường chánh, về với cội nguồn bản hữu rồi.

Song le, trong lúc các bạn chưa được chỗ như vậy, chưa cải tà quy chánh, chưa đoạn dục khử ái, chưa phản bản hoàn nguyên, chưa về tới cội nguồn được, thì các bạn phải ngày ngày nỗ lực nghiên cứu những kinh điển Đại Thừa như Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Lục Tổ Pháp Bảo Đàn, Kinh Địa Tạng, Kinh Kim Cang v.v... Các bạn cần phải chuyên tâm, chí thành khẩn thiết mà tu học chân lý. Các bạn chớ nên chỉ dụng công bề ngoài một cách hời hợt như kiểu "gãi ngứa qua giày," mà cần phải đạt được Pháp vị chân thật thì mới có công dụng thực tiễn!

(Ngày 27 tháng 5 năm 1983)

Kẻ Cướp Trong Nhà Khó Đề Phòng!

Từ kiếp vô thủy xa xưa đến nay, Sáu Căn của người phàm phu cứ chạy theo ngoại cảnh, tức là Lục Trần⁹ mà "tìm thanh kiếm sắc," tạo ra không biết bao nhiêu nghiệp bất tịnh. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý của con người thì giống như sáu kẻ gian làm mối lái cho giặc, chúng dẫn bọn cướp vào nhà lấy hết tất cả tài sản quý giá nơi "căn nhà" tự tánh của chúng ta.

Chúng ta cho rằng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý là những thứ giúp đỡ mình; kỳ thật, sáu thứ này là sáu vật rất xấu xa, chúng dẫn kẻ gian vào nhà cướp đoạt hết Pháp bảo tự tánh của chính mình mà mình vẫn không hay biết; quả thật là "kẻ cướp trong nhà khó đề phòng!" Bây giờ hãy nói về mắt và tai:

Nhãn bất kiến, khẩu bất sàm,

Nhĩ bất thính, tâm bất phiền.

(Mắt không thấy, thì miệng không thèm thuồng,

Tai không nghe, thì lòng không phiền não.)

Khi trông thấy người khác ăn những thức ăn ngon lành thì tự nhiên mình có ý muốn nếm thử, rồi sanh lòng tham ăn. Khi nghe thấy lời hay ho, mình sanh lòng vui thích; còn nghe thấy những lời trái tai, nghịch ý thì sanh giận dữ. Các bạn đừng cho rằng mắt là vật tốt, giúp mình nhìn thấy, bởi vì chính do sự giúp đỡ của mắt mà sanh ra đủ thứ phiền não, như khi mắt nhìn thấy sắc đẹp thì mình sanh lòng tham sắc đẹp, tham tới mức là mình đạt được nó thì lòng sanh phiền não, mà không đạt được nó thì cũng sanh phiền não! Ngay cả mũi, lưỡi, thân, tư tưởng hay ý niệm cũng đều như vậy, chúng khiến mình phát sanh đủ thứ phiền não, mà

một khi phiền não nảy sinh là mình mất đi Pháp bảo tự tánh; nên nói rằng:

Thiên nhật khảm sài nhất thiêu tận.

(Ngàn ngày chẻ củi, một ngày đốt sạch.)

Cũng vậy, mình tu dưỡng công phu Thiền Định cả ngàn ngày, nhưng đến khi đạt được cảnh giới khinh an tự tại rồi, thì hốt nhiên chỉ vì khởi một niệm phiền não mà bao nhiêu công phu đều tiêu tan cả; nên có câu:

Tinh tinh chi hỏa thiêu tận công đức chi lâm.

(Một đốm lửa nhỏ có thể thiêu sạch cả rừng công đức.)

Cho nên người tu Đạo cần phải:

Nhãn quán hình sắc, nội vô hữu,

Nhĩ thính trần sự, tâm bất tri.

(Mắt nhìn hình sắc, lòng không động,

Tai nghe thế sự, dạ chẳng hay!)

Phải có được Định-lực như thế thì mới không bị người ta tới cướp của quý trong nhà. Nếu không, thì suốt ngày các bạn sẽ theo Sáu Căn và Sáu Trần, tâm hướng ra ngoài mà chạy, chẳng biết hồi quang phản chiếu, và như thế gọi là "lậu," có nghĩa là phiền não. Khi có lậu thì cứ luân lạc mãi trong ba đường ác, chẳng có kỳ hạn chấm dứt; như thế há chẳng đáng sợ sao? Muốn đoạn trừ phiền não, trước tiên chúng ta phải truy tìm căn nguyên của phiền não. Đức Phật dạy rằng Sáu Thức¹⁰ chính là giặc trong nhà. Bởi do Sáu Căn cấu kết với Sáu Trần nên sanh ra

Sáu Thức, rồi vì thế mà "khởi hoặc, tạo nghiệp," trở nên mê mờ, gây ra đủ thứ ác nghiệp. Cho nên, Sáu Căn chính là kẻ môi giới dẫn dắt chúng ta tạo ra những việc ác.

"Gia bảo" (vật báu) trong nhà mình là gì? Gia bảo của mình chính là chân tâm thường trụ hay Như Lai Tạng với tánh giác màu nhiệm sáng suốt, chứ không phải là thứ tiền tài vật chất có hình có tướng của thế gian. Tự tánh thì đầy đủ Phật-bảo, Pháp-bảo và Tăng-bảo, và chính là thứ "tài bảo chân chánh." Ngoài ra, siêng năng tu học Giới, Định, Huệ, hoàn thành Tam Vô Lậu Học, cũng là "Pháp bảo chân chánh" của chúng ta.

Có người nói: "Thứ tài bảo này, tài sản quý báu mà Thầy nói, không thể nhìn thấy thì làm sao tôi tin được?" Người này cũng chẳng đáng trách, bởi vì "tài bảo" này thì không có hình tướng nên chẳng thể nào thấy được. Song lẽ, mình vẫn có thể cảm nhận được nó, người có huệ-căn thì sẽ biết được ngay, còn kẻ không có huệ-căn thì chẳng thể biết được. Đó là vì huệ-căn chưa thuần thực, chín chắn, cho nên họ không thể sanh khởi lòng tin và cũng không thể có sự hiểu biết rõ ràng được!

Không Nên Có Thái Độ Cồng Cao Ngã Mạn Đối Với Tam Bảo!

Theo đạo Phật thì người tại gia phải kính trọng người xuất gia, chứ không được "coi trời bằng vung," không được khinh thường người xuất gia, không được phê phán người xuất gia. Người tại gia phải biết cúng dường và tán thán người xuất gia, như vậy thì mới không tạo ra mạn nghiệp (nghiệp kiêu mạn); nếu không,

người tại gia sẽ trở nên cống cao ngã mạn, chẳng những không được công đức mà còn tạo tội nữa, theo định luật nhân quả thì chắc chắn sẽ bị đọa vào ba đường ác. Ngược lại, khi thọ nhận sự cúng dường của người tại gia, giúp họ trồng ruộng phước, thì người xuất gia cần phải hồi quang phản chiếu, suy xét hằng ngày mình có tu hành đàng hoàng hay không, bởi vì:

Thí chủ nhất lạp mễ,

Trọng như Tu Di sơn,

Thực hậu bất tu Đạo,

Bị mao đái giác hoàn!

(Một hạt cơm thí chủ,

Nặng như núi Tu Di,

Ăn rồi không tu hành,

Mang lông, đội sừng trả!)

Người xuất gia khi thọ nhận sự cung kính của kẻ khác thì phải biết tự phản tỉnh, bản thân mình có xứng đáng để nhận sự cung kính chẳng? Thân mình mặc áo của người tu, nhưng phải chăng mình chẳng khác gì kẻ đời? Phải chăng hằng ngày mình thường khởi những vọng tưởng vô ích? Phải chăng từ sáng tới tối mình luôn nóng giận, bực dọc? Phải chăng từ sáng tới tối mình luôn đổ kỵ hoặc chướng ngại sự tu hành của kẻ khác? Người xuất gia nếu phạm những điều như trên thì không đủ tư cách để thọ sự cúng dường của người tại gia, dù cho miễn cưỡng mà thọ nhận, thì vẫn thấy thẹn với lòng. Người xuất gia tu Đạo cần phải luôn luôn chú ý, không được hồ đồ ở trong đạo tràng lãng phí thời

gian. Nếu sống như thế mà lại thọ nhận sự cúng dường của kẻ tại gia thì thật là điều hết sức sai lầm!

Vì sao người tại gia nên cúng dường người xuất gia hoặc là hộ trì người xuất gia? Là bởi vì người xuất gia chuyên tâm tu Đạo, không có vọng tưởng, phiền não hay tật đố như kẻ đời. Nếu được như vậy thì mới xứng đáng với sự cung kính và cúng dường của người tại gia, mới có thể thọ nhận mà lòng không hổ thẹn. Nếu người xuất gia mà không chân thật tu hành, thậm chí không cung kính và thành khẩn như người tại gia, thì không có tư cách để thọ nhận sự cung kính và cúng dường của kẻ khác! Đây là điều mà mọi người cần phải giác ngộ sâu xa, không thể "lẫn lộn mắt cá với hạt ngọc," không nên ở trong đạo Phật mà kiếm miếng ăn.

Khi người tại gia cúng dường cho người xuất gia thì không được có tâm phân biệt, không được có tâm lựa chọn: "Vị Thầy này có tu hành nên tôi muốn cúng dường. Vị Thầy kia không có đạo hạnh nên tôi không cúng dường." Đừng nên có tâm trạng không chánh đáng như vậy. Bất luận ở đâu chúng ta cũng đều nên cúng dường Tam Bảo, chứ đừng bới lông tìm vết, đừng tìm kiếm lỗi lầm của Tam Bảo. Nếu bạn cứ luôn tìm kiếm lỗi lầm của Tam Bảo, thì đó chính là tánh cống cao ngã mạn của bạn tác quái, dứt khoát bạn không đủ tư cách hộ trì Tam Bảo!

Ở trong đạo tràng, chúng ta đừng nên tạo tội lỗi mà cần phải làm nhiều việc công đức, như thế mới bù đắp được những tội lỗi mình đã tạo khi xưa. Đầu tiên, chúng ta cần phải sám hối, bởi:

Di thiên đại tội,

Nhất sám tiện tiêu.

(Tội lỗi dẫu lớn đầy trời,

Nếu biết sám hối, tội thời tiêu tan.)

Vậy phải sám hối như thế nào? Chúng ta phải ở trước tứ chúng mà kể ra tất cả tội lỗi mình đã làm, phải nói rõ mọi chi tiết của các tội và phát nguyện rằng từ nay về sau tuyệt đối sẽ không tái phạm. Như vậy thì chư Phật và chư Bồ Tát mới có thể tha thứ cho chúng ta và giúp ta trừ sạch nghiệp tội. Những tội lỗi trước kia của chúng ta đều là "vô tâm sở phạm," tức là do vô ý mà phạm. Song lẽ, từ nay về sau, nếu chúng ta tái phạm thì đó là "minh tri cố phạm"- biết rõ mà vẫn cố ý vi phạm - thì dù có sám hối cũng không có tác dụng bởi nó thuộc loại định nghiệp, tương lai chúng ta tất sẽ chịu quả báo. Chúng ta không nên có tư tưởng: "Ban ngày tạo tội, ban đêm cầu nguyện, kể như vô tội!"; rồi cứ gây nghiệp luôn luôn, mà gây xong thì tiếp tục cầu nguyện, và dần dà tạo thành một thói quen máy móc. Nếu cứ như thế thì tương lai nghiệp tội của chúng ta sẽ chất chồng như núi Tu Di, không đọa địa ngục sao được!

Trong đạo tràng của chúng ta có hóa thân của mười phương chư Phật, hóa thân của mười phương chư Bồ Tát, hóa thân của chư Bích Chi Phật, hóa thân của chư Thánh nhân A-la-hán, và cả Thiên Long Bát Bộ cũng ở đây hộ pháp nữa. Vì thế, nếu chúng ta ở trong đạo tràng mà cứ luôn gây phiền phức cho người khác, soi mói lỗi lầm của mười phương vậy! Sống trong đạo tràng mà một mặt tu hành, một mặt tạo nghiệp - công đức tu được không bằng ác nghiệp tạo ra thì cũng giống như tiền gửi trong ngân hàng không bằng tiền chi tiêu; nếu không bù được sự thâm thủng thì tương lai sẽ bị phá sản. Bởi vậy:

Thiện ác lưỡng điều đạo,

Tu đích tu, tạo đích tạo.

(Thiện ác hai con đường,

Tu thì tu, tạo vẫn tạo.)

Nghĩa là thiện, ác hai con đường một mặt mình tu, mà ác nghiệp thì vẫn tạo. Do đó, đừng nên ở chùa mà chỉ biết tạo nghiệp ác. Hãy nên thường xuyên tìm kiếm lỗi lầm của chính mình, chứ đừng soi mói sự sai trái của người khác. Nếu cứ chuyên tìm lỗi người, chướng ngại kẻ khác tu hành thì chẳng những bản thân mình không được điều gì tốt lành mà tương lai mình còn phải gánh chịu quả báo, hậu quả khó lường!

Bớt Dừng Lời Khách Sáo

Trong xã hội có rất nhiều kẻ lảm lời. Vì sao? Vì giữa người với người, trong xã hội đã hình thành thứ phong khí không dám nói lời chân thật, chỉ nói toàn lời giả dối!

Vì sao người ta không nói lời chân thật? Là vì chẳng ai muốn nghe lời chân thật cả! Đối với Pháp thì cũng tương tự như vậy, nhiều người chỉ thích hoa và lá chứ không thích trái cây! Ví dụ như những cây ăn trái, vào lúc ra hoa thì tỏa hương thơm dịu, ai ngửi cũng thấy thích hơn cả lúc ăn. Song đến khi trái chín, thì nó không còn sức thu hút lớn lao như thế nữa. Điều này cũng tương tự như người đời thích nghe lời giả dối, ghét nghe lời chân thật vậy. Lời giả dối ví như hương thơm khi cây ra hoa, toàn là những lời đẩy đưa, rào đón khéo léo, những ngôn từ khách sáo, không

thật, nhưng lại có rất nhiều người muốn nghe, và nghe một cách say sưa, thích thú! Còn nếu thành thật mà nói đến những vấn đề như làm sao giữ Giới Luật, làm sao giữ quy củ, thế nào là không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói dối, hoặc làm sao để thành người Phật tử chân chánh thì chẳng riêng gì kẻ khác đạo mà luôn cả tín đồ Phật Giáo cũng cho là "chói tai," trong lòng khó chịu, chẳng muốn nghe. Tại sao vậy? Là vì "trung ngôn nghịch nhĩ," lời nói thẳng thắn mà trái tai này không thuận lợi cho việc họ làm! Cũng chính vì lý do ấy mà trong Pháp Hội Linh Sơn, khi đệ tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Tôn-giả Xá Lợi Phất cung thỉnh Ngài thuyết giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Ngài dạy rằng:

Chỉ, chỉ, bắt tu thuyết!

Ngã Pháp diệu nan tư.

(Thôi, thôi, chớ nên nói!

Pháp của Ta kỳ diệu, khó nghĩ bàn.)

Đức Phật đã nói như thế, nhưng Tôn-giả Xá Lợi Phất vẫn cứ ân cần thỉnh Pháp. Phật lại dạy:

Chỉ, chỉ bắt tu phục thuyết!

Ngã Pháp diệu nan tư.

(Thôi, thôi, chớ nên nói!

Pháp của Ta kỳ diệu, khó nghĩ bàn.)

Đệ tử bao nhiêu lần thỉnh cầu thì Phật cũng bấy nhiêu lần trả lời như vậy. Cuối cùng, vì người thỉnh Pháp quá thành tâm, Phật

động lòng từ bi thương xót chúng sanh, nên Ngài đã tuyên giảng đạo lý "Khai Quyền Hiển Thực," đặt ra phương tiện tạm thời để dẫn đến sự thật rốt ráo:

Duy nhất Phật Thừa, cánh vô dư Thừa!

(Chỉ có một Phật Thừa,

không còn Thừa nào khác!)

Sau khi Đức Phật nói câu ấy, lập tức có năm ngàn người rút lui khỏi Pháp Hội! Các bạn xem, những người ấy có kẻ là đệ tử theo Phật tu Đạo đã nhiều năm, có kẻ chỉ mới theo học Phật Pháp, đều đồng thời đứng dậy rời khỏi Pháp Hội, không muốn lắng nghe giáo pháp diệu mầu của Đức Phật!

Sự kiện trên chứng tỏ rằng người đời chỉ thích nghe lời giả dối chứ không muốn nghe lời chân thật. Do đó, những lời tôi nói với các bạn hôm nay đều là giả dối chứ không phải chân thật; các bạn có thể quên hết những lời nói trên. Song le, các bạn cần phải nhớ kỹ cái pháp mình muốn nghe, cái pháp mình muốn thực hành!

Tất cả những người tới Vạn Phật Thánh Thành đều phải tuân theo quy củ của Vạn Phật Thánh Thành. Bất luận là người thường trú ở Thánh Thành hay là người ngoài đến viếng chùa, không ai được phép ăn thịt, hút thuốc, uống rượu, và càng không được hút thuốc phiện trong khuôn viên của Vạn Phật Thánh Thành. Mọi người cần phải lưu ý thêm một điều là không nên "cám ơn" lẫn nhau! Hai tiếng "cám ơn" là những ngôn từ xã giao thù tiếp. Đó là trọng điểm của những gì tôi nói hôm nay, bất kể là

các bạn muốn nghe hay không muốn nghe, tôi vẫn cứ như vậy mà nói!

(Ngày 26 tháng 6 năm 1983)

Cảm Kích Ân Đức của Chư Phật và Chư Bồ Tát

Chư Phật và chư Bồ Tát đã không nề gian khổ quay chiếc thuyền từ bi trở lại thế giới Ta Bà để giáo hóa, điều phục chúng sanh. Các Ngài dùng đủ tám vạn bốn ngàn pháp môn để tiếp dẫn những ai hữu duyên. Song, mình chẳng những không hiểu tinh thần và tấm lòng từ bi hỷ xả của Phật Bồ Tát, lại còn quay lưng với sự giác ngộ, hợp cùng trần lao ngu muội, bỏ gốc theo ngọn, chẳng muốn chấm dứt sanh tử và thoát ra khỏi Tam Giới!¹¹

Ai ai cũng biết rằng Tam Giới giống như nhà cháy, không phải là chỗ yên ổn, song le, chẳng ai muốn rời khỏi Tam Giới! Mặc dù biết rằng ở trong Tam Giới thì vạn phần thống khổ, nhưng ai cũng lưu luyến, chẳng muốn lìa xa. Họ sống một cách thản nhiên trong căn nhà lửa Tam Giới, chẳng lo âu sợ hãi, lại còn cho là vui vẻ, sung sướng!

Chư Phật Bồ Tát hết lòng thuyết Pháp, dạy dỗ chúng sanh, khiến quay về đường ngay nẻo phải. Tiếc thay, chúng sanh vì không hiểu được tâm niệm của chư Phật Bồ Tát nên nghe mà như không hiểu, nhìn mà như không thấy, coi lời giảng của quý Ngài như gió thoảng qua tai, chẳng để tâm ghi nhớ, vẫn cứ vật vờ "sống say chết mộng," giống như cái thây biết đi hay bị thịt biết chạy vậy! Tuy là tu Đạo, nhưng họ không biết tìm cầu con đường giác ngộ chân chánh. Vậy, nếu muốn tìm cầu con đường dẫn tới

sự giác ngộ chân chánh thì tìm ở đâu? Vô cùng đơn giản, chỉ cần đừng hướng tâm ra ngoài để truy đuổi, mà hãy đi ngược lại sự mê lầm, quay về với sự giác ngộ. Từ cảnh giới mê muội mà quay trở lại, đó chính là giác ngộ!

Nếu vất bỏ được tà niệm, quay về với chánh niệm, thì chúng sanh có thể trở nên giác ngộ, khai mở đại trí huệ. Song le, chúng sanh không muốn "hồi đầu" quay về mà cứ muốn trôi nổi trong biển khổ sanh tử, vĩnh viễn đánh mất đường Đạo chân chánh, rồi lại cho rằng hành động như thế là rất chính đáng. Như vậy không phải là điên đảo sao? Trước tình huống ấy, chư Phật Bồ Tát cũng không còn biện pháp gì để làm cho chúng sanh được xa lìa cảnh khổ, hưởng sự an vui nữa cả. Vì sao? Vì chúng sanh còn mê muội, quá ư mê muội, chưa tỉnh ngộ! Giảng về đạo lý giác ngộ thì điều nào cũng xa lạ đối với họ mà nguyên nhân là bởi các thói hư tật xấu tích tập nơi họ đã quá sâu dày. Các tập khí ấy đè lên trí huệ, che lấp trí huệ, vì thế họ không thể nhận thức và phân biệt rõ ràng điều gì đúng, điều gì sai, đâu là chánh, đâu là tà, thứ nào là thật, thứ nào là giả được.

Nếu biết được cái chân thật, thì nên vất bỏ cái giả dối đi. Vì sao chúng sanh mê muội? Chính là vì không có trí huệ chân chánh nên tới đâu cũng va phải vách, đụng phải tường, gặp trở ngại, không được sông sẻ, không va vào tường phía đông thì cũng đụng vào tường phía tây, phía nam hoặc phía bắc. Ở giữa có lối trống thì không đi, cứ sòng sọc đâm đầu vào tường đến nỗi máu chảy đầy mặt mà vẫn không biết "hồi quang phản chiếu," không biết lấy trí huệ để soi sáng tự tâm!

Chư Phật Bồ Tát tận tình chỉ dạy, thuyết giảng nhiều Pháp bảo 'Tam Tạng Mười Hai Bộ Kinh' thế mà chúng sanh vẫn thờ ơ như

không nghe không thấy, để phụ lòng từ bi của các Ngài, khiến cho các Ngài cảm thấy vô cùng mệt mỏi. Vì sao các Ngài lại mệt mỏi? Vì cảm thấy chúng sanh khó độ, chư Phật Bồ Tát hao tổn biết bao tâm huyết mà chúng sanh vẫn "trơ như gỗ đá," không chịu sửa đổi, không chịu tu hành, không chịu giữ Giới. Tuy chúng sanh khó cứu độ như vậy, nhưng chư Phật và chư Bồ Tát vẫn không nản lòng, dù khó độ, quý Ngài cũng vẫn độ! Không những thế, quý Ngài còn từ bi muốn cứu độ khắp hết tất cả chúng sanh. Ân đức này chúng ta làm sao báo đáp?

Địa Tạng Bồ Tát từng phát nguyện rằng:

Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật,

Chúng sanh độ tận, phương chứng Bồ Đề.

(Địa ngục chưa trống, thề không thành Phật,

Chúng sanh độ hết, mới chứng Bồ Đề.)

Lời nguyện này thật vĩ đại biết bao! Mình hãy nghiền ngẫm ý nghĩa của lời nguyện ấy. Không cần phải xem kinh điển, chỉ nghe qua lời nguyện thôi, mình cũng đã nên cảm tạ ân đức của Địa Tạng Bồ Tát, phải đau lòng khóc lớn, cảm tạ sự quan tâm, che chở của chư Phật Bồ Tát dành cho mình. Tất cả mọi thứ trên thế giới này đều là do chư Phật Bồ Tát trong vô lượng kiếp đã xả thân bồi đắp. Chúng ta nhất định phải phát tâm Bồ-đề rộng lớn trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sanh. Như thế mới có thể báo đáp được phần nào ơn của chư Phật, ơn của chư Bồ Tát, ơn của cha mẹ, ơn của sư trưởng và ơn của trời đất. Mình phải làm sứ giả cho Đức Phật, phải phát tâm từ bi thay Phật mà tuyên hóa tuyên dương Chánh Pháp, giáo hóa chúng sanh và cứu nước

cứu dân một cách có ý nghĩa. Bất cứ lúc nào chúng ta cũng phải giữ lòng từ bi, có tinh thần chánh nghĩa, và sẵn sàng đem hết sức lực của mình, dù nhỏ nhoi đến đâu, để hoàng dương Phật Pháp, để tuyên đạt bốn hoài của chư Phật.

Vì sao thành Phật rồi mà Đức Phật vẫn không quên chúng sanh, lại phát nguyện muốn cứu độ chúng sanh? Là vì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật, chẳng qua là chúng sanh chưa tự biết được điều đó mà thôi! Do bị tham, sân, si, vô minh, phiền não, vọng tưởng, v.v... che lấp nên trí huệ chân chánh của mình không thể hiển lộ được; vì lẽ đó, chư Phật Bồ Tát mới đến để chỉ bày cho mình phương pháp khai ngộ. Nếu mình có thể nương theo giáo pháp của Ngài chỉ dạy mà tu hành, thì nhất định mình sẽ khai trí huệ. Cho nên, bất cứ lúc nào chúng ta cũng phải biết cảm kích ơn của chư Phật, cảm kích ơn của chư Bồ Tát, cảm kích ơn của cha mẹ, và cảm kích ơn của sư trưởng.

Trong vũ trụ của chúng ta thì Tam Tài: trời, đất và con người đều có giá trị như nhau; cho nên mình chớ lãng phí giá trị của sanh mạng! Đó là tư tưởng mà kẻ làm người cần phải có. Chúng ta cần phải thấu hiểu bốn hoài cũng như hạnh nguyện của chư Phật Bồ Tát, bởi có như thế thì mới không uổng phí được làm kiếp người!

(Ngày 9 tháng 7 năm 1983)

Làm Thế Nào Để Có Được Trí Huệ Hơn Người?

Chúng ta phải "mượn cái giả để tu cái chân thật," phải học hỏi trí huệ hơn người và thần thông khó nghĩ bàn của chư Phật cùng chư Bồ Tát.

Vì sao có thể đạt tới chỗ trí huệ hơn người? Làm sao có thể đạt được thần thông khó nghĩ bàn? Nói một cách tóm tắt là vì khi còn ở nhân địa thì chư Phật Bồ Tát bao giờ cũng tu hành một cách nghiêm túc, chân thật, và lúc nào cũng giữ Giới hết sức cẩn thận. Bất luận lúc nào các Ngài cũng tự mình nêu gương, đi đứng nằm ngồi đầy đủ oai nghi. Đối với chúng sanh thì các Ngài không ngại vất vả, sẵn sàng hy sinh, chẳng tiếc thân mạng, mà tuyệt nhiên không bao giờ tự quảng cáo hay khoe khoang công đức mà các Ngài đã làm vì lợi ích của chúng sanh. Đó là vì các Ngài xem cứu độ chúng sanh là bổn phận và trách nhiệm của các Ngài.

Chư Phật và chư Bồ Tát đều có tư tưởng:

Thi ân bất cầu báo,

Dữ nhân bất truy hồi.

(Ban ơn, không mong đáp,

Cho rồi, không hỏi tiếc.)

đồng thời đều có hành vi "vô duyên đại từ, đồng thể đại bi," có lòng nhân từ bao la đối với kẻ không có duyên với mình, thấy mọi loài là cùng một thể với mình. Chính nhờ tu hành như vậy nên các Ngài mới được trí huệ hơn người và đạt thần thông khó nghĩ bàn.

Mình thường xuyên nghe giảng Kinh, thì cần phải suy gẫm, "tiêu hóa" các nghĩa lý thì mới có ích; bằng không thì nghe Kinh tuy nhiều nhưng lại chẳng lãnh hội được những đạo lý trong Kinh! Có nhiều người thậm chí đem các nghĩa lý của Kinh mà "đặt đằng sau ót," chẳng nghiên cứu, chẳng suy gẫm; rồi vì chỉ dùng con quỷ "tinh ranh," con sâu "lanh lợi" của riêng họ nên gây ra đủ chuyện hồ đồ, điên đảo. Làm điều xằng bậy như thế tức là họ không có hiếu với chư Phật và chư Bồ Tát, là bất hiếu với tổ tiên, cha mẹ và sư trưởng của họ. Thế thì chúng ta phải như thế nào? Phải hành trì Phật Pháp một cách đàng hoàng, chân thật, không được lười biếng trễ nãi, không được phóng dật buông lung, ở đâu cũng cẩn thận, lúc nào cũng thận trọng, và phải luôn luôn dũng mãnh tinh tấn, nghiêm thủ Giới Luật. Đó là những điều kiện tất yếu mà người tu Đạo phải tuân theo.

Nếu chúng ta có những tập khí, thói quen không chánh đáng thì nhất định phải sửa đổi. Có khuyết điểm mà không chịu sửa đổi, còn che đậy, đó chính là "trợ Trụ vi ngược," nghĩa là giúp vua Trụ làm những điều tàn ác, bạo ngược. Đời nhà Ân, vua Trụ vốn là một vị hôn quân vô đạo; cho nên người nào giúp y làm những điều độc ác tức là người ấy "trợ Trụ vi ngược." Trong số những người tu Đạo cũng có Trụ Vương. Đó là ai? Chính là Ma Vương! Thấy Phật Pháp trở nên hưng thịnh thì Ma Vương rất khó chịu, bèn dùng trăm phương ngàn kế để phá hoại Phật Pháp, nhiễu loạn đạo tràng. Hễ các bạn có đạo tràng thì Ma Vương tới quấy nhiễu đạo tràng. Nếu các bạn không có đạo tràng thì Ma Vương sẽ quấy nhiễu thân tâm các bạn, làm cho các bạn thân không an, tâm không ổn; một khi thân tâm các bạn điên đảo thì các bạn không thể tu hành có thứ lớp theo như giáo pháp được. Đó là cách phá hoại trực tiếp. Còn cách phá hoại gián tiếp của Ma

Vương là lợi dụng đủ thứ cảnh giới để dẫn dụ, mê hoặc, làm các bạn không còn Định lực, thần hồn điên đảo. Vì trúng phải độc kế của Ma Vương nên các bạn mất chân tâm tu Đạo đến khi hồi hận thì đã trễ!

Do đó, người tu Đạo tâm cần yên định, vững chãi như núi Tu Di; dù gặp bất kỳ cảnh giới nào cũng không động tâm. Khi ấy, Ma Vương đành bó tay, chỉ còn cách quăng giáp tháo chạy mà thôi!

Học Phật Pháp Quý Ở Thực Hành

Hằng ngày mình cùng nhau nghiên cứu Phật Pháp thì ai đều có chỗ tâm đắc, nhưng nếu không thực hành thì cũng thành vô dụng. Sau khi nghiên cứu, mình phải theo đó tu hành. Phải thực hành với "chân đạp trên mặt đất vững chắc," thì mới có sự thọ dụng. Nếu mình không thực hành, chỉ nói suông, thì mình cũng giống như "người đá" đối với Phật Pháp chẳng giúp ích được bao nhiêu cả!

Muốn giúp ích cho Phật Pháp thì mình phải hoằng dương Phật Pháp, tự mình làm gương, chú ý bốn oai nghi¹² giữ năm Giới¹³ dùng Tứ Vô Lượng Tâm (từ, bi, hỷ, xả) để độ chúng sanh và dùng Sáu Đại Tông Chỉ (không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, và không vọng ngữ) làm tiêu chuẩn để răn mình. Nếu các bạn dùng những phép tắc như vậy để hoằng dương Phật Pháp thì bất cứ lúc nào và bất cứ nơi nào cũng có sự hiện hữu của Chánh Pháp, không thể có sự xuất hiện của Mạt Pháp, tà ma ngoại đạo sẽ sợ hãi đến rụng tóc gáy, hể thấy bóng

các bạn là chúng chạy trốn mất. Điều khiến chúng sợ hãi chẳng phải là thần thông diệu dụng mà chính là đức hạnh của các bạn!

Khi "tri hành hợp nhất," biết và làm là một, thì sự tu hành của mình nhất định sẽ thành tựu; yêu ma quỷ quái chỉ nghe tiếng là đầu hàng ngay. Vì sao vậy? Bởi vì các bạn có trí huệ chân chánh, nhận thức được sự lý thật giả, biết được việc gì nên làm và việc gì không nên làm! Các bạn cần phải nhận thức rõ ràng, hiểu thấu suốt, không làm chuyện điên đảo, không có mọi phiền não, rắc rối, thì mới có thể nói là đã đạt tới cảnh giới "như như bất động, liễu liễu thường minh." Nếu được như thế thì mười phương chư Phật sẽ vỗ tay khen ngợi, hoan hỷ vô cùng; nếu chẳng được như thế - không tới được chỗ phải tới, tự cam chịu đọa lạc, không cầu tiến - thì chư Phật cũng phải bật khóc: "Ôi! Ta đã hao tổn biết bao tinh thần thể mà ngay cả một chúng sanh cũng không độ được. Thật là quá sức khó khăn!" Do đó, các bạn nếu biết được một chút thì hãy thực hành một chút, bởi "tích tiểu thành đa, góp gió thành bão," từ một chút mà tích lũy dần thì sẽ thành nhiều, ví như đóng cát cũng có lúc dồn thành ngọn núi, công phu đầy đủ thì tự nhiên sẽ thành công!

Mình được ở đây tu hành là đã "được trời hậu đãi" rất nhiều; do đó, mình không nên lãng phí cơ hội quý báu này và không nên phụ lòng của sư trưởng. Các bạn hãy dũng mãnh, tinh tấn tu Đạo Vô Thượng để chóng thành Phật quả!

Sửa Đổi Lỗi Làm, Nghiệp Tội Sẽ Tiêu Tan!

Người ta sống cùng một nơi với nhau tức là có duyên với nhau, do đó đừng nên sanh lòng bực bội, tức giận, và càng không nên mắng chửi lẫn nhau, các hành vi như thế hoàn toàn không thích hợp và không thể chấp nhận được. Hy vọng mọi người đều có được công phu tu dưỡng và phong độ của bậc quân tử.

Trong Lục-độ14 pháp môn Nhẫn-nhục quan trọng bậc nhất. Mọi người phải tu tập Pháp Môn Nhẫn-Nhục cho viên mãn thì mới có sự thành tựu. Người tu đạo tuyệt đối không được "nhóm lửa trong gan," không được nổi giận, cần phải nhẫn nhịn mọi chuyện, bởi có câu rằng:

Vô minh hỏa thiêu tận công đức lâm.

(Lửa vô minh (sự nóng giận) đốt sạch rừng công đức)

Do đó các bạn phải ghi nhớ điểm này bằng mọi giá!

Hôm nay có một đệ tử xin được sám hối. Tôi thấy lỗi phạm không nghiêm trọng lắm, nên bảo y rằng không cần phải ra trước đại-chúng mà sám hối, chỉ cần hối cải, sửa đổi lỗi làm là được. Cổ nhân có nói:

Nhân phi Thánh Hiền, thực năng vô quá?

Quá vật đan cải, thiện mạc đại yên!

Nghĩa là:

Con người nào phải Thánh Hiền, ai chẳng làm lỗi?

Chẳng sợ sửa đổi, còn gì tốt hơn!

Tự mình biết lỗi, về sau không tái phạm là tốt rồi, nên nói:

Hữu quá năng cải quy ư vô.

(Có lỗi mà sửa đổi tội lỗi sẽ sạch tiêu.)

Biết sửa đổi lỗi lầm thì lỗi lầm không còn nữa. Tức là tội có lớn tà trời, nếu biết sám hối thì tội cũng sẽ tiêu tan (di thiên đại tội, năng hối tiện tiêu). Chỉ sợ rằng tự biết mình sai mà lại cứ cứng đầu cho là đúng; điều sai lầm mà chấp là đúng thì lại càng sai hơn nữa!

Những điều tôi nói hôm nay không phải dành riêng cho một cá nhân nào mà là cho chung tất cả mọi người. Bất luận người nào, nếu nhận thấy mình thuộc vào trường hợp nói trên thì hãy mau mau sửa đổi; còn nếu không thuộc vào trường hợp trên, thì hãy tự khích lệ, lấy đây làm điều sách tấn. Phàm hễ mình có thái độ không được viên mãn tốt đẹp với người khác, thì nên lập tức cải thiện ngay.

Các bạn đến được đây (chùa) là nhờ bao kiếp lâu xa về trước đã gieo trồng thiện duyên, kết duyên lành với nhau; nếu không thì kiếp này không thể tụ hội lại như thế này được. Đó là điều mà mọi người cần phải hiểu rõ; nhất là mang danh Phật tử lại càng nên chú trọng đến chữ "duyên" hơn nữa! Tục ngữ có câu:

Có duyên, ngàn dặm về gặp gỡ,

Không duyên, đối diện chẳng biết nhau.

Hai câu này thật là đầy triết lý.

Các bạn cùng cư ngụ ở Vạn Phật Thánh Thành nên kính trọng, giúp đỡ lẫn nhau, chứ không nên có thái độ thờ ơ "khoanh tay đứng nhìn" hoặc "đứng bên kia bờ xem nhà cháy." Mọi người hãy

học tinh thần của chư Bồ Tát thấy chúng sanh chìm đắm, khổ sở trong cảnh "nước sôi lửa bỏng" thì cảm thấy như chính bản thân mình đang chịu khổ. Do đó các Ngài tìm cách cứu chúng sanh thoát khỏi biển khổ, đó là bổn phận của tín đồ Phật Giáo. Chúng ta không nên có tâm trạng "hạnh tai lạc họa," (vui mừng trước tai họa của người khác). Đó là điều tội kỳ vọng ở tất cả các bạn. Hy vọng rằng ai ai cũng có tấm lòng Bồ Tát, sẵn sàng quên mình vì người.

Trong mỗi ý niệm, mình nên luôn luôn nghĩ cách hỗ trợ Phật giáo, hoằng dương Phật Pháp, tất cả đều vì Phật giáo mà phục vụ. Hãy làm một tín đồ Phật Giáo chân chính, không sợ khó nhọc, chẳng ngại gian nan, tận tâm tận lực ủng hộ đạo tràng. Phải ở trong Phật giáo mà "lập công lập ngôn," làm việc công đức, nói lời chân thật, thì mới đúng là một Phật-tử. Các bạn cần phải có năng lực dũng mãnh chiến đấu thì mới có thể "bách chiến bách thắng;" không được vừa lâm trận là đầu hàng, không vượt qua nổi thử thách. Nếu vượt qua được thử thách thì các bạn không còn ở cách Đạo bao xa nữa!

Tánh Định, Ma Phục

Tánh định ma phục triều triều lạc,

Vọng niệm bất khởi xứ xứ an.

Tâm chỉ niệm tuyệt chân phú quý,

Tư dục đoạn tận chân phước điền.

Nghĩa là:

Tánh định, ma phục: ngày ngày vui,

Không sanh vọng tưởng: chốn chốn yên.

Tâm dừng, niệm dứt - giàu sang thật,

Dục vọng trừ sạch - thật phước điền.

Vì sao mình có ma chướng? Vì tánh của mình chưa _định! Nếu tánh mà định rồi, thì lúc nào mình cũng minh mẫn sáng suốt, thấu triệt mọi sự. Một khi đạt tới được trình độ như vậy thì:

Nội quán kỳ tâm, tâm vô kỳ tâm,

Ngoại quán kỳ hình, hình vô kỳ hình.

Nghĩa là bấy giờ, chúng ta quán xét bên trong (nội quán) thì không thấy có tâm, nhưng quán xét bên ngoài (ngoại quán) thì cũng không thấy có thân. Khi ấy, cả thân lẫn tâm đều là "không," và quán xét xa ra bên ngoài (viễn quán) thì vật cũng không hiện hữu. Cả ba thứ thân, tâm và vật đều tiêu vong, lúc này chỉ có lý "Không" mà thôi.

Trung Đạo phát khởi là do dựa vào lý "Không" này. Trung Đạo thì không có vui mừng (hỷ), không có bực tức (nộ), không có lo buồn (ai), không có sợ hãi (cụ), không có yêu thương (ái), không có căm ghét (ố), không có tham dục (dục). Khi bảy thứ tình cảm (thất tình hỷ, nộ, ai, cụ, ái, ố, dục) không còn "dậy sóng," thì trong không có vọng tưởng, mà ngoài cũng chẳng có tham cầu, nội ngoại thân tâm hoàn toàn thanh tịnh. Đó là cảnh giới "tánh đã an định." Tánh an định chính là bản thể của Trung Đạo vậy.

Khi tánh đã định thì mình vững chãi chẳng khác gì núi kim-cang, không còn bị cảnh giới của bảy thứ tình cảm làm dao động. Nếu

các bạn thấy cảnh vui mà biết vui, thấy cảnh giận mà biết là giận, thì chứng tỏ rằng các bạn chưa đạt được tánh định. Khi cảnh giới tới mà các bạn liền sanh lòng chấp trước, yêu thích hoặc chán ghét, đó là do tánh chưa định. Bảy thứ tình cảm này cũng như sóng biển. Nếu gặp sóng bạc cao ngất thì thuyền bè có thể bị lật úp; nếu gió yên sóng lặng thì thuyền sẽ bình an tới bến. Người tu Đạo trước hết phải nhận biết bảy thứ tình cảm một cách thấu đáo, không phải chỉ hiểu đạo lý, ý nghĩa của bảy thứ tình cảm là đủ đâu, cần phải khống chế sự dẫn dụ và dẹp tan sự tác oai tác quái của chúng. Nếu không bị cảnh giới của bảy thứ tình cảm làm dao động tức là tánh đã định rồi vậy.

Khi tánh đã định thì ma sẽ đầu hàng, quy phục, chúng không thể làm mưa làm gió, không thể nhiễu loạn thân tâm người tu Đạo được nữa. Sau khi khiến ma hàng phục thì thuận cảnh đến mình cũng vui mà nghịch cảnh tới mình hoan hỷ, bất luận gặp phải cảnh ngộ thuận lợi hay trái ý thì mình đều an lạc, tự tại. Sự an lạc này là thứ an lạc chân chánh, hạnh phúc thật sự, chứ không phải là thứ an lạc đến từ ngoại vật. Hương vị của sự an lạc bất tận này vốn phát xuất từ nội tâm nên lúc nào mình cũng an vui, ngày nào mình cũng thanh thản, mọi lo âu, buồn bã hay phiền não đều không còn nữa.

Tánh đã định rồi thì lúc nào mình cũng cảm thấy an lạc, không còn khởi vọng niệm nữa. Khi vọng niệm không còn thì ở nơi nào cũng được bình yên, nên nói:

Niệm động bách sự hữu,

Niệm chỉ vạn sự vô.

(Khởi niệm: trăm sự đều có,

Dứt niệm: mọi sự đều không.)

Khi mình chẳng khởi tâm động niệm thì thân tâm tự nhiên sẽ thanh tịnh, bình an: do đó nói rằng:

Tâm dừng, niệm dứt - giàu sang thật,

Dục vọng trừ sạch - thật phước điền.

Đó chính là tiêu chuẩn của sự tu Đạo.

Chúng ta không nên "nhận giặc làm con" bởi giặc có thể cướp sạch châu báu của mình, và cũng không nên nghe lời ma quỷ, bởi chúng có thể lừa mình, mà hễ trúng phải quỷ kế thì mình sẽ bị thiệt hại rất lớn. Do đó, các bạn đừng bao giờ kết bạn với quyền thuộc của ma quỷ bởi chúng chỉ biết hại mình, xui khiến mình làm những việc điên đảo, mê muội mà thôi.

Tánh người tu đạo phải định thì mới rời bỏ mê lầm, quay về giác ngộ, bỏ tà theo chánh. Nếu lúc nào chánh niệm cũng hiện tiền thì sẽ không còn bất cứ phiền não nào nữa. Khi sự việc xảy tới thì các bạn hãy đối phó mà đừng có tâm phan duyên; như thế, khi sự việc qua rồi thì tâm lại sạch trong, không lưu giữ dấu vết. Các bạn cần phải hiểu rõ đạo lý "ba cái tâm không thể nắm bắt" tâm quá khứ không thể nắm bắt, tâm hiện tại không thể nắm bắt, và tâm vị lai không thể nắm bắt. Sau khi thấu triệt rồi, các bạn cần theo đó thực hành thì mới thật sự hiểu rõ Phật Pháp. Nếu học mà không thực hành thì dù có học bao nhiêu đi nữa cũng chẳng ích lợi gì, vô minh, phiền não vẫn đầy dẫy, đến tận kiếp vị lai cũng không có chỗ tương ưng. Trí huệ chân chánh cũng chẳng thể hiện tiền. Dẫu có được chút trí huệ thì đó chẳng qua chỉ là thứ nông cạn, hời hợt, chứ không phải là thứ chân chánh.

Phàm là người tu Đạo ở Vạn Phật Thánh Thành thì phải biết quý thời giờ, không được lãng phí thời gian quý báu, bởi vì:

Nhất thốn thời quang, nhất thốn mệnh quang.

(Một tắc thời gian là một tắc mạng sống.)

Do đó, mình cần phải chân thật thực hành giáo lý Phật Pháp học được ở đạo tràng. Đừng nên làm lấy lệ cho xong chuyện hoặc sống lây lất cho qua ngày đoạ thán, bởi như thế là đi ngược lại với Đạo!

Sau khi tánh định rồi thì mình mới có thể phá thủng vô minh, hiển lộ Pháp tánh. Mình nhất định phải phá cho được vô minh, phải làm cho Pháp tánh hiện rõ như vậy mới là đạt mục tiêu học Phật. Điều tối kỵ nhất trong việc học Phật Pháp là "hữu thủy vô chung," có đầu mà không có cuối, bỏ dở nửa chừng, vất hết bao công phu khó nhọc từ trước. Mình không nên rút lui giữa đường hay ngừng lại chẳng chịu tiến tới; bằng không, sẽ chẳng bao giờ đến được "kho báu" Phật Pháp. Các bạn hãy nhớ rằng: Bất luận làm việc gì thì cũng phải có thủy có chung, tới nơi tới chốn; đừng để ngoại cảnh làm dao động rồi thối chuyển, đánh mất chí nguyện của mình! Phát nguyện, lập chí thì phải như sắt đá; đừng vì nghịch cảnh và những việc không như ý làm dao động rồi quên mất tâm Bồ-đề. Mất tâm Bồ-đề là một tổn thất lớn lao nhất; cho nên, người chân chánh hiểu rõ Phật Pháp thì ở bất cứ tình huống nào cũng kiên quyết gìn giữ tâm Bồ-đề, không bao giờ thối chuyển tâm Bồ-đề.

Nếu các bạn không hiểu phương pháp tu hành thì làm bất cứ việc gì "cũng là đầu cọp đuôi rắn," không trọn vẹn, lúc đầu thì rất hăng hái, dũng mãnh, nhưng về sau thì lười biếng, giải đãi. Đó gọi là

"hữu thủy vô chung." Việc gì cũng không viên mãn, hoàn hảo. Vì sao vậy? Bởi vì nhân nào, quả nấy nhân quả thì không sai chạy một mảy may. Đã học Phật Pháp thì mình phải tin nhân quả, không được làm chuyện làm lẩn về lý nhân quả, và càng không được bác bỏ, cho rằng chẳng có nhân quả. Các bạn phải biết rằng nhân quả là định luật muôn đời không thay đổi!

(Ngày 10 tháng 7 năm 1983)

Lòng Hiếu Thảo Chí Thành Cảm Động Đến Trời Đất

Tại làng Đại Nam Câu, một thôn trang phía nam thành phố Hợp Nhĩ Tân, Đông Bắc, có một vị hiếu tử họ Cao, tên là Đức Phước. Vì thân mẫu bị bệnh nặng, cả Trung y lẫn Tây y đều bó tay, vô phương cứu chữa, nên anh phát nguyện chặt tay cúng Phật, xin cho bệnh tình thân mẫu được thuyên giảm. Lòng hiếu thảo ấy cảm động trời đất, khiến thân mẫu anh từ nơi chỗ chết được hồi sinh. Sự kiện này đã từng một thời gây xôn xao; ai ai cũng biết đến gương hiếu thảo của Cao Đức Phước. Chuyện xảy ra như vậy:

Thân mẫu của Cao Đức Phước lâm bệnh nặng, cơm không ăn, nước không uống, hơi thở thoi thóp, hấp hối. Nóng lòng vì mẹ, Cao Đức Phước đến chùa Tam Duyên (hôm ấy nhằm ngày Phật Đản, chùa đang cử hành Pháp-hội, có khoảng mấy trăm thiện nam tín nữ tham dự). Sau khi thắp nhang và lạy Phật ba lạy, anh rút ra một con dao phay. Đúng vào lúc anh sắp chặt cánh tay trái thì có người phát giác kịp thời nên lập tức ngăn cản, hỏi rằng: "Vì sao anh lại muốn chặt tay?" Cao Đức Phước giải thích rằng vì

bệnh tình của thân mẫu và muốn chặt tay cúng dường Phật. Lúc đó có cư sĩ Lý Cảnh Hoa mách với anh: "Anh hãy mau mau đến liêu thất phương trượng mà khẩn cầu Hòa Thượng. Ngài có thần thông, có thể Ngài sẽ cứu được mẹ anh khỏi bệnh đấy!"

Cao Đức Phước bèn đến liêu thất phương trượng, xin gặp Hòa Thượng và kể rõ tự sự. Hòa Thượng bảo anh rằng: "Con hãy đến thỉnh cầu Thầy An Từ. Thầy ấy có cách chữa được bệnh của mẹ con đấy!"

Cao Đức Phước liền tới liêu phòng của tôi và xin tôi mở lòng từ bi chữa bệnh cho mẹ anh. Vì nghe nói anh là người con chí hiếu nên tôi nhận lời, dặn anh rằng: "Con cứ đạp xe về trước đi. Thầy sẽ đến liền!" Anh ta vui mừng đi ngay. Vì anh đi xe đạp nên phải theo đường cái; còn tôi thì đi bộ theo đường tắt, nên đến nơi trước anh ta mười phút.

Vừa bước vào nhà đã thấy tôi có mặt ở đó rồi, Cao Đức Phước vô cùng kinh ngạc hỏi: "Bạch Thầy! Làm thế nào mà Thầy lại tới trước con? Thầy đi bộ mà còn nhanh hơn con đi xe đạp nữa!" Bấy giờ cả nhà, từ già đến trẻ, đều tới đảnh lễ tôi; thật là:

Bình thời bất thiêu hương,

Lâm thời bao Phật cước!

(Thường thì chẳng chịu thắp hương,

Tới khi nguy cấp ôm chân Phật liền!)

Bấy giờ, tôi viết một bài sớ xin cho thân mẫu của họ Cao được lành bệnh. Sau khi đốt tờ sớ, bệnh nhân nằm ngủ một cách thanh thản và mọi người đều đi nghỉ. Sáng hôm sau, bệnh nhân ngồi

dậy và gọi con bằng tên tục: "Cử ơ, Cử con ơ, Mẹ đói lắm, mẹ muốn ăn chút cháo!" Cao Đức Phước nghe tiếng thân mẫu gọi thì mừng rỡ vô cùng, vội vàng đi nấu cháo ngay. Bệnh nhân ăn hết một bát cháo thì tỉnh táo hẳn và có thể nói chuyện được (đã tám ngày qua bệnh nhân cứ nằm thiu thếp, không nói không rằng, không ăn không uống, môi thì thâm mà lưỡi cũng đen sì).

Cao Đức Phước hỏi: "Thưa mẹ, mấy ngày hôm nay mẹ cảm thấy trong người như thế nào?"

Thân mẫu anh ta đáp: "Ôi! Mẹ đi lạc, không tìm ra đường về nhà, Mẹ thấy đâu đâu cũng là một màn đen dày đặc, không có mặt trời, không có mặt trăng gì, cũng chẳng có ngôi sao. Mẹ không biết đông tây nam bắc là đâu nữa. Mẹ cứ mò mẫm trong cảnh tối tăm ấy không biết bao nhiêu ngày rồi nữa, mãi cho đến tối hôm qua thì bỗng có một vị Sư tới dẫn mẹ về nhà!"

Cao Đức Phước nghe thân mẫu nói thế thì đã đoán hiểu được sự tình, nên lại hỏi: "Mẹ à! Vị Sư ấy đó hình dáng như thế nào?" Mẹ anh trả lời: "Vị Sư ấy mặc y rách vá nhiều chỗ lắm!" Cao Đức Phước trở vào tìm, hỏi: "Thế mẹ nhìn xem, có phải là vị Sư này không?" Bà ta chăm chú nhìn tìm, rồi nói: "Đúng rồi! Vị Sư này chính là người đã đưa mẹ về nhà đây mà!"

Sau đó, cả gia đình của Cao Đức Phước đều đến xin quy y với tôi; thân mẫu anh ta cũng dần dần bình phục.

(Ngày 15 tháng 7 năm 1983)

Quả Thuần Đốt Thân Cúng Phật

Khi còn ở Đông Bắc (Mãn Châu), tôi có thân nhận một đệ tử, Pháp danh là Quả Thuần. Y vốn họ Diêu; người ta thường gọi y là "Lão Diêu." Y cư ngụ tại làng Đại Nam Câu, cách thành phố Hợp Nhĩ Tân hai mươi dặm về phía nam. Khi chưa quy y Tam Bảo, Lão Diêu là một kẻ du thủ du thực, không nghề nghiệp, y chẳng những hút nha phiến mà còn chích thuốc phiện nữa, có thể nói là rượu chè, cờ bạc, trai gái, chẳng có thứ nào mà y bỏ sót!

Lúc bấy giờ Nhật Bản đang thống trị khu vực Đông Bắc, thành lập nước Mãn Châu, và lập phế đế của nhà Thanh là vua Tuyên Thống lên làm Hoàng-đế Mãn Châu quốc. Tuy nhiên, trên thực tế thì Hoàng-đế Tuyên Thống chỉ là một ông vua bù nhìn, bởi toàn bộ hệ thống chính quyền đều do người Nhật thao túng. Nhằm ngăn chặn sự xâm lược (nước Trung Hoa) của Liên Xô, Nhật Bản cho xây một công trình quốc phòng tại mạn sông Hắc Hà và lũng sục khắp nơi để bắt người về làm việc. Thợ thuyền phải đóng góp công sức nhưng hoàn toàn không được tiền thù lao. Người nào bị đưa vào trại lao động cũng đều buồn bực, ủ rũ suốt ngày, vì không biết đến bao giờ mới được về lại quê quán. Nghe kể về đời sống trong trại lao động thì ai nấy đều rùng mình, sợ hãi đến nỗi không rét mà run! Nơi ấy thật đúng là địa ngục ở trần gian khổ sở không thể tả xiết!

Lúc ấy, Quả Thuần là kẻ lang thang không nghề nghiệp nên bị lính Nhật bắt và đưa về trại lao động ở mạn sông Bắc Hà. Ban ngày phải làm việc quần quật như trâu như ngựa; ban đêm chỉ đắp cái bao kết bằng sợi cói mà ngủ, không thể nào chống nổi giá rét. Vì thế, y luôn luôn suy tính, tìm cách trốn khỏi doanh trại. Bốn phía của trại lao động đều được bao bọc bởi hàng rào có mắc

điện với cường độ mạnh, bất cứ sanh vật nào chạm vào cũng đều bị điện giật mà chết ngay tức khắc. Mặc dầu có sự đe dọa của hàng rào điện, nhưng vì không chịu nổi sự ngược đãi tàn ác, vô nhân đạo của lính Nhật, nên lúc nào y cũng để tâm rình tìm cơ hội đào thoát.

Một đêm nọ, vì muốn tìm tự do nên Quả Thuần bất chấp mọi nguy hiểm, quyết định rời khỏi trại lao động. Đúng vào lúc y dợm chân tính trốn đi thì đột nhiên có một ông già râu tóc bạc phơ hiện ra và nói với y rằng: "Hiện tại chưa phải lúc; đợi đến khi khổ nạn của con đã hết thì Ta sẽ báo cho con biết. Ta hy vọng là con sẽ đặc biệt chú ý, đừng để lỡ cơ hội!" Nói xong, ông già biến mất. Quả Thuần nghe theo lời ông già, trở về doanh trại chờ đợi.

Khoảng chừng hai tuần sau, Quả Thuần mộng thấy ông già râu tóc bạc phơ ấy nói với y rằng: "Hôm nay là thời cơ đào thoát của con. Ngoài cửa có một con chó trắng, con hãy đi theo nó. Tuyệt đối không được sơ hở. Con hãy nhớ kỹ! Hãy nhớ kỹ!" Quả Thuần thức giấc, vừa mừng vừa sợ. Ra tới ngoài cửa thì thấy quả nhiên có con chó trắng đứng chờ; y bèn làm theo lời căn dặn của ông già, để con chó đi trước, còn y thì bám sát đằng sau. Khi tới chỗ hàng rào điện, con chó nhanh nhẹn phóng mình nhảy qua. Động tác ấy như gợi ý cho Quả Thuần, y liền bắt chước theo cách của con chó. Quả Thuần lúc bấy giờ là "phước chí tâm linh" (khi vận may đến thì tâm trí tự nhiên sáng suốt, nhạy bén), y lanh trí lấy bao cói đang dùng khoác cho đỡ lạnh để lên trên hàng rào điện, rồi trườn qua rào. Được bình yên vô sự thoát khỏi hang cọp rồi, y quay lại nhìn thì không còn thấy con chó trắng đâu nữa, có lẽ là thần nhân đã giúp đỡ y vậy.

Để tránh sự truy nã của lính Nhật, ban ngày Quả Thuấn phải lẩn trốn trong rừng rú, khát thì uống nước khe nước suối, đói thì ăn cỏ ăn lá, đợi đến đêm mới dám đi tiếp. Trải qua nhiều ngày gian khổ như thế y mới về lại được làng cũ. Sau lần chịu đựng bao sợ hãi, cực nhọc ấy, y cảm thấy đời người là đau khổ nên quyết chí xuất gia tu Đạo. Y tìm đến các chùa nhưng không nơi nào chịu thu nhận y cả. Khi y tới chùa Tam Duyên, bởi thấy y ăn mặc rách rưới nên người ta cho rằng y là kẻ ăn mày và đến xin xuất gia là vì cuộc sống; do đó cũng không muốn thu nhận y.

Chính vào lúc Quả Thuấn đang lâm vào tình trạng "chùa lớn không thu, chùa nhỏ không nhận" ấy, thì bỗng đâu xuất hiện một "quái nhân," trông giống như một kẻ ăn mày vậy. Quái nhân tự xưng là một kẻ tu hành lão luyện, biết pháp thuật "36 Thiên canh, 72 Địa sát," có thể cỡi mây cỡi mưa, có thể kêu mưa gọi gió, có thể chữa trị mọi nan y tạp chứng, có thuật "diệu thủ hồi xuân," làm cho người chết sống lại... Y tự quảng cáo, khoe khoang khoác lác một hồi mà chẳng có người nào tin cả. Song le, Quả Thuấn lại tin tưởng và tôn anh ta làm thầy; rồi đem tiền bạc mà y kiếm được bằng những thủ đoạn bất chánh để cung phụng anh ta. Sau một thời gian, phát hiện ra anh ta không có bản lĩnh gì cả và chỉ là một tên vô lại, Quả Thuấn bèn bỏ đi.

Có một hôm, tôi đến làng Đại Nam Câu để chữa bệnh cho mẹ của cư sĩ Cao Đức Phước. Bệnh tình của bà ta rất trầm trọng, cả Trung y lẫn Tây y đều đành chịu bó tay, không chữa trị được. Tôi bèn dùng thần chú gia trì, kết quả là không thuốc mà lành. Cả làng đều biết được tin này và cho đó là một thần tích. Lão Diêu (tức Quả Thuấn) biết được chuyện ấy liền tìm đến và quỳ trước mặt tôi, không chịu đứng dậy, cầu xin tôi thu nhận y làm đệ tử

xuất gia. Lúc ấy tôi không chú ý gì tới y, cứ ngồi day mặt vào tường. Chừng một tiếng đồng hồ sau, tôi quay lại nhìn thì thấy y vẫn còn quỳ ở đó. Tôi hỏi y: "Chú làm gì vậy?"

Y đáp: "Bạch Thầy, xin Thầy từ bi tha nạ con làm đệ tử."

Tôi nói: "Chú muốn theo tôi xuất gia ư? Thế nhưng tôi không có đức hạnh, cũng chẳng có công phu gì để truyền dạy cho chú cả; e rằng chỉ làm cho chú thất vọng mà thôi!"

Y nói: "Bạch Thầy, chỉ cần Thầy chịu tha nạ con làm đệ tử là con mãn nguyện rồi. Con không cầu mong điều gì khác."

Tôi nói: "Xuất gia là việc khổ sở lắm, phải nhẫn nhục những chuyện người khác không thể nhẫn nhục được, phải nhường nhịn những điều người khác không thể nhường nhịn được, phải cam chịu những vất vả nhọc nhằn mà người khác không thể cam chịu được, phải chịu đựng những sự ngược đãi mà người khác không thể chịu đựng nổi, chú có thể chịu được chăng? Nếu chú chịu được thì tôi sẽ nhận chú làm đệ tử; còn nếu chú làm không được thì đừng theo tôi xuất gia!"

Lão Diêu lập tức trả lời chẳng chút đắn đo: "Bạch Thầy! Mọi cực khổ, vất vả con đều có thể nhẫn chịu được cả. Xuất gia tuy là khổ, nhưng con tin chắc là không thể nào khổ bằng sống trong trại lao động. Con tin rằng con có thể chịu đựng được!"

Qua cuộc đối đáp ấy, tôi nhận thấy y quả có thể chịu khổ được; do đó, tôi đưa y về Chùa Tam Duyên, cho xuất gia làm Sa Di, và bảo y làm việc trong nhà bếp. Quả Thuán làm việc rất cẩn thận, và cũng rất siêng năng dụng công tu học. Song le, vì y không có thiện duyên với các sư huynh và sư đệ đồng tu nên thường bị họ

ức hiếp. Quả Thuần bèn nói với tôi: "Bạch Thầy! Các sư huynh sư đệ cứ vô duyên vô cớ mà la mắng con; vậy con phải làm sao?"

Tôi trả lời: "Nếu đã chịu không nổi nữa thì con có thể tu hành một mình vậy."

Cạnh ngôi miếu Long Vương dưới chân núi Tây Sơn, làng Đại Nam Cầu, có một khoảnh đất trống nên Quả Thuần tự dựng một căn nhà tranh tại đó để làm nơi tu hành. Ngày làm xong nhà tranh, Quả Thuần tới Chùa Tam Duyên mời tôi đến khai quang tượng Phật. Tôi dẫn theo vài đệ tử cùng đi. Đến tối thì có mười con rồng (hóa thành người) tới xin quy y. Lúc đó là vào đầu mùa hạ, thời tiết khô khan, không có mưa, nên đồng khô cỏ cháy, lúa mạ úa vàng. Các nông dân- những người chỉ biết trông cậy vào trời để có miếng ăn - đều ngao ngán, than khổ; lắm lúc lại thảm hỏi trời xanh, khẩn cầu trời cao từ bi thương xót ban bố cho vài giọt nước "cam lồ."

Tôi hỏi các vị Rồng: "Việc của các vị là làm mưa, vậy mà tại sao trời lại khô hạn như vậy? Vì sao không có mưa xuống?"

Các vị Rồng đáp rằng: "Bạch Thầy! Không có lệnh của Ngọc-Hoàng Thượng Đế thì chúng tôi không dám làm mưa. Nếu chúng tôi cãi lệnh thì sẽ bị trừng phạt."

Tôi nói: "Các vị hãy đến Linh Tiêu Bảo Điện của Ngọc Hoàng Thượng Đế, xin Đại Đế từ bi cho mưa xuống nội trong bốn mươi dặm chung quanh nơi này. Nếu ngày mai trời mưa thì ngày mốt các vị được quy y. Đó là điều kiện trao đổi của chúng tôi!"

Qua hôm sau, quả nhiên có cơn mưa trút xuống trong chu vi bốn mươi dặm, lúa mạ được thấm nhuần nước mưa nên trở nên tươi tốt, lương thực thu hoạch vào mùa thu còn được nhiều hơn cả các năm trước. Hôm sau nữa, những vị Rồng đến nhà tranh và ra trước chánh điện để thọ Tam Quy Y. Để kỷ niệm sự việc này, tôi mới đặc biệt đặt tên căn nhà tranh ấy là "Long Vũ Mao Bồng" (Nhà Tranh Rồng Làm Mưa), và viết tên lên tám biển cho treo trước cửa.

Sau đó, Quả Thuần phát nguyện đốt thân để cúng dường chư Phật. Y tỵ chuẩn bị củi và xăng, rồi ngồi trên giàn củi tỵ châm lửa vào xăng, thân thể bốc cháy thành tro. Ngày hôm sau, dân trong làng phát hiện ra là Long Vũ Mao Bồng đã bị thiêu hủy nên đến nơi để xem xét thì thấy thân thể của Quả Thuần tuy đã thành tro nhưng quả tim vẫn còn nguyên vẹn, không bị lửa thiêu mất. Mọi người đều tán thán không ngớt; và sau đó đem tro cốt với quả tim của Quả Thuần mai táng tại chỗ.

Mọi thứ trên thế gian đều phải trải qua giai đoạn Thành, Trụ, Hoại, Không - sanh ra rồi tồn tại, biến hoại đi, và cuối cùng tiêu tan mất - cứ tuần hoàn như thế, không gián đoạn. Nếu thấu triệt được đạo lý này thì các bạn sẽ không vì bất kỳ sự việc gì trên cõi đời này mà sanh chấp trước hoặc khởi phiền não. Hễ các bạn có thể "nhìn xuyên thủng" rồi buông bỏ hết, thì sẽ chẳng có vấn đề gì cả!

Nhân Duyên Khiến Quả Năng Xuất Gia

Vào mùa đông một năm nọ, tôi vì Phật sự nên phải _tới nam thành phố Hợp Nhĩ Tân. Ngang qua một quán trọ, vì người chủ quán trọ ấy là đệ tử quy y của tôi nên tôi ghé vào thăm. Ông ta nói với tôi: "Bạch Sư phụ! Trong quán trọ của con có một khách trọ ăn chay trường, anh ta muốn xuất gia tu hành nhưng chưa tìm được chùa nào cả. Chẳng hay Sư Phụ có thể thu nhận anh ta làm đệ tử chăng?"

Tôi hỏi: "Vì sao anh ta muốn xuất gia?"

Ông ta đáp: "Bạch Sư Phụ! Anh ta là người Sơn Đông, làm nghề thợ may, và chung sống với một cô gái nghiện thuốc phiện. Có một hôm, nhân lúc anh ta đi vắng, cô gái kia lấy trộm số tiền dành dụm của anh ta rồi trốn đi. Tối đến, anh về nhà thì mới hay cả người lẫn của đều mất! Bởi bị một vố nặng nề như thế nên anh ta sanh ra chán nản, cảm thấy đời người vô vị, chỉ muốn xuất gia tu hành. Anh ta đến Chùa Cực Lạc ở Nam Cương, thành phố Hợp Nhĩ Tân, định xin xuất gia với Thầy Như Quang, song Thầy Như Quang không muốn thu nhận anh ta làm đệ tử. Anh ta bắt đắ dĩ phải ở trọ trong quán của con, suốt ngày mặt mày ủ dột, rầu rĩ không vui, chẳng hề chuyện trò với ai cả; thật là đáng thương!"

Nghe vậy, tôi bảo người chủ quán: "Hãy bảo anh ta ra đây!" Chủ quán liền đi gọi, nhưng anh ta không chịu ra, có lẽ vì thấy tôi ăn mặc rách rưới, trông chẳng có vẻ một ông Hòa Thượng có chùa! Gọi đến lần thứ hai thì anh ta mới miễn cưỡng đi ra; mở miệng là hỏi liền: "Thầy gọi tôi đến để làm gì?" (Người Sơn Đông thường lòng ngay dạ thẳng, nghĩ sao nói vậy.)

Tôi bảo anh ta: "Tôi tới đây chính là để tìm chú!"

Anh ta vô cùng kinh ngạc, hỏi lại rằng: "Thầy có biết tôi sao?"

Tôi nói: "Hãy khoan nói tới chuyện đó. Chú có muốn xuất gia không? Chùa tôi hiện cần một người lo việc cơm nước; chú có thể lấy đó làm cơ hội để tu khổ hạnh. Ở đó thì có cơm cho chú ăn, có phòng cho chú ở; nhưng không có tiền cho chú tiêu dùng. Thế nào, chú có muốn đến đó chẳng?"

Vì nghe tôi nói bằng lòng nhận anh ta làm đệ tử nên anh ta vui mừng đáp: "Con sẵn sàng đi ngay!" Anh ta lập tức theo tôi về chùa và lo việc nấu ăn trong chùa. Sau đó anh ta thọ Giới Sa Di, Pháp danh là Quả Năng.

Một hôm, Quả Năng nổi cơn bốc đồng, tự ý làm một cái kháng¹⁵ trong một căn phòng nhỏ mà không xin phép người trong chùa trước. Lúc bấy giờ tôi hoàn toàn không rõ nội tình, song có người nói bóng gió trước mặt tôi rằng: "Thâu đệ tử mà dạy dỗ không nổi; thật là mất mặt! Làm đệ tử chưa xong đã muốn làm Tổ Sư!" Tôi lấy làm lạ, bèn ra nhà sau xem gì thì gặp một huynh đệ, thầy ấy nói với tôi: "Đệ tử của ông làm loạn, không giữ quy củ của chùa, chưa được phép mà đã tự ý làm riêng một cái kháng!"

Tôi bèn tới phòng Quả Năng thì quả nhiên thấy anh ta đang ngồi thiền trên kháng. Trông thấy tôi, anh ta liền bước xuống đánh lễ. Tôi hỏi: "Ai bảo con làm cái kháng này?"

Quả năng đáp: "Không ai bảo cả!"

Tôi nói: "Đã không ai bảo thì sao con lại tự tiện như vậy? Con đã phạm quy củ rồi đó!"

Quả Năng không nói gì, chỉ lẳng lặng quỳ xuống. Tôi bảo: "Con hãy ra trước điện Phật mà sám hối, quỳ cho đến khi tàn nén hương!"

Sau khi tôi đi rồi, Quả Năng không ra điện Phật quỳ hương mà lại lên kháng ngồi vá áo quần. Nửa giờ sau, tôi tới chánh điện không thấy Quả Năng quỳ hương ở đó. Tôi lại tới phòng Quả Năng và hỏi: "Quả Năng! Tại sao con không quỳ hương?"

Quả Năng đáp: "Chờ một chút!"

Tôi nói: "Con không quỳ hương thì Thầy sẽ quỳ thay cho con vậy!" Thế là tôi ra trước điện Phật thắp hương và quỳ trên gạch. Thấy tôi quỳ, Quả Năng không có cách gì khác hơn là tới sau lưng tôi và khẩn khoản: "Sư Phụ! Con biết lỗi rồi, xin Sư Phụ tha thứ cho con. Xin Sư Phụ hãy đứng dậy, con đang quỳ đây này!"

Tôi nói: "Tôi dạy đệ tử không nổi, song le, tôi vẫn có thể dạy chính tôi!" Kể từ sau lần giáo huấn ấy, Quả Năng luôn luôn tuân giữ quy củ và dụng công tu hành. Quả Năng có dũng khí "biết lỗi, chịu sửa." Tôi hy vọng các bạn cũng đều có đức tánh biết nhận lỗi và chịu sửa đổi!

Không Thể Phung Phí Của Trời!

Có người hỏi tôi: "Theo Thầy thì Pháp Hội Quán Thế Âm Bồ Tát Thành Đạo lần này sẽ có bao nhiêu thiện nam tín nữ đến tham gia?" Tôi trả lời: "Có lẽ chỉ ba, bốn người mà thôi!" Hôm nay tôi đếm thử thì thấy có hơn bốn trăm người đến dự Pháp-hội; người ấy bèn hỏi lại tôi: "Có phải Thầy nói một người là ngụ ý một trăm người?" Tôi nói: "Tôi không biết!"

Pháp Hội Quán Âm năm nay, đại chúng có phần thành tâm hơn những năm qua. Những năm trước trong Pháp-hội, lúc dùng cơm mọi người đều nói năng ồn ào, không tuân theo quy củ của Trai Đường. Đã vậy, nhiều người lại vất bỏ cơm và thức ăn thừa vào thùng rác; hoặc ăn xong thì không tùy hỷ công đức mà lại bỏ đi. Năm nay tình hình nói chung đã cải thiện rất nhiều, mọi người không nói chuyện ồn ào mà cũng không phí phạm vật thực, và cũng rất ít người vội vã trở về San Francisco, đó là điều đáng mừng!

Sau này, những khi có Pháp-hội, thì cần phải nhắc nhở mọi người không nên nói chuyện trong giờ ăn và phải biết quý vật thực, chớ nên phí phạm, vất bỏ thức ăn. Cổ nhân có bài thơ như sau:

Sừ hòa nhật đương ngộ,

Hãn trích hòa hạ thổ,

Thùy tri bàn trung xan

Lạp Lạp giai tân khổ!

Nghĩa là:

Bữa đất dưới nắng trưa,

Mồ hôi đầm bông lúa,

Bưng bát cơm ai biết,

Mỗi hạt mỗi gian khổ!

Đa số người đời không biết đến đạo lý "mỗi hạt mỗi gian khổ," do đó họ mặc sức phí phạm của trời, tha hồ hủy hoại thức ăn. Các

bạn nên biết rằng lý do nhiều người không có cơm ăn trên thế giới này là vì xưa kia họ đã phí phạm thực phẩm, nên kiếp này họ phải gánh chịu quả báo là không có cơm ăn. Tôi cần phải nói ra đạo lý đơn giản này cho mọi người hiểu rõ để sau không còn phung phí thực phẩm một cách vô lý nữa.

Những người quản lý nhà bếp cần phải sáng suốt, đồ ăn thức uống chuẩn bị cho đại chúng cần đủ dinh dưỡng và phải hợp vệ sinh. Các bạn phục vụ đại chúng thì công đức vô lượng. Mỗi ngày đều phải kiểm soát tủ lạnh, xem loại thực phẩm nào dễ hư thì dùng trước, loại nào lâu hư thì giữ gìn cho tươi tốt để dùng sau; không được để thực phẩm hư thối rồi vất vào thùng rác vì như thế là tạo tội, gây nghiệp. Mọi người cần phải cẩn thận về điểm này!

Coi sóc việc ăn uống của đại chúng, biết điều hòa cho thích đáng thì có công đức; nếu điều hòa không khéo thì sẽ mang tội. Lập công thì dễ, vì chỉ do cách làm việc của mình, hợp quy tắc thì có công, không hợp quy tắc thì có tội. Nói tóm lại, công hay tội đều do một tay mình mà ra, biết quý, không phí phạm thực vật, thì có công; làm hư thối, vứt bỏ vật thực một cách vô lý, thì sẽ mang tội!

(Vạn Phật Thánh Thành,

ngày 24 tháng 7 năm 1983)

Cần Phải Kiểm Tra Những Sách Xuất Bản

Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới và trường Đại-học Pháp Giới Phật Giáo đã xuất bản rất nhiều sách về Phật-giáo; song le, có một số sách chưa đạt tới chỗ tận thiện tận mỹ. Từ nay về sau, bất luận là

sách do ai giảng giải hoặc soạn thảo, tất cả đều phải được kiểm tra cẩn thận trước khi ấn hành. Sau khi được sự đồng ý của mọi người, chắc chắn là sách không còn sai sót gì nữa, thì mới được đem in.

Từ nay về sau, tất cả mọi việc ở Vạn Phật Thánh Thành đều phải được tiến hành với tác phong dân chủ, chí công vô tư, công minh chính trực, không thiên vị, và với tinh thần cầu tiến theo chiều hướng chân, thiện, mỹ. Các sách do chúng ta ấn hành đều không còn có sai sót gì cả; bởi vì nếu có sai sót thì sẽ ảnh hưởng xấu cho mọi người, và còn bị phê bình nữa. Do đó, hy vọng mọi người hãy nỗ lực, cố gắng làm cho hoàn hảo, đến nơi tận thiện tận mỹ.

Kinh Phật chứa đựng những lời giáo huấn từ chính kim khẩu của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói ra, do đó, một từ cũng không được sửa, một chữ cũng không được sót, nếu không, chẳng những là không có công mà ngược lại, còn mang tội nữa. Cổ nhân dạy rằng:

Y văn giải nghĩa,

Tam thế Phật oan,

Ly Kinh nhất tự,

Tức đồng ma thuyết.

Nghĩa là:

Giảng nghĩa theo văn:

Oan ba đời Phật.

Rời Kinh một chữ:

Thành lời ma nói.

Từ đó chúng ta có thể thấy rằng phiên dịch kinh điển không phải là một công việc dễ dàng. Hy vọng mọi người đều dốc hết năng lực để phiên dịch nên những bộ kinh hoàn toàn phù hợp với ý chỉ của chư Phật, không có khuyết điểm. Như thế, một khi được truyền bá rộng rãi, các bộ kinh sách ấy sẽ giúp cho độc giả hưởng được sự ích lợi của Phật Pháp!

Tu Đạo Cần Phải "Quý Phước, Cầu Huệ"

Tín đồ Phật Giáo chúng ta khi chưa thành Phật thì _cần phải biết "quý phước, cầu huệ." Hễ biết quý phước thì phước báu gia tăng, còn cầu huệ thì trí huệ tăng trưởng.

Các bạn hãy nhìn xem: Người đời có vô số hoàn cảnh khác nhau. Có những người được phước báu rất lớn, không cần phải làm gì cả mà lại được vạn sự như ý, mọi thứ đều có sẵn, đời sống rất sung túc; họ không buồn không lo, sung sướng vô cùng, đó là nhờ khi trước họ đã từng tu phước rất nhiều, nên nay mới được hưởng phước báu lớn lao như thế! Có những người thì lại có trí nhớ rất tốt, chỉ xem qua một lần là không bao giờ quên. Họ vừa thông minh vừa khỏe mạnh, và còn có biện tài vô ngại; khi họ thuyết Pháp thì có hiện tượng "trời mưa hoa xuống, đất trời sen vàng" xảy ra. Vì sao họ có khả năng ấy? Là vì khi xưa họ đã từng tu huệ rất nhiều!

Làm thế nào để tu huệ và tu từ đâu? Trước hết, hãy bắt đầu từ Đại Thừa, đọc tụng kinh điển Đại Thừa, nghiên cứu Tam Tạng

cho thật thấu đáo, cho tới mức viên mãn, miệng có thể đọc thuộc, tâm có thể nghĩ suy. Sáng cũng như chiều, ngày ngày dùi mài Tam Tạng¹⁶ cho làu thông, thấu triệt, thì đại trí huệ khai mở, kiếp sau nhất định sẽ vừa thông minh vừa biện tài.

Chúng ta đã biết thế nào là "quý phước, cầu huệ" thì cần phải quý tiếc đồ vật, không nên làm hư hại vật dụng. Làm những công việc như sửa cầu, đắp đường, cất chùa, dựng tháp, bố thí y phục, bố thí vật thực, cứu giúp người nghèo khổ tức là tu phước, tạo phước điền. Còn giảng Kinh thuyết Pháp, in kinh sách để truyền bá, phiên dịch kinh điển, tô vẽ tranh Phật... là thuộc về pháp môn tu huệ. Giả sử các bạn không muốn có phước báo và cũng không muốn có trí huệ, thì chẳng còn lời gì để nói. Song, nếu các bạn muốn có phước báo, muốn có trí huệ, thì hãy mau mau tu phước, cầu huệ. Không được lãng phí phước báo và cũng không được bỏ trí huệ một cách tùy tiện! "Quý phước, cầu huệ" là một công việc lớn lao, tất yếu mà mọi tín đồ Phật giáo cần phải thực hành!

Tính Nóng Nảy Là Nhân Duyên Chướng Ngại Việc Tu Đạo

Có câu rằng: "Phiền não là Bồ-đề." Có người hỏi: "Thế thì, nếu không sanh phiền não phải chăng sẽ không có Bồ-đề?" Không phải! Bởi vì bản thân của phiền não chính là Bồ-đề! Thế nào là Bồ-đề? Bồ-đề tức là không sanh phiền não! Nếu con người chỉ sanh ra phiền não mà thôi, thì phiền não vẫn cứ là phiền não và Bồ-đề vẫn cứ là Bồ-đề, do đó, các bạn đừng hiểu lầm ý nghĩa của câu trên.

Các bạn phải biết rằng một khi chính bản thân mình đạt tới cảnh giới thật sự không còn phiền não, không còn vô minh, không còn

vọng tưởng, không còn dục niệm nữa, thì dầu có nóng tánh đôi chút cũng vẫn có thể tha thứ được. Song, đương nhiên tốt nhất là không còn tánh nóng nảy, cùng với mọi người chung sống một cách vui vẻ, hòa thuận, đoàn kết, khiến cho ai nấy đều cảm thấy thân thiết.

Người tu Đạo nên dùng đức hạnh để cảm hóa kẻ khác, chứ không nên dùng thế lực để áp bức người ta. Đối với bất cứ người nào các bạn cũng nên nói đạo lý, để cho ai nấy đều hết lòng cảm phục, khâm phục các bạn là người có tài cán, có đạo đức, có học vấn, có lòng từ bi. Bằng không, nếu các bạn bị vướng vào vòng danh lợi, thì sẽ cách xa con đường của Phật tới mười vạn tám ngàn dặm, các bạn cần phải đặc biệt chú ý điểm này.

Xuất gia tu Đạo là tu đạo gì? Là tu Đạo Nhẫn Nhục. Người nào nổi nóng tức giận là đi ngược với Đạo, vĩnh viễn không thể có sự tương ứng với Đạo được. Nổi nóng là một tánh rất xấu, và cũng là nhân duyên chướng ngại trên bước đường tu Đạo. Hy vọng mọi người đều thận trọng, tuyệt đối không nên phạm lỗi lầm này!

Người xuất gia tu Đạo khi chưa nắm vững được căn bản của vấn đề thì sự tu hành ấy cũng giống như "nấu cát mà mong thành cơm," dù có nấu bao lâu đi nữa thì cát cũng không thể nào thành cơm được! Nếu các bạn không có "lửa" vô minh thì dục niệm sẽ ngừng dứt. Vì sao vậy? Các bạn có dục niệm là vì trong lòng có "lửa giận." Do đó các bạn cứ cảm thấy thế này là "không được," thế nọ cũng "không được," rất nhiều vấn đề "không được" xảy đến cho các bạn. Vì vậy, người tu Đạo cần phải dứt sạch phiền não thì mọi rắc rối, chướng ngại, mới không còn!

(Ngày 25 tháng 7 năm 1983)

Cảnh Giới của Bạc A La Hán Chứng Đạo

Trong phẩm Tựa, phẩm thứ nhất của Kinh Pháp Hoa, có chép rằng:

"A La Hán, chư lậu dĩ tận, vô phục phiền não, đãi đắc kỷ lợi, tận chư hữu kết, tâm đắc tự tại."

("Bạc A La Hán, đã hết các lậu, không còn phiền não, đạt tới chỗ lợi mình, hết mọi 'hữu, kết,' tâm được tự tại.")

Đó là cảnh giới của bậc A-la-hán chứng đạo. Bây giờ chúng ta hãy tìm hiểu sơ lược ý nghĩa của đoạn văn trên.

"Chư lậu dĩ tận" (đã hết các lậu). "Chư lậu" ở đây bao gồm sự nói nhiều, nghe nhiều, nhìn hình sắc nhiều, khởi vọng tưởng nhiều. Thế nào là "bất lậu," hoặc "không lậu?" Nói một cách vắn tắt thì bất lậu tức là:

Phi lễ vật thị,

Phi lễ vật thính,

Phi lễ vật ngôn,

Phi lễ vật động.

Nghĩa là:

Trái với lễ giáo thì đừng nhìn,

Trái với lễ giáo thì đừng nghe,

Trái với lễ giáo thì đừng nói,

Trái với lễ giáo thì đừng làm.

Ở đây, "lễ" tức là quy củ, phép tắc; mà quy củ, phép tắc thì cũng chính là Giới-luật. Nếu các bạn không nhìn những gì trái với lễ nghĩa thì căn mắt của các bạn được thanh tịnh, không nghe những gì trái với lễ nghĩa thì căn tai của các bạn được thanh tịnh, không nói những lời trái ngược với lễ nghĩa thì căn lưỡi của các bạn được thanh tịnh, không làm những điều trái ngược với lễ nghĩa thì căn thân của các bạn được thanh tịnh. Khi sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) đều thanh tịnh thì không còn lậu nữa. Có lậu, thì cũng giống như chiếc bình đựng nước có một lỗ làm cho nước trong bình chảy ra ngoài, khiến bình vĩnh viễn không thể nào chứa đầy nước được. Đối với việc tu Đạo, lậu chính là phiền não, và tánh nóng nảy, sân hận. Nếu các bạn tu được một chút công đức mà lại bị "lửa" vô minh đốt sạch, thì các bạn vĩnh viễn không thành Đạo quả. Mọi người cần phải lưu ý điểm này và phải tu hành một cách thận trọng!

Ngoài thì như như bất động trong thì không có dục niệm, đó là trạng thái không còn lậu. Nếu bề ngoài tuy là "bất động" nhưng bên trong vẫn còn bị động, như thế tức là vẫn còn lậu. Nói cách khác, nếu còn ý tưởng về dục niệm, còn hành động theo dục vọng, là còn lậu; nếu không còn, là vô lậu. Tu Đạo tức là "tu vô lậu," là tu tập công phu phản bổn hoàn nguyên, trở về với bản thể trong sạch lúc ban đầu.

Các bậc Đại A La Hán đã lọc sạch hết những thứ cặn bã, chỉ còn lại tinh hoa mà thôi, do đó mới nói là các Ngài đã hoàn toàn không còn các lậu nữa.

"Vô phục phiền não" (không còn phiền não). Bậc A La Hán thì không còn phiền não nữa. Làm thế nào để hết phiền não? Phương pháp rất đơn giản đó chính là không tranh, không tham,

không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ! Bậc A La Hán chính nhờ làm được như thế nên hết sạch các lậu và không còn phiền não nữa.

"Đãi đắc kỷ lợi" (đạt tới chỗ lợi mình). Bậc A La Hán đã đạt được sự lợi ích của "Thiền duyệt vi thực, Pháp hỷ sung mãn" (lấy niềm vui trong thiền định làm thức ăn, và tràn đầy sự an lạc nơi Phật Pháp) Các Ngài cũng đều đạt được Vô Tranh Tam Muội, dứt hẳn tâm thích hơn thua. Có bài kệ rằng:

Tranh thị thắng phụ tâm,

Dữ Đạo tương vi bội,

Tiện sanh Tứ Tướng Tâm,

Do hà đắc Tam-muội?

Nghĩa là:

Tranh là tâm hơn thua,

Đi ngược lại với Đạo,

Sanh ra bốn tướng tâm

Làm sao được Tam-muội?

"Tận chư hữu kết" (hết mọi 'hữu,' 'kết'). "Hữu"¹⁷ là hai mươi lăm cảnh hữu-tình¹⁸ trong Tam Giới. "Kết"¹⁹ là do phiền não mà kết tập sanh tử. Do có kiến hoặc, tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc mà việc xuất ly Tam Giới của chúng ta bị chướng ngại. Nếu chúng ta có thể dẹp hết thói hư tật xấu, trừ sạch những phiền não đã kết tập lại với nhau, và dứt hết mọi vấn đề trong Tam Hữu,²⁰

tức là chúng ta đã "hết mọi hữu, kết," chấm dứt được Phân Đoạn Sanh Tử!²¹

"Tâm đắc tự tại" (tâm được tự tại). Vì sao được như vậy? Vì tâm được an lạc, tự tại! Vì sao tâm được an vui tự tại? Là vì "đã hết các lậu, không còn phiền não, đạt tới chỗ lợi mình, hết mọi hữu, kết." Các bậc Đại A La Hán đã đạt tới cảnh giới:

Chư lậu dĩ tận, Phạm-hạnh dĩ lập,

Sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu.

(Các lậu đã hết, Phạm-hạnh²² đã thành,

Mọi việc đã xong, không còn đầu thai.)

Tâm của chúng ta là tha tại chứ không phải là tự tại. "Tha tại" có nghĩa là thân thì ở đây nhưng tâm lại không ở đây, không nghĩ về Nam triều thì cũng tới Bắc quốc, không nhớ đông tây thì cũng mơ nam bắc, từ đầu đến cuối chẳng có lúc nào ngừng nghĩ cả. Những vọng tưởng lăng xăng ấy đã đuổi "chủ nhà" đi và để cho "vị khách" tràn lao từ bên ngoài vào nắm quyền làm chủ, cho nên tâm không tự tại. "Tự tại" tức là tâm không còn tạp niệm, tự tánh tỏa ánh sáng rực rỡ soi tỏ trời đất, thân tâm đều thanh tịnh, thanh thân, tự do.

Đoạn kinh văn trên vô cùng quan trọng cho nên chúng ta cần phải ghi nhớ, không được lãng quên. Nếu nghiên cứu phần kinh văn ấy cho tường tận, thấu đáo, tôi cam đoan rằng các bạn sẽ được liễu thoát sanh tử, chứng đắc được cảnh giới giống như các bậc A La Hán vậy. Không chứng được quả vị A La Hán thì tâm không thể tự tại được. Chỉ khi nào chứng được quả A La Hán, đuổi

được khách trần, dẹp bỏ được phiền não rồi, thì lúc ấy tâm mới tự tại vậy!

Vì Sao Cần Phải Niệm Phật?

Vì sao lúc bình thường chúng ta cần phải niệm Phật? Lúc bình thường chúng ta thường niệm Phật là để chuẩn bị cho lúc lâm chung.

Thế thì tại sao không đợi đến lúc lâm chung rồi hãy niệm Phật? Tập quán là thói quen được huân tập qua nhiều ngày, nhiều tháng. Cho nên, nếu bình thường các bạn không có tập quán niệm Phật thì đến lúc lâm chung các bạn sẽ không nhớ ra là mình cần phải niệm Phật. Do đó, lúc bình thường mình cần phải học niệm Phật, tu Pháp-môn Tịnh Độ, đến lúc lâm chung mới không hoảng hốt, luống cuống, mà trái lại, sẽ an nhiên vãng sanh Thế Giới Cực-lạc!

Vì sao chúng ta cần phải vãng sanh về Thế Giới Cực Lạc? Là vì khi Đức Phật A Di Đà ở nhân địa tu hành làm thầy tỳ kheo, Ngài đã từng phát bốn mươi tám đại nguyện mà trong đó có nói rằng:

"Sau khi tôi thành Phật, nếu trong mười phương có chúng sanh nào niệm 'A-Di-Đà Phật,' danh hiệu của tôi, thì tôi nhất định sẽ tiếp dẫn người đó tới thế giới của tôi, và trong tương lai, vị ấy sẽ được thành Phật. Ở thế giới của tôi, ai ai cũng đều hóa sanh từ hoa sen, nên thân thể của họ hoàn toàn thanh tịnh vô nhiễm."

Bởi Đức Phật A Di Đà đã phát nguyện lớn như vậy, nên tất cả chúng sanh đều nên tu Pháp-môn Niệm Phật, một pháp-môn rất

hợp với căn cơ của mọi người và cũng rất dễ tu. Trong Kinh còn dạy:

Đời Mạt Pháp, một ức người tu hành hiếm khi có được một người đắc Đạo; duy có tu Pháp-môn Niệm Phật là ai cũng được độ thoát.

Ý nói rằng trong số một ức người tu hành, hiếm hoi lắm mới có một người đắc Đạo; chỉ có Pháp-môn Niệm Phật là có thể giúp mọi người vãng sanh về Thế Giới Cực Lạc và do đó được độ thoát. Đặc biệt là trong thời Mạt Pháp hiện tại, niệm Phật chính là pháp môn hợp với căn cơ của mọi người nhất.

Song, Âu Mỹ hiện nay không phải đang ở vào thời đại Mạt Pháp mà có thể nói là đang ở vào thời đại Chánh Pháp. Vì sao nói Âu Mỹ đang ở vào thời đại Chánh Pháp? Vì Phật Pháp vừa mới được truyền tới các nước ở phương Tây và hiện đang vào lúc hưng thịnh. Do đó, hiện tại ở Mỹ quốc có rất nhiều người rất thích tham Thiền, tịnh tọa; đó cũng là biểu hiện của Chánh Pháp.

Thời Chánh Pháp, ai cũng có thể tu Pháp-môn Niệm Phật. Thời Mạt Pháp mọi người cũng có thể tu Pháp-môn Niệm Phật, ở bất cứ thời đại nào mình cũng có thể tu pháp môn này. Nếu như có người đối với các pháp môn khác không thể dụng công được, thì nên tu Pháp Niệm Phật. Thiền-sư Vĩnh Minh Diên Thọ có nói rằng:

Hữu Thiền, hữu Tịnh Độ,

Do như đá giác hổ.

(Có Thiền, có Tịnh-Độ,

Như hổ mọc thêm sừng.)

Những người vừa tham Thiền và vừa niệm Phật thì giống như cọp mà mọc thêm sừng, oai thế vô cùng. Họ có thể:

Hiện thế vi nhân sư,

Tương lai tác Phật Tổ.

(Đời này làm Thầy mọi người,

Tương lai thành Phật, làm Tổ.)

Do đó, người chân chánh tham Thiền tức là người chân chánh niệm Phật, người chân chánh niệm Phật cũng chính là người chân chánh tham Thiền. Nói sâu một chút nữa, người chân chánh trì Giới chính là người chân chánh tham Thiền, và người chân chánh tham Thiền cũng là người chân chánh trì Giới. Thế thì, người chân chánh giảng Kinh thuyết Pháp, tức là người thật sự vì giảng Kinh mà giảng Kinh, thì cũng là người chân chánh tham Thiền!

Trong Chứng Đạo Ca, Đại-sư Vĩnh Gia có nói rằng:

Tông diệc thông, Thuyết diệc thông,

Định, Huệ viên minh bất trệ không.

(Tông cũng thông, Thuyết cũng thông,

Định, Huệ sáng tròn chẳng trệ không.)

Vậy, người vừa biết tham Thiền lại vừa biết giảng Kinh là người thông suốt cả tông lẫn thuyết. Nói sâu một chút nữa, thì người chân chánh trì Chú, chân chánh tu Mật Tông, cũng là người chân chánh tham Thiền. Vì lẽ đó, tuy nói Thiền, Giáo, Luật, Mật, Tịnh là

năm pháp môn, nhưng nếu xét đến ngọn nguồn thì tất cả chỉ là một chứ không phải là sai khác. Nếu giảng sâu thêm chút nữa thì ngay cả "một" cũng chẳng còn, thì làm gì mà có "năm" được chứ? Người chân chánh học Phật Pháp cần phải hiểu điểm này cho rõ ràng.

Những kẻ có khuynh hướng phân chia tông phái thì cho rằng Pháp-môn Niệm Phật cao nhất, còn Tham Thiền là không đúng; cũng có người nói Tham Thiền là pháp cao nhất, còn Niệm Phật là sai lầm, những ai có quan niệm như thế đều là những người chưa hiểu rõ Phật Pháp. Phải biết rằng:

Nhất thiết giai thị Phật Pháp, giai bất khả đắc.

(Tất cả đều là Phật Pháp, đều không thể chứng đắc.)

Đã "không có pháp gì có thể chứng đắc được," hà tất phải chấp trước thêm những thứ không nên chấp trước, đương không có chuyện lại tìm thêm chuyện, hoặc gây ra chuyện.

Nếu các bạn thật sự hiểu rõ pháp, thì "không có pháp gì có thể chứng đắc được." Song le, đối với những ai không hiểu Phật Pháp mà mình nói rằng cái gì cũng hoàn toàn không có cả thì họ sẽ thất vọng. Do đó, Đức Phật dạy Quyền Pháp²³ để đưa về Thực Pháp²⁴ và thuyết giảng Quyền Trí để dẫn về Thực Trí.

Vậy, Thực Trí là gì? Thực Trí là một "quy vô sở đắc," trở về lại chỗ không chứng đắc. Thứ tướng chân thật, không có hình tướng, nhưng cũng chẳng có "không có hình tướng," mới chính là trí huệ chân thật vậy!

Con Người Có Cần Trọn Đạo Hiếu Hay Chăng?

Hôm nay chúng ta hãy nghiên cứu vấn đề này: Con người vì sao cần phải hiếu thảo với cha mẹ? Cần hiếu thảo với cha mẹ hay không cần hiếu thảo với cha mẹ? Vấn đề có hai cách giải thích. Đứng trên lập trường pháp xuất thế gian thì không cần thiết phải hiếu thảo với cha mẹ. Tôi tin rằng ai nghe tôi nói câu này cũng hết sức kinh ngạc, bởi vì từ xưa tới nay chưa hề nghe qua lời này. Mình vẫn biết, là người nào cũng cần phải hiếu thảo với cha mẹ, chưa hề nghe ai nói rằng không cần trọn đạo hiếu cả. Do đó bạn cảm thấy kinh ngạc. Nhưng nếu căn cứ vào chân lý thì mình có thể nói như vậy: Đứng trên lập trường pháp thế gian đương nhiên chúng ta cần làm tròn chữ hiếu. Pháp thế gian là mộc bản thủy nguyên²⁵ do đó mình phải thận chung truy viễn, nghĩa là hết lòng hiếu thảo với cha mẹ. Hiếu với cha mẹ, cung kính Sư trưởng là đạo lý của trời đất.

Nhưng nếu căn cứ vào pháp xuất thế mà nói chúng ta cần nỗ lực tu hành, dụng công học tập, phát đại tâm Bồ-đề thì đó là trọn vẹn đại hiếu, không phải là tiểu hiếu. Làm sao giải thích câu này? Bởi vì khi mình tu hành được thành công thì có thể siêu độ được bảy đời cha mẹ, khiến họ sanh lên cõi trời. Rằng: "Nhất tử thành Phật, cửu tổ thăng thiên." Nghĩa là khi một người con thành Phật thì chín đời tổ tiên được sanh lên trời. Đó gọi là đại hiếu.

Đạo hiếu có bốn thứ: một là đại hiếu, hai là tiểu hiếu, ba là viễn hiếu, bốn là cận hiếu. Thế nào là đại hiếu? Tức là báo đền ơn cha mẹ của mình trong nhiều đời về trước, báo đền ơn của sư trưởng. Thế nào là tiểu hiếu? Tức là hiếu thảo với cha mẹ trong đời này mà thôi; lo lắng, chăm sóc làm cho cha mẹ vui vẻ, phụng dưỡng, an ủi, đó tức là cung kính cha mẹ, cúng dường cha mẹ.

Thế nào gọi là viễn hiếu? Tức là kính trọng các bậc thánh hiền xưa kia, lấy mỗi lời nói mỗi công hạnh của họ làm gương sáng để mình bắt chước noi theo. Thế nào là cận hiếu? Tức là ngoại trừ hiếu thảo với cha mẹ mình, thì cũng cần phải hiếu thảo với cha mẹ người khác. Rằng: "lão ngô lão, dĩ cập nhân chi lão," tức là tôn trọng những huynh trưởng, tiền bối của mình rồi cũng tôn trọng những bậc tiền bối của kẻ khác. Mình cần có tư tưởng và hành động hiếu thảo như vậy.

Pháp xuất thế chân chính thì vượt qua đạo hiếu, do đó tôi mới nói rằng: Không nên chấp trước hiếu đạo. Nếu chấp trước về sự hiếu thảo với cha mẹ thì mình vẫn còn tư tưởng và tình cảm thương yêu. Đó chỉ là vọng niệm. Cả ngày chỉ tưởng nhớ tới cha mẹ thì làm sao tu đạo? Do đó theo chân lý thì không nên trọn đạo hiếu. Khi tôi giảng tới đây, có người không hiểu, có người hiểu, do đó mọi người hãy nghiên cứu vấn đề này một cách sâu xa.

Hiện tại lòng người mỗi ngày mỗi sa sút, phẩm hạnh mỗi ngày một tệ hại. "Nhân tâm bất cổ," lòng người không như xưa. Vì sao vậy? Bởi vì người đời vốn phải hiếu thảo với cha mẹ, song le họ lại bất hiếu. Họ cho rằng hiếu thảo là tư tưởng lạc hậu, rằng cha mẹ có bổn phận nuôi nấng con cái. Do đó họ không có hiếu với cha mẹ mình. Họ không phụng dưỡng phải chăng để tu hành? Cũng không phải. Nếu ai chân chính tu hành thì không cần thiết phải phụng dưỡng cha mẹ mà cũng được xem là đại hiếu. Tương lai sẽ siêu độ cha mẹ mình. Nhưng nếu đã không hiếu thảo với cha mẹ, cũng không tu hành, chỉ chuyên tạo đủ thứ ác nghiệp thì tương lai nhất định sẽ đọa vào ba đường ác. Điều này không còn nghi ngờ gì nữa. Bạn hãy xem! Hiện tại nhiều thanh niên nam nữ học thói hèn hạ, nếu không giết người đốt nhà cũng làm chuyện

gian dâm tà đạo, không có chuyện ác gì mà họ chẳng làm. Họ nghĩ rằng làm chuyện phóng đãng, không chính đáng như vậy là được tự do. Họ cho rằng không cần phải hiếu thảo với cha mẹ mà nên học những điều xấu xa. Tư tưởng như vậy thật là sai lầm! Tuy mình không thể vợ đũa cả nắm, nhưng đại khái phần lớn hanh niên đều phạm những lỗi lầm như vậy.

Người tu hành tuy không trọn đạo hiếu với cha mẹ, nhưng có khả năng cứu cha mẹ ra khỏi biển khổ để thăng lên cõi trời. Nhưng cũng có những người không hiếu thảo với cha mẹ, cũng không tu hành. Hằng ngày cứ làm chuyện không có đạo đức, hoặc phá hoại gia đình mình, hoặc nhiễu loạn quốc gia xã hội, làm mất an ninh trật tự. Đó tức là tự mình chặt gốc, càng chặt gốc thì càng không còn chỗ đứng, tương lai không biết sẽ ra sao. Những việc làm xấu xa như thế là những hành vi tội lỗi khó mà tha thứ được.

Trên đây tôi có nói là tu hành có thể buông bỏ sự chấp trước vào cha mẹ, chuyên tâm nhất trí mà tu hành thì đó là điều đúng. Song lẽ nếu không tu hành cũng không làm tròn đạo hiếu thì đó là sai. Điểm này các bạn hãy nhận cho rõ ràng bởi vì: "Vạn ác dâm vi thủ, bách thiện hiếu vi tiên," trong vạn điều ác thì dâm dục là đứng đầu, trong một trăm điều lành thì hiếu thảo là trước hết.

(Vạn Phật Thánh Thành,

ngày 29 tháng 7 năm 1983)

Thế Nào Là Thiện Tri Thức

Nói một cách đơn giản, Thiện-tri-thức tức là người có trí huệ, ác tri thức tức là người ngu si. Thiện-tri-thức thì có chính tri chính

kiến, ác tri thức thì có tà tri tà kiến, hiểu biết sai lầm, tà vạy. Nếu điều gì hợp với Phật Pháp thì đó là chính tri chính kiến, hiểu biết chân chính. Nếu điều gì không hợp với Phật Pháp thì là tà tri tà kiến. Thiện-tri-thức là người dựa vào Phật Pháp mà tu hành, ác tri-thức thì dựa vào ma pháp để tu hành. Thiện, ác khác nhau, phân biệt là ở chỗ này.

Bậc Thiện-tri-thức thì dùng Tứ Nhiếp Pháp để giáo hóa chúng sanh. Thế nào là Tứ Nhiếp Pháp? Tức là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Bốn pháp này có thể dễ dàng hòa hợp với chúng sanh, làm cho chúng sanh đối với Phật Pháp phát tâm hứng thú, tin sâu nơi Phật Pháp.

1. **Bố-thí:** Muốn cho người ta tin Phật Pháp thì mình cần phải bố thí vật và giáo lý, làm cho họ đối với mình phát sanh thiện cảm.

2. **Ái ngữ:** Lời nói không có đi ngược lại với nhân tình, không có đi ngược lại với Phật Pháp, lời mình nói ra thì nhân từ đạo đức.

3. **Lợi hành:** Lời nói, hành động và suy nghĩ tùy duyên tu hành khiến chúng sanh được lợi ích.

4. **Đồng sự:** Đối với những chúng sanh đáng được độ, thì làm công việc giống như họ để giáo dục họ.

Đó là bốn Pháp giúp mình gây thiện cảm và tín nhiệm đối với chúng sanh. Nếu lời nói mình nhất trí với hành động, vì lợi ích chung không vì riêng tư, lấy thân làm gương, gặp chuyện nghĩa thì dũng mãnh mà làm, như vậy chúng sanh tự nhiên sẽ tin ở lời nói của mình và cũng tin rằng Phật Pháp chính là con thuyền thoát khỏi biển sanh tử.

Các bạn tới đây để nghe giảng kinh thuyết pháp, mỗi vị ai cũng là bậc đại tri thức. Các bạn nên hiểu rằng Bồ-đề tự tánh xưa nay vốn thanh tịnh. Xưa nay thanh tịnh nghĩa là không có tạo lập một thứ gì, cũng không bị nhiễm ô bởi một thứ gì. Bồ-đề tự tánh này chẳng cần tạo tác thêm, vốn hiện tiền như vậy, vốn đầy đủ xưa nay. Bồ-đề tự tánh này cũng chính là Phật tánh. Điểm này xin các bạn đặc biệt chú ý! Mỗi người cũng ai có Phật tánh giống hệt như của Phật vậy, chẳng gì khác biệt. Bất quá mình ngu si nặng nề, bị vô minh vọng tưởng che lấp, nên Phật tánh không thể hiện tiền. Nếu dùng trí huệ để xử lý mọi chuyện thì Phật tánh sẽ hiện tiền. Lúc đó bạn chính là vị Thiên-tri-thức.

Như Người Uống Nước, Nóng Lạnh Tự Biết

Quán Âm Thất lần này đã hoàn thành viên mãn, mọi người hãy trình bày cảnh giới mình đã trải qua để mọi người ở đây coi đó làm gương. Khi niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, bạn có cảm ứng gì? Có cảnh giới gì hoặc có khai trí huệ chưa? Hoặc là đã đoạn được phiền não chưa? Hoặc là đã phá được chấp trước chưa? Cũng "Như người uống nước, nóng lạnh tự biết," mỗi người tự mình biết cảnh giới của mình người khác không biết được.

Các vị cần hiểu rằng đả thất không phải là một chuyện mình làm hòa theo, làm cho có lệ, làm bởi vì muốn tham gia náo nhiệt. Đây là một cơ hội để mình định kỳ thử chứng, cầu chứng ngộ trong một thời gian hạn định. Cho nên mình phải hết sức nỗ lực tranh thủ thời gian và dụng công, không được chểnh mảng một giây phút nào.

Trong bảy ngày ở đây, hoặc giả có vị đã thấy Bồ-tát phóng quang, hoặc thấy hoa, hoặc có cảm giác thân tâm khinh an, khoái lạc v.v... Đó chỉ là cảnh giới mà thôi.

Bớt Nói Chuyện, Dụng Công Cho Nhiều

Phàm là tham gia Phật Thất, hoặc thiên-thất, hoặc Quán Âm Thất, hoặc Địa Tạng Thất đều tốt; các bạn chớ tuyên truyền với người ngoài Vạn Phật Thánh Thành là tốt như vậy như kia. Điều tốt của Vạn Phật Thánh Thành, chúng ta không hy vọng người ngoài biết. Vì sao vậy? Nếu bị kẻ khác biết thì bốn phương tám hướng người ta sẽ kéo đến Vạn Phật Thánh Thành, lúc đó Vạn Phật Thánh Thành không cách gì ứng tiếp được. Vạn Phật Thánh Thành luôn im lặng làm việc, mọi người ai cũng chịu cực chịu khổ, chân thật tu hành. Do đó đối với bên ngoài, không nên chú trọng vào việc tuyên truyền quảng cáo. Nếu ở đây là nơi tu hành tốt, các bạn có thể thường xuyên lui tới. Nếu các bạn cảm thấy không tốt thì không nên đi theo con đường này nữa, đó là tông chỉ nhất quán của Vạn Phật Thánh Thành.

Vạn Phật Thánh Thành có sáu đại tông chỉ để hướng dẫn việc tu, tức là không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, và không vọng ngữ. Nếu bạn hiểu rõ sáu tông chỉ này một cách chân thật thì bạn sẽ không uổng đã tới Vạn Phật Thánh Thành. Có một số người rất háo danh, nhưng Vạn Phật Thánh Thành không cần những kẻ đó. Vì sao? Bởi Vạn Phật Thánh Thành muốn dứt trừ ngũ dục: tài, sắc, danh, thực, thù. Ngũ dục này là gốc của địa ngục, nhưng đa số người đời ưa thích những thứ đó, nhưng Vạn Phật Thánh Thành lại muốn thoát ly những

mối dây ràng buộc ấy. Vì vậy Vạn Phật Thánh Thành không muốn nổi danh, cũng không cầu cạnh lợi lộc gì, chỉ dựa vào công phu chân thật để hoằng dương Phật Pháp, tiếp nối Phật huệ mạng. Đó là tình huống đại khái của Vạn Phật Thánh Thành.

Tham Thiền Cần Lúc Nào Cũng Nhớ Như Vậy

Kỳ này thiền thất bắt đầu, hy vọng các bạn đem hết tinh thần để tham thiền. Các bạn hãy phát tâm dũng mãnh để tham thiền. Lúc nào cũng nhớ tham thiền, nhớ làm thế nào để liễu thoát sanh tử, và phải quên ăn uống để tham thiền. Nếu chưa khai ngộ thì chưa ngừng nghỉ. Nên có nguyện lực cứng rắn như kim cương vậy.

Nếu có người mắng nhiếc, bạn coi như không nghe thấy gì họ. Nếu có người đánh đập, bạn coi như chẳng có cảm giác gì. Ăn hay không ăn cũng chẳng biết, ngủ hay không ngủ cũng chẳng hay. Nếu bạn đạt được cảnh giới như vậy thì bạn sẽ biết ngay những công phu, những chuyện mình làm xưa kia, chỉ là hời hợt ngoài da. Tới ngày hôm nay bạn mới thật là hiểu rõ tham thiền ra sao.

Bắt đầu thiền thất tôi nói mấy câu thơ thiền đơn sơ với các bạn, nhưng nếu các bạn hiểu được thì sẽ có ích lợi lớn. Nếu các bạn không hiểu thì cũng sẽ giúp ích rất nhiều. Có người hỏi: giúp ích như thế nào? Bây giờ tôi chưa thể nói cho các bạn nghe được vì khi các bạn hiểu rồi sẽ lại sanh ra chướng ngại, không thể tiến bộ. Bây giờ tôi nói mấy câu, hy vọng các bạn chú ý nghe. Bốn câu thơ như vậy:

Phạn ngữ thiền na ba-la-mật

Thử vân tịnh lự tế tiến tham

Sơn cao thủy thâm vô sở úy

Thủy tri thiên ngoại biệt hữu thiên.

Thiền tiếng Phạn gọi là Thiền-na ba-la-mật. Pháp môn này nếu tu hành tới chỗ viên mãn thì sẽ đưa mình tới bờ bên kia của bể khổ. Trung Quốc dịch là tịnh lự, cũng còn gọi là tư-duy tu (phép rèn luyện sự tư duy). Song le tịnh lự hay tư-duy tu, nếu muốn nghiên cứu một cách tỉ mỉ thì cần phải soi thấu một cách sâu xa. Thế nào là soi thấu? Là tham! Soi thấu câu "Niệm Phật là ai." Dù cho núi có cao, biển có sâu tới mức nào mình cũng không sợ hãi. Tới lúc đó mình mới biết bên ngoài bầu trời này còn có những bầu trời khác trùng trùng vô tận. Do đó mình phải miên mật tham không ngừng, tức là soi vào câu "Niệm Phật là ai." Soi đi soi lại câu đó cho đến khi sơn cùng thủy tận nghi vô lộ, nghĩa là cho tới chỗ mình tưởng rằng núi đã hết, sông đã cùng, không còn chỗ đi nữa, thì khi mình quay trở lại tự nhiên sẽ thấy liễu ám hoa minh hữu nhất thôn, nghĩa là sẽ thấy xuất hiện một thôn trang mà lóm đóm hoa trong tàng liễu.

(Vạn Phật Thánh Thành,

ngày 31 tháng 7 năm 1983)

Vì Sao Không Tương Ứng Với Đạo?

"Chúng sanh sở dĩ không đắc được Đạo chơn thật là vì có vọng tâm giả dối. Khi đã có tâm giả dối thì sẽ kinh động tới thần. Khi thần bị kinh động thì mình sẽ chấp trước vào vạn vật. Khi chấp

trước vào vạn vật thì mình sanh ra tham cầu. Khi đã tham cầu thì sẽ sanh phiền não. Phiền não vọng tưởng thì thân tâm khổ đau. Do đó mình mới rớt vào chỗ ô trược, lưu lạc trong sanh tử, trầm luân nơi khổ hải và vĩnh viễn mất đi đạo chân thường. Đạo chân thường, kẻ ngộ tự mình chứng đắc. Đắc ngộ Đạo rồi thì luôn thường thanh tịnh."

Vì sao bất luận mình dụng công thế nào cũng không _tương ứng với Đạo được, cũng không thể tiến tới được. Đó là vì nguyên nhân nào vậy? Chỉ vì mình còn có tâm hư vọng, hư vọng không chân thật. Mình còn thích điều xa xôi vời vợi, cầu danh tham lợi. Đó tức là những tâm hư vọng, có tâm hư vọng thì đối với tự tánh còn có sự giao động. Ví như một thùng nước, khi không khuấy động thì bao nhiêu cát bùn sẽ tự nó lắng xuống dưới đáy, mặt nước sẽ trở nên thanh tịnh. Nếu dùng một cây que mà khuấy thì nước sẽ thành ô trược, cây que ấy ví như cái vọng tâm. Từ đó mình không phân biệt được cái nào giả và cái nào là thiệt, không phân biệt được thiện ác. Lúc ấy con mắt nhìn sự thật (Trạch pháp nhãn) sẽ không đủ mà trí huệ sẽ không hiện tiền. Khi nước ô trược không thanh tịnh thì mình sẽ chấp trước vào vạn vật, tâm thần rối loạn, tìm không ra con đường giải thoát. Vì sao vậy? Bởi vì mình chấp trước vào vạn vật thì sẽ sanh ra tâm tham cầu, cho vạn vật là chân thật. Khi sanh ra tâm tham lam cầu cạnh thì tự mình sanh phiền não. Mình tham cầu không được thì sanh phiền não, tham cầu mà được cũng sanh phiền não, bởi vì phiền não và vọng tưởng liên kết chặt chẽ với nhau. Do đó mình bị chìm ngập trong dòng nước ngũ dục của cõi ngũ trược ác thế này và không thể khôi phục lại được tánh thanh tịnh. Bởi thế cho nên sanh rồi lại chết, chết rồi lại sanh; sanh tử không ngừng và chẳng bao giờ chấm dứt. Lúc sanh ra mà chẳng biết vì sao được sanh,

do đó hồ đồ mê muội. Khi chết đi, cũng không biết vì sao mà chết, lại cũng hồ đồ mê muội. Không những lúc sanh bị mê muội mà cho đến lúc chết cũng mơ hồ mê muội. Ngay như lúc sanh cũng là mê muội cả đời, không biết được chuyện gì cho rõ ràng. Vì thế luân hồi sanh tử đánh mất chân tâm, chân tâm đã đánh mất rồi thì mình lặn ngụp trong biển khổ, không ngoi lên, không bơi ra được. Nếu hiểu được đạo lý này thì mình sẽ giác ngộ, không bị những cảnh giới hư vọng làm cho xoay chuyển, mà trí huệ lúc nào cũng hiện tiền. Khi có trí huệ thì không còn điên đảo.

Kinh Lăng Nghiêm nói rằng: "Cuồng tâm đốn hiết, hiết tức Bồ đề," tâm điên cuồng hư ngụy chấm dứt thì sự chấm dứt ấy tức là giác ngộ. Vì sao không tương ứng với Đạo? Là bởi vì tâm điên cuồng hư ngụy chưa ngừng nghỉ. Tâm điên cuồng này cũng chính là tâm không bằng lòng với hiện thực, cũng chính là tâm tham lam không đáy, cũng chính là lòng thương yêu ghen ghét. Nếu dứt được cái tâm này thì đó là trí huệ, cũng chính là giác ngộ, cũng chính là bản thể của Phật tánh. Song le con người ai cũng quên mất đạo lý này, do đó trở nên mê muội. Trong cảnh giới mê muội lại cho rằng sung sướng, khoái lạc, vui vẻ lắm, rồi chẳng tìm cách thoát khỏi biển khổ sanh tử của Tam Giới.

Phải Cần Thận Khi Giảng Kinh Thuyết Pháp

Bất luận là người xuất gia hay tại gia, khi giảng kinh thuyết pháp cần phải mười phần cẩn thận. Trước khi giảng kinh thuyết pháp, phải ngồi tĩnh tọa năm phút, để tâm an định rồi mới mở cuốn kinh ra, chấp tay hết sức cung kính, đọc tụng kinh văn một lần, sau đó mới giải thích cặn kẽ ý nghĩa trong đó. Nếu mình không hiểu kinh

mà cứ miễn cưỡng giải thích thì sẽ không hợp với lý. Do đó khi giảng kinh hoặc thuyết pháp, trước tiên mình phải hiểu rõ danh tướng của Kinh Pháp. Trước hết phải đem kinh văn và nghĩa lý nghiên cứu cho rõ ràng, nếu không thì rất dễ giảng giải sai lầm. Mà sai một ly thì đi một dặm, khiến người nghe kinh đã không lĩnh hội được, lại còn cảm thấy mơ hồ khó hiểu.

Người học Phật Pháp đừng nên tham cho mau, bởi vì đồ ăn nuốt gọn thì chẳng biết mùi vị, nghĩa là cần phải ăn từ từ, nhai chậm chậm thì mới biết được mùi vị của thức ăn. Tham ăn nhiều rồi nhai không kỹ thì ngược lại chỉ hại mình thôi. Khi giảng kinh hãy chú tâm đến nghĩa lý của kinh, vì nếu giảng sai thì không những chẳng được công đức gì mà còn tạo thêm tội. Có câu: "Y văn giải nghĩa, tam thế Phật oan, ly kinh nhất tự, tức đồng ma thuyết," nghĩa là theo văn mà giải nghĩa thì oan cho ba đời Phật, nếu rời kinh một chữ tức là ma nói. Hậu quả rất là nghiêm trọng như vậy, do đó hãy cẩn thận.

Đối với người nghe kinh thì cũng phải ra sức chăm chú để mà nghe. Bất kể Tăng Ni hay cư sĩ giảng kinh hoặc giảng pháp, giảng hay bạn vẫn chú ý nghe, giảng không hay càng phải chú ý nghe. Mình phải nghiên cứu giảng hay là hay ở chỗ nào, giảng dở thì dở ở chỗ nào. Giảng hay thì mình phải học hỏi, giảng không hay thì mình phải tìm cách để sửa đổi, bởi đó là cái gương để mình tự soi. Có thái độ như vậy thì mới rèn luyện được con mắt tìm sự thật, gọi là Trạch Pháp Nhãn.

Trạch Pháp Nhãn hay là con mắt nhìn vào sự thật thì từ tu giới, tu định, tu huệ, ba phương diện này mà ra. Giới định huệ mà viên dung vô ngại thì đối với tất cả mọi kinh điển mình tự nhiên hiểu rõ, không hề có một chút nào chướng ngại. Lúc ấy giảng kinh

thuyết pháp thì chữ nghĩa tuôn trào, thao thao bất tuyệt. Người xưa giảng kinh, có kẻ giảng đến độ hoa trên trời rơi xuống, sen vàng dưới đất vọt lên. Bạn tuy chưa được cảnh giới như vậy nhưng cũng cần nhạo thuyết vô ngại, giảng kinh không bị chướng ngại.

(Vạn Phật Thánh Thành, ngày 11 tháng 8 năm 1983)

Học Gương Người Hiền Mới Là Bạc Dững Sĩ

Câu đối ngày hôm nay là:

"Kiến hiền tư tề anh dững sĩ."

Nghĩa rằng: Thấy người hiền thì hãy nghĩ cách bằng họ mới là bạc anh dững. Chúng ta phải bắt chước hành vi của các bậc hiền nhân, để làm gương cho mình. Thế nào là người hiền? Người hiền là kẻ có đức độ. Hễ mình gặp người hiền thì nhất định phải làm sao cho bằng vị ấy. Mình phải học hỏi, noi gương của vị đó, phải cần có đạo đức, có phong độ, có học thức như họ vậy. Không phải chỉ suy nghĩ rồi cho qua, mà phải thật sự thực hành, nỗ lực học tập. Mỗi cử chỉ hành động của vị đó phải được coi như là khuôn mẫu. Nếu không học hỏi mà chỉ cứ suy nghĩ suông thôi thì không có ích lợi gì. Mình phải chân thật học hỏi thì mới là một dững sĩ, cũng là một bậc anh hùng, cũng là một vị đại pháp sư.

Bạc anh dững không phải là kẻ đần độn. Thế nào là đần độn? Nói một cách đơn giản, đần độn có nghĩa là ngu si. Có người nói: "Anh ta là người hiền ư! (chữ hiền trong tiếng Trung Hoa đồng âm với chữ mẫn.) Thì anh ta cứ làm người hiền, đâu có liên quan gì với tôi. Anh ta muốn làm người "mẫn," thì tôi muốn làm người

lạt." Những người mà mận hay lạt không cần biết, tốt hay xấu chẳng hề hay, chẳng qua đều là thứ ăn no chờ chết, chết rồi là xong chuyện. Đó là tư tưởng của người biếng nhác, vĩnh viễn không có cách gì cất đầu lên được.

(Vô Ngôn Đường,

ngày 13 tháng 8 năm 1983)

Sáu Đại Tông Chỉ của Vạn Phật Thánh Thành

Các bạn ở xa lại, các vị Thiện-tri-thức ở gần đến! Hôm nay, chúng ta hãy cùng nhau nghiên cứu đạo làm người và để thành Phật. Đạo làm người thì nhất định phải căn cứ trên tám đức hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ làm tiêu chuẩn. Nếu muốn thành Phật thì phải nói rộng phạm vi của tám đức này, hiếu thảo với toàn thể giới, hòa thuận với toàn thể giới, trung thành với toàn thể giới, thành tín với toàn thể giới; thậm chí nhân đức, nghĩa khí, lễ độ, trí dũng với toàn thể giới. Chúng ta phải dùng tinh thần cởi mở, bao dung, "đại nhi vô ngoại, tiểu nhi vô nội" để tu hành Phật Pháp; song, không dễ gì đạt tới chỗ tận thiện, tận mỹ của tinh thần này.

Hiện tại có nhiều người tu hành cảm thấy tu trì Phật Pháp giống như đánh mất cái gì vậy. Tại sao nói là "giống như đánh mất cái gì?" Bởi không có lợi ích gì cho họ nắm bắt hoặc thọ hưởng, nên họ cảm thấy như bị thua lỗ hay thiệt thòi vậy; rồi vì thế mà họ trở nên uể oải, chán nản, không còn hăng hái dụng công tu trì nữa. Các bạn Thiện-tri-thức hãy chú ý!

Xả bất liễu tử, hoán bất liễu sanh;

Xả bất liễu giả, thành bất liễu chân.

(Buông bỏ không được cái chết thì chẳng đánh đổi được sự sống;

Buông bỏ không được cái giả thì chẳng thành tựu được cái thật!)

Chúng ta nên mở rộng tầm mắt và có tư tưởng phóng khoáng; đừng chỉ biết có cá nhân mình, gia đình mình, hay đất nước mình mà thôi. Chúng ta cần phải làm cho tâm lượng của mình rộng lớn như hư không, bao trùm cả Pháp Giới, và phải nghĩ đến lợi ích của toàn nhân loại, không nên chỉ tính toán hơn thiệt cho riêng bản thân mình!

Đối với nhân loại chỉ có lợi ích chứ không tổn hại, đó là điều căn bản của việc tu Đạo. Làm thế nào để mang lợi ích nhân loại? Làm thế nào để không tổn hại đến nhân quần? Phải thực hành Sáu Đại Tông Chỉ của Vạn Phật Thánh Thành:

1) Thứ nhất, Không Tranh. Chúng ta không tranh chấp với bất cứ người nào. Nếu bạn tranh với tôi, tôi không tranh với bạn; bạn mắng tôi, tôi không mắng bạn; bạn đánh tôi, tôi không đánh bạn; bạn ức hiếp tôi, tôi không ức hiếp bạn. Đó là tông chỉ từ trước đến nay của Vạn Phật Thánh Thành.

Thuở xưa, khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đang là một vị tiên tu hạnh nhẫn nhục, Ngài không tranh chấp với vua Ca Lợi mà chỉ lấy đức để cảm hóa vị vua ấy. Sau khi chém đứt tay chân của tiên nhân, Vua Ca Lợi hỏi: "Người có nổi tâm sân hận chăng?"

Tiên Nhẫn Nhục đáp: "Không! Tôi không sân hận!"

Vua Ca Lợi không tin, nên lại hỏi: "Người lấy gì để chứng minh là người không có tâm sân hận?"

Tiên nhân nói: "Nếu tôi thật sự không có lòng sân hận thì tay chân tôi lập tức sẽ mọc lại!" Nói xong, quả nhiên tay chân Ngài mọc ra lại, bình thường như cũ.

Tiên nhân chẳng những không sanh tâm sân hận mà còn khởi lòng đại từ bi, nói với vua Ca Lợi rằng: "Tương lai khi tôi thành Phật, tôi sẽ độ nhà vua xuất gia tu Đạo trước nhất." Về sau, tiên nhân thành Phật, tức là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Dựa vào nguyện lực xưa kia, Ngài tới vườn Lộc Uyển để độ Tôn-giả Kiều Trần Như (hậu thân của vua Ca Lợi) xuất gia và Tôn-giả trở thành một trong năm vị Tỳ Kheo đầu tiên.

2) Thứ nhì, Không Tham. Tâm tham lam mà nổi dậy thì đúng là lòng tham vô đáy, bất luận là tham tiền bạc hay vật chất, đều cứ thấy không đủ. Càng tham thì càng thấy không đủ, càng thấy không đủ thì lại càng tham, tham cho tới già mà vẫn chưa tỉnh ngộ! Con người bị chữ "tham" này hại cả đời, cho đến chết cũng còn cảm thấy rằng mình chưa sở hữu được vật này vật nọ, nên hết sức nuối tiếc. Thật là đáng thương biết bao! Tông chỉ thứ hai của Vạn Phật Thánh Thành là không tham bất kỳ tiền bạc, lợi ích, hay danh tiếng tốt đẹp, nói tóm lại là không tham gì cả; mỗi người chỉ theo bốn phạm mà hoằng dương Phật Pháp, nối tiếp huệ mạng của Phật mà thôi!

Khi Đức Phật còn tại thế, có một hôm Ngài và Tôn Giả A Nan đang đi thì dọc đường gặp một đồng vàng. Phật chẳng nhìn đồng vàng ấy, cứ tiếp tục đi. Tôn Giả A Nan vì định lực chưa tới "hỏa hầu" nên còn đưa mắt nhìn một lần nữa rồi mới đi. Phật nói với Ngài A Nan: "Đấy là con rắn độc!"

Bấy giờ có người nông dân đang làm ruộng gần đấy nghe nói tới rắn độc thì liền đến xem, ngờ đâu lại là một đồng vàng! Thế là anh ta sung sướng đem đồng vàng ấy về nhà và lập tức trở thành người giàu có. Hàng xóm hoài nghi, không biết do đâu mà anh nông dân có được nhiều tiền như vậy, nên mới trình báo Quốc vương. Quốc vương liền phái người tới bắt anh nông dân để tra hỏi nguyên do sự giàu có đột ngột của anh ta. Anh nông dân bèn thật tình kể rõ tự sự.

Quốc vương lại còn phái người tới khám xét nhà anh nông dân. Phát hiện ra trong nhà có rất nhiều vàng, họ liền tịch thu toàn bộ và trình lên Quốc vương. Trông thấy số vàng, Quốc Vương liền nổi trận lôi đình, bởi số vàng ấy chính là vàng của quốc khố bị mất trộm. Vì cho rằng anh nông dân đúng là kẻ cướp nên Quốc vương hạ lệnh giam anh ta vào ngục tối. Bấy giờ anh nông dân mới chợt hiểu vì sao Đức Phật lại nói đồng vàng ấy là rắn độc. Sự kiện này chứng tỏ rằng chúng ta không nên tham những thứ tài sản đưa đến một cách bất ngờ!

3) Thứ ba, Không Cầu. Chủ trương của Vạn Phật Thánh Thành là không phan duyên, không cầu duyên, và không hóa duyên. "Cầu" và "Tham" vốn không khác nhau mấy, tham là như có mà lại như không, chưa hiện thành ra hành động; còn cầu là sự mong muốn có tính cách thực tiễn, tới đâu cũng chèo kéo, lân la móc nối, dùng mọi thủ đoạn để đạt cho bằng được điều cầu xin. Cầu xin gì? Cầu xin tiền bạc, cầu xin vật chất, nói chung là cầu xin hết thảy lợi ích.

Vạn Phật Thánh Thành thì hướng vào trong chứ không hướng ra ngoài mà cầu. "Nội cầu ư tâm" tức là hướng vào trong để trừ sạch mọi mê muội, vọng, tưởng, cuồng tâm dã tánh, đồ kỵ,

chương ngại, tham, sân, si, nơi tâm mình. Không hướng ra ngoài mà tô điểm vẽ vờ, chỉ cần làm bên trong được thanh tịnh, trang nghiêm là đủ. Có người nói:

Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao.

(Con người khi đạt tới chỗ không mong cầu thì phẩm cách tự nhiên thanh cao.)

Nếu chúng ta không quy lụy cầu xin gì ở người khác thì phẩm cách của mình tự nhiên sẽ trở nên thanh cao, không còn những ý tưởng ô trọc nữa.

Khi Đức Phật còn tại thế, có một cặp vợ chồng nghèo nọ chẳng những không có đất cắm dùi mà cơm ăn cũng bữa có bữa không. Họ trú ngụ trong một sơn động và cả hai người chỉ có một tấm vải che thân ai đi ra ngoài xin ăn thì khoác tấm vải đó. Họ nghèo tới mức độ nào, không nói nhưng chắc các bạn cũng hiểu. Một hôm, có vị Bích Chi Phật vì muốn thử coi hai vợ chồng nọ có tâm tham cầu hay không, nên Ngài tới sơn động của họ để hóa duyên. Hai vợ chồng mới bàn tính với nhau làm sao để cúng dường vị xuất gia này. Họ thật sự là không có gì có thể cúng dường được cả, nên mới đem tấm vải duy nhất ấy ra cúng dường. Song le, họ không mong cầu bất kỳ điều gì, chỉ một lòng chí thành cúng dường người xuất gia mà thôi.

Vị Bích Chi Phật này lập tức mang tấm vải ấy đến cúng dường Phật. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni biết rõ lai lịch của tấm vải, nên Ngài mới kể lại đầu đuôi câu chuyện cho đại chúng trong Pháp Hội nghe, đồng thời tán dương công đức của vị thí chủ đã cúng dường tấm vải ấy. Lúc bấy giờ Quốc vương cũng có mặt tại Pháp Hội. Khi biết được chuyện, Quốc vương cảm thấy vô cùng hổ

thẹn, không ngờ ngay trong đất nước mình trị vì lại có người nghèo khó đến như vậy; nên liền phái một vị Đại thần đem đồ lương thực và áo quần tới tặng cho hai vợ chồng nghèo nọ, đồng thời chu cấp chỗ ở và kiếm việc làm cho họ. Cặp vợ chồng ấy không có lòng mong cầu mà lại được hưởng quả báo như thế, thật đúng là xả nhất đắc vạn báo (bỏ một mà được quả báo vô vàn vậy!)

4) Thứ tư, Không ích kỷ. Vì sao thế giới suy đồi tới mức độ như ngày nay? Bởi vì con người quá ích kỷ, đối với những việc có lợi cho mình thì tranh nhau mà làm, còn đối với việc gì không có lợi cho mình thì thờ ơ khoanh tay ngồi nhìn, hoặc thản nhiên nói chuyện bâng quơ với tâm trạng "đứng bên kia bờ xem lửa cháy!"

ích kỷ cũng có nhiều thứ: ích kỷ về địa vị, ích kỷ về danh dự, ích kỷ về quyền lợi, ích kỷ về tiền bạc... Nói một cách khái quát, tất cả mọi sự đều do lòng ích kỷ tác quái mà ra. Vì ích kỷ nên mới không nghĩ đến kẻ khác, chỉ lo toan cho riêng mình. Có câu rằng:

Ma ha tát bất quản tha,

Di Đà Phật các cố các.

(Bậc Ma Ha Tát không nghĩ đến người khác,

A Di Đà Phật, phần ai nấy lo.)

Đó là lời nói đùa mang tư tưởng Tiểu Thừa. Nhà Nho cũng từng nói:

Các nhân tự tạo môn tiền tuyệt,

Mạc quản tha nhân ngỗ thượng sương.

(Tuyệt trước cửa nhà mình tự quét,

Sương mái nhà người chớ bận tâm!)

Đó là tác phong không xen vào chuyện người khác. Làm người ở trần thế thì phải giúp đỡ lẫn nhau, chỉ dẫn cho nhau. Do đó, mọi người nên đề xướng tư tưởng Đại Thừa, học tập tinh thần Bồ-tát, nghe khổ thì tới cứu, không được có tâm trạng vui sướng trước tai họa của người khác! Người đời nếu không có lòng ích kỷ thì có thể sống chung hòa thuận như trong một nhà vậy. Chính vì có lòng ích kỷ nên mới xảy ra nhiều vấn đề rắc rối. Do đó, Không Ích Kỷ là tông chỉ thứ tư của Vạn Phật Thánh Thành.

5) Thứ năm, Không Tự Lợi. Tông chỉ này càng quan trọng hơn cả tông chỉ thứ tư nữa. Ai ai cũng muốn tự lợi; song le, chúng ta nhất định không tự lợi bởi vì có như thế thì thế giới mới trở nên tốt đẹp được. "Không tự lợi" tức là muốn lợi ích cho người khác, quên đi chính mình. Tinh thần "xả kỷ vị nhân" (quên mình vì người) này còn vượt lên trên cả hành vi của Bồ-tát vì Bồ-tát thì tự lợi lợi tha, tự độ độ tha, tự giác giác tha chớ không chỉ lợi tha, chỉ độ tha và chỉ giác tha mà thôi!

6) Thứ sáu, Không Vọng Ngữ. Không vọng ngữ (không nói dối) tức là không cố ý lừa dối người khác. Vì sao người ta nói dối? Chính vì sợ bị mất lợi, sợ bị thua lỗ, nên người ta mới tìm cách dối trá! Nếu các bạn luôn luôn lấy lòng thành thật mà đối đãi với mọi người thì tự nhiên sẽ giữ tròn được tông chỉ thứ sáu Không Vọng Ngữ này.

Có nhiều người nghe nói tới Sáu Đại Tông Chỉ này thì cảm thấy rất khó chịu, không được vui. Nếu có người nào không vui hoặc không tiếp nhận thì tôi cũng mặc, không chấp nhất. Tôi muốn nói

rõ với mọi người rằng: Từ trước đến nay tôi không hề phản đối bất kỳ chuyện gì trên thế giới. Vì sao vậy? Bởi vì tông chỉ của tôi là "Everything's OK" tất cả mọi thứ đều OK. Song, nếu có người phản đối tôi thì tôi hết sức hoan nghinh, tuyệt đối không bác bỏ!

Ngày hôm nay tôi chỉ trình bày sơ lược với các bạn về Sáu Đại Tông Chỉ của Vạn Phật Thánh Thành; nếu muốn nói cho đầy đủ thì không bao giờ nói hết được. Nếu đem Sáu Tông Chỉ này áp dụng cho bản thân thì sẽ vô cùng lợi ích cho các bạn!

(Ngày 14 tháng 8 năm 1983)

Người Tu Hành Không Được Phan Duyên

Tông chỉ của tôi là:

Đồng tử bất phan duyên,

Ngạ tử bất cầu duyên,

Cùng tử bất hóa duyên,

Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên

Bảo định ngã môn Tam Đại Tông Chỉ.

Xả mạng vi Phật sự,

Tạo mạng vi bản sự,

Chánh mạng vi Tăng sự,

Tức sự minh lý, minh lý tức sự,

Thối hành Tổ Sư nhất mạch tâm truyền.

Nghĩa là:

Dù rét chết, không phan duyên;

Dù đói chết, không van nài;

Dù nghèo chết, không cầu cạnh.

Tùy duyên, không đòi; không đòi, tùy duyên;

Ba Tông Chỉ ấy, ta phải giữ gìn.

Xả thân vì Phật sự,

Tạo mạng vì bốn sự,

Chánh mạng vì Tăng sự.

Hiểu sự, rõ lý; rõ lý, hiểu sự;

Lưu hành mạch phái Tổ Sư đã truyền.

Đó là bốn phận của chúng ta, mong rằng mọi người đều nỗ lực làm tròn.

Người tu hành không nên có tâm phan duyên, mà cần có tâm thanh tịnh, chẳng tham chẳng nhiễm. Tôi thường nói với các bạn rằng phàm là kẻ xuất gia tu hành, một lòng cầu Đạo, thì cái gì cũng không cần, cái gì cũng không tham, dù là một ngọn cỏ cũng không được tùy tiện đòi lấy và cũng không được tùy tiện mang cho người khác. Có câu:

Nhất giới bất dĩ dữ nhân,

Nhất giới bất dĩ thủ chư nhân.

(Một hạt cải cũng không được biếu cho người,

Một hạt cải cũng không được lấy của người.)

Đối với "duyên," cần phải phân biệt cho rõ ràng và phải làm cho cái "duyên" này trở nên thanh tịnh, không bị nhiễm ô. Duyên thanh tịnh tức là không có tâm tham lam; duyên nhiễm ô tức là có tâm tham lam. Người xuất gia có thể nhận cúng dường; song lẽ, không được ham đồ cúng dường, không được mưu đồ việc cúng dường, như thế thì mới là đệ tử chân chính của Phật.

Nếu các bạn vốn xứng đáng được nhận đồ cúng dường mà lại không nhận, đó mới là có chí khí, bởi các bạn không phải vì chuyện cơm áo mà xuất gia. Thọ hưởng áo đẹp cơm ngon nhưng không chịu tu hành cho đàng hoàng thì có ích gì? Phạm đối với những vật ở ngoài thân thì phải xem thường, không nên coi trọng. Nên có câu:

Quân tử mưu Đạo bất mưu thực.

*(Người quân tử mưu cầu Đạo,
không mưu cầu ăn uống.)*

Nay có thể đổi câu ấy lại là:

Quân tử an bản,

Đạt nhân tri mạng.

*(Người quân tử thì bằng lòng với cái nghèo,
Kẻ thông đạt chuyện đời thì biết an phận.)*

Người xuất gia cần phải hiểu rằng trước khi Đạo nghiệp chưa thành tựu thì không được mắc nợ. Nếu mắc nợ thì sẽ bị ràng buộc, không được giải thoát. Nhất là đối với những thứ duyên

không thanh tịnh, chúng có thể hại các bạn đến "rút chân không ra," không đạt được sự tự tại. Thế nhưng, đa số người xuất gia lại thích được cúng dường, thích nhận quà cáp của kẻ khác. Hễ bị duyên bất tịnh ràng buộc thì không dễ gì thoát ra khỏi Tam Giới. "Sợ dây" duyên nhiễm ô ấy quán chặt lấy các bạn, không cách gì tháo gỡ được. Vì vậy, để tránh mọi rắc rối, các bạn đừng nên tham luyến những thứ không chân thật, không thanh tịnh!

Người xuất gia được phân làm bảy hạng:

1) Hạng người xuất gia thứ nhất thì "một thân nhẹ lâng lâng," cái gì cũng không có cả.

Nhất trần bất nhiễm, vạn duyên giai không.

(Một hạt bụi cũng chẳng dính, mọi nhân duyên đều là không.)

2) Hạng người xuất gia thứ nhì thì tay xách cái giỏ bằng vải; trong giỏ đựng những gì thì người ngoài không thể biết được.

3) Hạng người xuất gia thứ ba thì vai vác quang gánh. Vì không thể buông bỏ cho nên đi đâu họ cũng gồng gánh bộ tài sản theo cả. Tuy phải gánh nặng (nhiều khi nặng tới cả trăm cân), nhưng họ cam lòng. Đất nước này không quang gánh, nhưng dùng ba-lô thì ý nghĩa cũng không khác mấy!

4) Hạng người xuất gia thứ tư thì mang đồ đạc theo bằng xe hơi.

5) Hạng người xuất gia thứ năm thì mang đồ đạc theo bằng xe lửa.

6) Hạng người xuất gia thứ sáu thì mang đồ đạc theo bằng tàu thủy.

7) Hạng người xuất gia thứ bảy thì mang đồ đạc bằng máy bay.

Đó là những khuyết điểm chung mà người xuất gia thường hay mắc phải.

Tôi hy vọng rằng những người theo tôi xuất gia đều được sớm thành Phật Đạo; nếu không thể thành Phật thì cũng phải thành Bồ-tát. Nói tóm lại, cần phải lợi ích kẻ khác, đừng lợi ích riêng mình. Không được tùy tiện lấy đồ vật của Thường Trụ đem cho người khác, các bạn cho là có công đức, nhưng kỳ thực, đó là ăn cắp đồ vật của Tăng Già! Kết thân với người khác, tự tiện biểu xén riêng, lấy của công dùng cho chuyện tư, đó là hành vi phá hoại quy củ của đạo tràng. Người nào có những hành vi như thế thì phải gấp rút sửa đổi, không được tái phạm; nếu không có, thì phải thận trọng!

(Ngày 15 tháng 8 năm 1983)

Khai Ngũ Nhãn Mới Thấy Được Rồng Thật

Hình dáng của rồng thật sự ra sao? Ngoại trừ các bậc thánh nhân đã khai Ngũ Nhãn, đa số người đời đều không biết mặt mày thật sự của rồng. Trung Quốc người ta vẽ rồng thường là đầu có sừng, mình có vẩy, mắt lồi, miệng lớn, có râu mép, có bốn chân, thân hình rất dài, đuôi rất ngắn. Người vẽ rồng chỉ vẽ đầu rồng mà không vẽ đuôi rồng để biểu thị vẽ thần bí, bởi:

Thần long kiến thủ bất hiện vĩ.

(Rồng thần thấy đầu mà chẳng thấy đuôi.)

Vì sao người Trung Quốc vẽ rồng như vậy? Bởi đã có một vị Thiên Sư trong khi nhập định thì trông thấy hình tượng của rồng như thế. Rồng có thần thông, biến hóa khôn lường, có thể biến lớn biến nhỏ, lúc ẩn lúc hiện. Lục Tổ Đại Sư đã từng dùng bát ăn cơm của Ngài để hàng phục một con rồng lớn và trừ được tai nạn cho Chùa Nam-Hoa.

Rồng là một côn trùng lớn, bởi thuở xưa tu hành thì "Thừa cấp" (mau mắn về tu hành Đại-thừa) nên có được thần thông, nhưng lại "Giới hoãn" (chậm chạp, không tinh tấn về Giới Luật) nên bị đọa làm súc sanh. Rồng có nhiều chủng loại khác nhau, kim-long (rồng vàng), bạch-long (rồng trắng), thanh-long (rồng xanh) và hắc-long (rồng đen). Rồng có thể được sanh ra từ thai bào, từ trứng, từ sự ẩm thấp, hoặc từ sự biến hóa. Lại còn có cầu-long (rồng có sừng), ưng-long, giao-long (thường luồng), ly-long (rồng đen); thiên-long, địa-long, vương-long, nhân-long; và còn có cả ngư-hóa-long (rồng do cá biến hóa thành), mã-hóa-long (rồng do ngựa biến thành), tượng-hóa-long (rồng do voi biến hóa thành), và hạp-hóa-long (rồng do cóc biến hóa thành) nữa.

Giống rồng phải chịu bốn thứ khổ:

- 1) Bị đại bàng kim sí điều sở thốn khổ (khổ vì bị chim đại bàng kim sí điều ăn thịt);
- 2) Giao vĩ biến xà hình khổ (khi giao hợp, rồng bị biến thành rắn, và sự biến thành này vô cùng đau đớn, khổ sở);
- 3) Tiểu trùng giảo thân khổ (khổ vì bị các loài trùng nhỏ ẩn trong vảy rồng cắn rủa, hút máu);

4) Nhiệt sa thảng thân khổ (khi trời nắng gắt, những đất cát dính trong vầy rồng đều bị nung nóng bởi ánh nắng mặt trời, làm cho rồng bị ngứa, xót rất khổ sở).

Nhiệm vụ của rồng là "bổ vân giáng vũ," giăng mây làm mưa. Tuy nhiên, có năm trường hợp rồng không thể làm mưa được.

1) Hỏa đại tăng thanh (yếu tố "lửa" gia tăng mạnh mẽ);

2) Phong xuy vân tán (gió thổi làm mây tan);

3) A-tu-la thu vân nhập hải (loài A-tu-la thu mây vào biển);

4) Vũ sư phóng dật (thần mưa buông lung);

5) Chúng sanh nghiệp trọng (nghiệp chướng của chúng sanh nặng nề).

Các bạn muốn biết hình dáng của rồng ư? Thế thì, các bạn cần phải nỗ lực tu hành, dụng công ngồi thiền; khi Ngũ Nhãn khai mở, các bạn sẽ thấy được bản lai diện mục của rồng thật. Bây giờ tôi sẽ kể cho các bạn nghe một công án về rồng. Đây là một câu chuyện xảy ra cho chính bản thân tôi, hoàn toàn có thật, tuyệt đối không phải là chuyện bịa đặt.

Khi còn ở Đông Bắc, tôi có thù nhận một người đệ tử tên là Quả Thuấn. Anh ta rất dụng công tu hành và chưa tới nửa năm đã có thể ngồi Thiền mà nhập Định được. Trong lúc nhập Định, anh ta có thể biết được đạo lý nhân quả tuần hoàn báo ứng; công phu tu trì của anh kể như gần tới nơi tới chốn. Về sau, anh ta ra ngoài tự cất một căn nhà tranh làm nơi tu hành. Ngày làm xong nhà tranh, anh mời tôi tới khai quang. Tôi cùng bốn người đệ tử nữa tới đó

(trong bốn người ấy có hai người đã mở Ngũ nhãn). Lúc ấy tôi không để ý là bên cạnh nhà tranh có ngôi miếu Long-vương.

Ngày hôm đó thì có chuyện xảy ra: khi chúng tôi sắp ngồi Thiền thì hai người đệ tử đã mở Ngũ nhãn họ đến nói với tôi: "Bạch Sư phụ! Có mười con rồng đến xin quy y Sư phụ, hiện còn chờ bên ngoài nhà tranh!"

Tôi nói với mấy người đệ tử: "Các ông không được nói bậy! Sao các ông biết họ là rồng? Họ quy y tôi làm gì chứ? Tôi làm sao có thể làm Sư Phụ của họ được? Tôi không có bản lãnh cao cường như họ!"

Họ nói: "Bọn họ tự xưng là rồng, hiện đang quỳ bên ngoài, nhất định xin quy y Sư phụ."

Bấy giờ đang vào mùa hạ, trời hạn hán, không mưa, lúa mạ ngoài đồng gần như chết khô cả. Tôi mới nói với các vị rồng (hóa thành người) ấy rằng: "Các vị muốn quy y tôi cũng được, song tôi có một điều kiện. Các vị là rồng, chuyên lo việc làm mưa, mà hiện tại vùng Hợp Nhĩ Tân đã lâu không có mưa nên khô hạn vô cùng. Ngày mai nếu có mưa, thì ngày một tôi sẽ cho các vị thọ Quy Y; nếu không thì tôi không nhận các vị làm đệ tử!"

Chúng đồng thanh đáp: "Bạch Thầy! Đành rằng nhiệm vụ chúng tôi là làm mưa; nhưng không có lệnh của Ngọc-hoàng Đại-đế thì chúng tôi không dám làm mưa, vì nếu trái lệnh thì sẽ bị trừng phạt."

Tôi nói: "Các vị hãy tới trước Ngọc-hoàng Đại-đế thưa rằng: 'Tại Hợp Nhĩ Tân có một người xuất gia thỉnh cầu hãy cho mưa xuống

trong vòng bốn mươi dặm xung quanh Hợp Nhĩ Tân.' Đó là điều kiện của tôi."

Ngày hôm sau quả nhiên trời mưa lớn và hết nạn hạn hán. Khắp nơi trong vòng bốn mươi dặm xung quanh Hợp Nhĩ Tân đều được trận mưa rào. Ngày tiếp theo, tôi cho mười con rồng ấy thọ Quy Y và đặt Pháp danh chung cho chúng là Cấp Tu. Sau khi quy y thì những con rồng ấy ẩn hình, không thấy nữa.

Chúng đã đi hóa độ đồng loại của chúng.

Từ đó về sau, bất luận là tôi đi tới nơi nào thì nơi ấy đều có nước để dùng! Tôi tới Hương Cảng thì Hương Cảng có nước; tôi tới Vạn Phật Thánh Thành thì Vạn Phật Thánh Thành cũng có nước. Đó không phải là kỳ tích xuất hiện, mà chính là do mười con rồng này cùng quyến thuộc của chúng hộ Pháp.

Có người hỏi: "Bạch Sư phụ! Sư Phụ nhìn thấy mười con rồng ấy hình dạng ra sao?"

Khi đến quy y tôi thì những con rồng ấy điều biến hóa thành người, giống hệt như người thường vậy, chẳng có khác biệt cả; chỉ có người đã mở Ngũ Nhãn thì mới biết đó là rồng thôi. Các bạn muốn biết rồng ra sao ư? Thế thì hãy mau mau dụng công tu Đạo, chuyên tâm ngồi Thiền, bớt khởi vọng tưởng, đừng nên nổi nóng, và bất luận gặp phải nghịch cảnh hay thuận cảnh thì cũng đều nên nhẫn nại, chớ sanh lòng tham luyến. Khi đạt tới cảnh giới "nhất niệm bất sanh, nhất trần bất nhiễm" (một ý niệm cũng không sanh, một hạt bụi cũng chẳng dính) thì tự nhiên Ngũ Nhãn sẽ khai mở. Bây giờ, các bạn sẽ thấy tường tận mặt mày của rồng!

Đời Người Như Giấc Mơ, Hãy Thức Tỉnh!

Tại thế giới này con người lại buông cái chân thật để nắm giữ cái giả dối, do đó đời đời kiếp kiếp quay lưng với sự giác ngộ để hoà hợp với bụi trần, túy sanh mộng tử. Túy sanh có nghĩa rằng trong lúc sống thì như kẻ uống rượu say, không biết mình từ đâu sanh về đây. Mơng tử có nghĩa rằng đến lúc chết thì như kẻ đang nằm mơng, không biết chết sẽ về đâu. Ai ai cũng sống trong mơng. Lấy cái giả mà cho là thật, ham danh ham lợi, lòng tham không bao giờ ngừng dứt.

Ở trong mơng thì bạn thấy mình làm quan, hoặc phát tài, hoặc có địa vị, quyền lợi, danh dự, hoặc có vợ đẹp thiếp xinh, con cái đầy nhà, vinh hoa phú quý, hưởng thọ không hết. Giả như trong lúc mơng ấy mà có người nói với bạn rằng: "Ông ơi! đây chỉ là hư vọng thôi, không phải thật đâu," thì bạn sẽ chẳng bao giờ tin. Chờ đến khi bạn tỉnh dậy rồi thì chẳng ai nói với bạn là bạn đã nằm mơng, bạn cũng biết rõ là mình vừa trải qua một giấc chiêm bao.

Đêm qua nằm mơng thấy đậu trạng nguyên, làm tể tướng, làm hoàng đế, thành thần tiên, hạnh phúc vô cùng. Ngày hôm nay tỉnh lại: "Ôi! Tất cả chỉ là một trường xuân mơng!" (xuân mơng tức là giấc mơng rất ngắn ngủi). Đó là sự tỉnh thức. Nếu không tỉnh mà chọn mơng là thật, thì sẽ tham luyến, không buông bỏ, chấp trước sự mê mờ, và chẳng bao giờ được giác ngộ. Bây giờ mình chính là đang chiêm bao giữa ban ngày mà chưa thức tỉnh, do đó sống một cách hồ đồ, rồi cũng hồ đồ mà chết đi. Sinh ra đây là từ đâu tới? Chết rồi mình sẽ đi đâu? Không biết! Cả một đời chẳng bao giờ tỉnh. Các vị hãy nghĩ xem, như vậy thì có ý nghĩa gì? Có gì mình phải lưu luyến? Có gì đáng để mình không buông bỏ tất cả ?

Cả đời mình đều bị sợi dây tam độc và ngũ dục trói buộc vô cùng chặt chẽ đến nỗi không có tự do để chuyển hóa bản thân, thì đừng nói chi đến chuyện giải thoát. Do đó bạn phải phát tâm xuất gia tu đạo, dụng công ngồi thiền, nỗ lực lay Phật, tức là mình tự cởi mở sợi dây tam độc và ngũ dục, cuối cùng sẽ có một ngày sẽ được hoàn toàn giải thoát. Lúc ấy mình sẽ thức tỉnh, quay đầu nhìn lại những điều mình đã làm trong quá khứ đều hoàn toàn như ảo mộng, tất cả đều chẳng phải là chân lý. Nay thức tỉnh rồi mình mới thoát ra khỏi vòng tam giới, không còn bị hạn chế trong sanh tử, tự do muốn sanh thì sanh, muốn chết thì chết, tự do tới và đi theo ý mình. Đó mới là chơn chính giải thoát, đó là: "Đại mộng sơ tỉnh" vậy.

Thói thường chúng ta cứ giữ chặt cái hư giả dối trá mà quên mất cái chân thật. Thế nào là cái hư giả dối trá? Chính là sự khoái lạc sung sướng của ngũ dục: tài sắc danh thực thù. Thế nào là cái chân thật? Tức là sự sung sướng của Niết-bàn ở trong bốn đức: thường, lạc, ngã, tịnh. Song le con người rất quái lạ, điều chân thật mất đi thì không sợ, nhưng khi điều giả dối mất đi thì lại sợ hãi vô cùng. Vì sao vậy? Bởi vì người đời ai cũng nhận giặc làm con, bỏ gốc chạy theo ngọn, lấy cái giả cho là thật, không thức tỉnh, do đó vẫn còn trong mộng, tham luyến cảnh giới của giấc chiêm bao.

Bởi do nhân duyên mình dấy khởi sự mê mờ, tạo ra ác nghiệp rồi thọ sự báo ứng, giống như một hạt bụi bay lượn trên không trung, không tự làm chủ mình được. Hạt bụi ấy cứ tùy theo nghiệp lực rồi luân chuyển trong lục đạo luân hồi không lúc nào ngừng nghỉ. Cho nên nói rằng: "Đả bất phá danh lợi quan, khiêu bất xuất luân hồi khuyên," nghĩa rằng đánh không sập cửa danh lợi thì nhảy

không thoát vòng luân hồi. Đến lúc nào bạn không bị cảnh giới làm động tâm, lúc ấy bạn mới thoát ly khỏi cái vòng lục đạo luân hồi.

(Ngày 21 tháng 8 năm 1983)

Thế Nào Là "Ngũ Suy Tướng Hiện"

Khi đã làm nhiều việc thiện, công đức đầy đủ rồi, bạn sẽ sanh lên cõi trời, hưởng thọ sự khoái lạc. Các vị thiên nhân thì thường ở trong định. Họ lấy sự khoái lạc thiên định làm thức ăn, có khoái lạc của pháp vị sung mãn, song lẽ sự khoái lạc ấy chẳng phải là cứu cánh. Chờ đến lúc họ đã tận hưởng hết phước trời thì tự nhiên đọa lạc vào luân hồi, chịu quả báo xưa kia đã làm.

Phước báo của các vị trời, hễ nghĩ đến y phục thì y phục tới ngay, nghĩ đến ăn uống thì ăn uống có liền. Y phục của họ rất nhẹ, chỉ có ba thù (hai mươi bốn thù là một lượng) tức là rất là nhẹ, cho nên nói rằng: "Thiên y vô phùng," nghĩa rằng y phục không cần may cắt gì cả. Lớn nhỏ thế nào, muốn là nó sẽ vừa khít, không to quá cũng không nhỏ quá. Hễ muốn ăn uống thứ gì thì thực phẩm sẽ tức khắc hiện ra trước mặt, không quá nhiều cũng không quá ít, làm cho người ăn được thỏa mãn.

Các vị trời đến lúc lâm chung có năm tướng suy hoại hiện ra:

Thứ nhất: Hoa quan khô nuy (cái mũ hoa khô héo): các vị trời có đội mũ bằng hoa, trang nghiêm vô cùng, không bao giờ khô héo. Nhưng đến lúc lâm chung thì mũ hoa đó tự nhiên héo tàn.

Thứ hai: Y phục cấu nị (y phục dơ bẩn): các vị trời mặc áo quần không những là đẹp đẽ thanh khiết, lại chẳng dính một hạt bụi, không cần giặt giũ gì cả. Đến lúc gần chết tự nhiên áo quần của họ trở nên dơ dáy, bụi bặm dính vào.

Thứ ba: Dịch hạ hạn xuất (nách chảy mồ hôi): thân của các vị trời thì không bao giờ toát mồ hôi. Nhưng đến lúc hấp hối lâm chung, thì dưới hai nách mồ hôi xuất ra.

Thứ tư: Thân thể xú uế (thân thể có mùi hôi): các vị trời do trước kia tu hành rất là chân chánh, nghiêm trì giới luật, do đó họ có giới hương (hương do giới luật sanh ra), thường phóng ra mùi hương thơm ngát. Vì sao thân của chúng ta có mùi hôi thối? Là vì chúng ta không giữ giới luật. Khi mình hấp hối đến gần chết thì thân mình phát ra mùi tử thi.

Thứ năm: Bất lạc bồn tòa (không thích chỗ mình ngồi): các vị trời lúc nào cũng ở trong định, luôn như như bất động, liễu liễu thường minh. Nhưng đến lúc bốn tướng suy hoại hiện ra thì các vị trời nhìn thấy nó, biết mình sắp chết, do đó tâm tán loạn rần rần, vọng tưởng khởi lên lăng xăng, ngồi cũng không yên, đứng cũng không yên, đứng rồi lại ngồi, ngồi rồi lại đứng, quay đi quay lại mấy lần thì tắt thở. Khi họ chết thì đầu thai vào lục đạo luân hồi. Nếu nghiệp địa ngục của họ chín muối thì họ tới địa ngục thọ sanh; nếu nghiệp súc sanh chín muối thì họ sẽ đầu thai thành làm thú vật; nếu nghiệp A-tu-la chín muối thì họ sanh vào cõi A-tu-la; nếu nghiệp làm người chín muối thì họ đầu thai vào cõi người. Song le trong mỗi cõi thì có thiên sai vạn biệt, đủ loại đẳng cấp khác nhau, thí dụ như trong cõi người, trên cao cùng tột bậc là hoàng đế, dưới cùng hết thấy là kẻ ăn mày, cấp trung gian thì đủ các loại giai cấp, có kẻ thì giàu sang phú quý, có kẻ thì bần cùng

hạ tiện, có người thì thông minh, có kẻ thì ngu si, có người thì trường thọ, có kẻ thì chết yểu, có người thì mạnh khỏe, có kẻ thì bệnh tật, tất cả đều do nghiệp lực chiêu cảm mà thành.

Trong Đạo Tràn Phải Cẩn Thận Nơi Lời Nói và Việc Làm

Bất cứ ai khi tới Vạn Phật Thánh Thành, các vị nhất định phải cẩn thận trong lời nói và hành động, phải buông bỏ đi lòng háo danh háo lợi của mình. Không nên coi thường mọi người, cho rằng mình là hay nhất, giỏi hơn hết, rồi đem mình đặt lên cao mà khinh khi coi rẻ người khác. Đó là hành vi cống cao ngã mạn.

Có những dơ bẩn mà mang trong tâm, hoặc mang trong thân, hoặc mang trong tinh thần, thì làm sao có thể thành tựu đạo nghiệp? Tôi thường nói với các vị rằng:

Chân nhận tỵ kỹ thác

Mạc luận tha nhân phi

Tha phi tức ngã phi

Đồng thể danh Đại-bi.

Các bạn hãy coi người khác như là chính mình vậy. Coi sự khoái lạc vui sướng của kẻ khác cũng là sự vui sướng của chính mình. Khi người khác đau buồn thống khổ thì hãy coi đó là sự thống khổ của chính mình. Khi ai làm chuyện tốt thì mình cũng ví như chính mình làm chuyện ấy. Khi ai làm chuyện ác thì mình cũng bị thương đau buồn như chính mình làm chuyện ấy. Mình phải có tư tưởng như vậy thì mới có thể cùng người khác, ăn ở vui vẻ với nhau, mới khuyến khích giúp đỡ những kẻ phạm giới, cũng như

khuyến khích những kẻ giữ giới, không thể có tâm "tật hiền đồ năng," nghĩa là ganh tị với người tốt và người có tài, cũng không thể chướng ngại kẻ khác phát tâm bồ đề.

Sau khi xuất gia, ở chùa làm việc thì nên mau chân mau tay, tuyệt đối đừng đi khoe khoang, tuyên truyền công lao của mình rằng tôi làm như vậy, tôi làm như kia. Nếu mà khoe khoang công lao thì ngược lại chẳng có công đức gì. Các bạn đừng nên bắt chước như người đời hiện giờ, làm một chút thì sợ bị thiệt thòi, làm chuyện gì cũng sợ thua lỗ. Tự cho mình là thông minh lắm nhưng kỳ thật thì ngu muội. Tất cả công chuyện mà bạn làm hằng ngày, bạn không cần nói ra bởi vì các vị thần Hộ-Pháp ghi nhớ rất rõ ràng. Khi công đức viên mãn, tự nhiên sẽ có sự cảm ứng, cho nên nói: "hữu xạ tự nhiên hương, hà tất dương phong dương," nghĩa rằng: có mùi hương thì tự nhiên thơm ngát, không cần gió để thổi đi.

Chúng sanh có lỗi làm giống nhau, tức là khi làm việc thì nói rằng mình không nên có ngã tướng (tức là mình không nên làm). Đến lúc ăn cơm thì nói rằng mình chẳng nên có nhân tướng (bởi vì không có người khác nên mình cứ tha hồ ăn). Đến lúc cãi lẫy với nhau thì nói rằng: "ồ, mình không nên có chúng sanh tướng!" (Tức là cứ việc cãi lẫy đi, không có chúng sanh đâu). Đến lúc ăn thịt lại cho rằng không có thọ giả tướng (tức là miếng thịt không có sanh mạng gì cả, cứ tiếp tục ăn đi!). Lại còn không có lòng hổ thẹn mà nói rằng: "Tao ăn thịt tụi bây là để siêu độ tụi bây được lên cõi Tây thiên." Người nào mà có tướng như vậy, tự cho rằng mình thông minh, kỳ thật đã bị sự thông minh đánh lừa chính mình, và họ sẽ chịu thiệt thòi, tự mình không biết mà thôi.

Những người tu hành chúng ta, lúc nào cũng phải nhiếp tâm kiểm soát chính mình, phải làm chủ tự kiểm chế mọi cử động hành vi của mình, đi đứng nằm ngồi đừng nên rời khỏi nhà (tức là chơn tâm). Không rời tức là không đi soi mói tìm tòi lỗi lầm của kẻ khác, cũng không nói thị phi về người khác, tức là mình phải cẩn thận trong lời nói và hành động. Lúc nào cũng hồi quang phản chiếu, soi lòng mình phải tự tìm ở nơi mình, phải diệt trừ tánh nóng nảy kỳ quái của mình để giữ gìn công phu nhẫn nhục. Nói đi nói lại cốt ý là bạn hãy bớt nói, tu nhiều hơn, đừng bao giờ nên khoe khoang chính mình, tôi như thế này tôi như thế kia. Bây giờ đã xuất gia rồi thì đừng nên có thói quen như người tại gia. Xuất gia là vì sao? Bạn hãy phản tỉnh, nhìn lại chính mình, có nên hay chẳng nên?

Người Tu Đạo Không Nên Ích Kỷ

Hôm nay là ngày bắt đầu của Địa Tạng Thất. Mỗi năm vào ngày 15 tháng 7 âm lịch (tức là lễ Vu Lan) cho đến ngày 30 tháng 7 (tức là ngày Đản sanh Đức Địa Tạng) chúng ta đều tổ chức hai Thất Địa Tạng để siêu độ cô hồn ngạ quỷ được vãng sanh, và cầu nguyện cho hòa bình thế giới. Đó là trách nhiệm mà Vạn Phật Thánh Thành cần phải tận tình thực hiện.

Hy vọng các vị hãy chuyên tâm nhất trí niệm "Nam Mô Địa Tạng Bồ Tát," niệm cho đến khi tâm và miệng tương ứng thì nhất định sẽ được cảm ứng. Không thể một tâm mà làm hai việc, phải tập trung tinh thần lại để niệm tên Ngài. Nếu mình chẳng chí thành khẩn thiết, thì tuy không thể nói rằng chẳng có công đức, song lẽ công đức không nhiều. Nếu nhất tâm chuyên niệm, thì mình sẽ

cùng Ngài Địa Tạng Bồ Tát hòa hợp làm một, và khi niệm tới chỗ "bất niệm như tự niệm" (miệng không niệm nhưng tâm luôn niệm) thì trong lòng mình tự nhiên thanh tịnh và tự tại, mọi phiền não đều tiêu tan.

Người tu đạo không nên ích kỷ, không nên có tư tưởng "hoài kỳ bảo nhi mê kỳ bang." Hễ mình được đồ ăn gì ngon thì hãy nhường cho đại chúng ăn; hễ có áo quần đẹp thì cũng nhường cho đại chúng mặc; hễ có chỗ ở an lành, cũng nhường cho đại chúng; có được cảm ứng gì tốt thì hãy cùng chia sẻ với đại chúng, cúng dường mọi người. Phàm là mình có được công đức gì thì nhất định nên hồi hướng cho chúng sanh trong Pháp-giới. Nếu chẳng được vậy thì mình vẫn còn ích kỷ.

Hễ ai có cảm ứng tốt hãy cúng dường mọi người, hễ không được cảm ứng tốt cũng nói rõ cho mọi người nghe. Không nên thiếp vàng lên mặt (khoe khoang chính mình), nói rằng tôi có cảm ứng đẹp như thế này, tốt như thế kia. Cũng không được hễ có cảm ứng kỳ diệu màu nhiệm thì giấu kỹ, không nói cho người khác biết. Nếu có tư tưởng như vậy đều là ích kỷ. Bây giờ mọi người hãy phản tỉnh coi mình đã làm tròn trách nhiệm chưa? Phải chăng là mình không chịu làm việc, cứ người này đẩy qua người kia, tôi đẩy anh anh đẩy tôi, không ai chịu gánh vác trách nhiệm của mình cả.

Mỗi người chúng ta ai cũng phải phát tâm, coi Phật giáo là trách nhiệm của riêng mình. Sự hưng thịnh suy vong của Đạo, mọi người đều phải có trách nhiệm. Không thể nói rằng: đó là việc của người khác, không quan hệ gì tới tôi.

Vì sự lợi ích của Phật Giáo nên mình phải hy sinh mọi sự, thậm chí dù có xương tan thịt nát mình cũng không từ nan. Phải có tinh thần như vậy mới là tín đồ chân chính của Đạo Phật. Không nên lợi dụng Phật Giáo để kiếm miếng ăn, lợi dụng Phật Giáo để có áo mặc, mà phải tận lực ủng hộ Tam Bảo. Như vậy mới không có tâm ích kỷ.

Chẳng nên lúc nào cũng sợ thua lỗ, lúc nào cũng sợ thiệt thòi, lúc nào cũng tự cho mình là cao quý, cho mình là hay giỏi nhất. Phải có tinh thần quên mình vì Đạo Pháp, thì mới đủ tư cách làm một tín đồ của Đạo Phật.

(Ngày 25 tháng 8 năm 1983)

Noi gương Địa Tạng Vương Bồ Tát

Địa Tạng Vương Bồ Tát có nguyện lực lớn nhất. Ngài nói rằng:

"Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật,

Chúng sanh độ tận, phương chứng Bồ-đề."

Có nghĩa là địa ngục chưa trống không, tôi thề không thành Phật; chúng sanh độ hết rồi, tôi mới chứng bồ-đề. Tinh thần này thật là từ bi. Bồ-tát đối với chúng sanh chúng ta rất là quan tâm lo lắng vô cùng, không có gì hình dung được. Phàm đối với tín đồ Phật Giáo, nỗ lực tu hành thì Địa Tạng Vương Bồ Tát có thể trong lúc chúng ta thiên định hoặc chiêm bao mà hiện thân thuyết pháp. Tiếc thay chúng ta không hiểu dụng tâm của Bồ-tát, và cô phụ lòng từ bi của Ngài, thật là có lỗi với Ngài. Song le Bồ-tát cũng không giận dữ, Ngài tha thứ cho sự si mê của chúng sanh, rồi

vẫn không ngừng phổ độ chúng sanh. Khi nào độ hết chúng sanh thì Ngài mới thành Phật.

Những việc Bồ-tát làm đều hướng về sự chân thật. Tuyệt đối Ngài không có ý hư ngụy giả dối, dù nhỏ như một sợi tơ, thuần túy là để cứu độ chúng sanh được thoát khổ và an lạc.

Hiện nay chúng ta đang cử hành Địa Tạng Thất, ai có chơn tâm thì người ấy sẽ có cảm ứng, ai có thành ý thì người đó sẽ có thọ dụng. Sự thọ dụng này không phải là đắc được thần thông diệu dụng, mà là tâm mình được thanh tịnh, hết vọng tưởng. Khi vọng tưởng hết thì mình sẽ có cảnh giới cảm ứng đạo giao hiện tiền. Có người nói: "Bình an là cảm ứng; biết lỗi làm cũng là cảm ứng; so với lúc xưa tôi hiểu biết rõ ràng hơn, đó cũng là cảm ứng; so với trước kia tôi siêng năng nỗ lực hơn, đó cũng là cảm ứng." Nói như vậy cũng không sai, chung chung là như vậy.

Hãy Chấp Nhận Sự Chỉ Trích Vô Lý

Bây giờ tôi xin nói cho các bạn nghe kinh nghiệm của tôi khi tôi tụng Kinh Địa Tạng. Lúc tôi mười bảy tuổi thì đã bắt đầu giảng Kinh Lục Tổ Pháp Bảo Đàn và Kinh Kim Cang cho người ta nghe rồi. Ban đầu tôi không biết giảng nhưng vẫn phải giảng. Vì sao vậy? Bởi vì lúc bấy giờ có rất nhiều người muốn nghiên cứu, học hỏi kinh điển nhưng lại không biết chữ. Do vậy tôi mới suy nghĩ là tôi cần phải đảm nhiệm công tác này, nên tôi mới giảng kinh cho họ nghe.

Một ngày nọ tôi ngẫu nhiên phát hiện ra quyển Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện và tôi như bắt được của quý. Đọc qua một lần,

tôi thấy Ngài Địa Tạng Bồ Tát vô cùng từ bi. Ngài rất quan tâm đối với chúng ta, mà chúng ta thì không hay biết gì. Do đó tôi phát tâm mỗi ngày quỳ trước điện Phật và tụng một bộ Kinh Địa Tạng. Sàn của Phật điện lót bằng gạch, không có nệm, mà tôi chỉ mặc quần bằng vải thường. Quỳ trên sàn gạch và tụng một bộ Kinh phải mất hai giờ đồng hồ. Tôi chuyên chú tụng đến nỗi đầu gối rướm máu mà cũng không hề biết đau đớn gì cả, càng tụng thì tâm càng khoan khoái. Mỗi ngày cứ đúng giờ là tôi quỳ trước điện Phật và thành tâm tụng. Hơn một trăm ngày sau thì ma chướng phát sanh nên tôi phải ngưng, không còn niệm được nữa.

Người tu Đạo, nếu không dụng công tu hành thì chẳng có ma chướng lại khảo nghiệm thử thách. Hễ bạn được một chút xíu thành tựu thì ma liền đến thử thách để coi bạn có định lực hay không? Trong lúc tôi đang niệm Kinh Địa Tạng thì có một vị cư sĩ đến chùa cúng dường. Ông ta thấy tôi quỳ mà tụng Kinh thì rất tán thán khen ngợi tôi, và nói với người trong chùa thầy đó dụng công như vậy, thầy đó tinh tấn như kia... Sau khi vị cư sĩ này đi về rồi, tất cả các thầy trong chùa đều mắng tôi: "Chú giả bộ hay quá, cố làm cho cư sĩ để ý để chứng tỏ rằng chú là kẻ tu hành chuyên cần. Chú thật là đồ lợi dụng!" Lúc bấy giờ tôi chẳng biện luận gì cả, mình hiểu mình là được rồi, chỉ biết rằng mình vì tu hành mà tụng Kinh thôi. Nhưng từ đó về sau thì những chuyện vô lý thường xuyên xảy ra. Trước khi tụng kinh, mấy thầy lại mắng tôi: "Đồ giả mạo tu hành." Sau khi tụng kinh xong, mấy thầy cũng lại chưởi tôi: "Giả bộ tu hành xong rồi sao!" Ngày nào cũng chưởi mắng om sòm nhưng tôi vẫn cứ chịu đựng không nói lời nào cả.

Sau khi tôi tụng được hơn một trăm ngày thì ma chướng thật sự kéo tới. Một hôm vừa niệm xong một bộ Kinh Địa Tạng, thì vị đại

sư huynh tới trước mặt tôi rồi đánh tôi một phát. Tôi chẳng hiểu vì sao, cũng không dám hỏi lý do. Sau đó y mắng tôi: "Chú là người vô dụng, ở đây biếng nhác hưởng nhàn. Người ta có công việc làm ngoài kia, còn chú thì ở đây giả bộ tụng kinh để biểu diễn cho người ta coi. Chùa đâu phải chỗ để cho chú tu hành như vậy? Chú có công đức gì mà ở đây tu hành?" Vì thế tôi chỉ còn cách phải ngưng việc tụng Kinh Địa Tạng.

Hôm nay gặp kỳ Địa Tạng Thất khiến tôi nhớ lại chuyện quá khứ. Tu hành không phải dễ dàng, mà lúc nào cũng có thể gặp chướng ngại. Các bạn rất là may mắn, đã gặp được đạo tràng tu hành rất lý tưởng, không bị chưởi mắng, không bị đánh đập, vô cùng ung dung tự tại. Các bạn càng cần học gương nhẫn nhục, luôn luôn phấn đấu trong nghịch cảnh, tiếp tục công phu tu hành và tinh tấn hành trì trong mọi hoàn cảnh.

Khuyên Con Dâu Nên Hiếu Thảo Với Cha Mẹ Chồng

Khi tôi theo hầu Ngài Thường Nhân Đại Sư của Chùa Tam Duyên tại tỉnh Đông Bắc Trung Hoa, có lần vì công tác xây chùa nên tôi đi ra ngoài thôn trang kiếm xe chở vật liệu. Cách chùa khoảng mười lăm dặm, có một thôn trang gọi là Đại Ba. Bây giờ chính là lúc canh tác mùa xuân nên nông dân rất là bận rộn, do đó không thể kiếm được xe. Tôi bèn tới nhà ông thôn trưởng thì ông ta nói rằng: "Hiện tại chúng tôi rất là bận rộn, không có thời giờ để chở vật liệu dùm cho chùa!" Vừa lúc đó thì người em dâu của ông ta tới gặp tôi và nói rằng: "Thầy ơi! Đứa con tôi bị bệnh, bác sĩ chữa không lành, Thầy có thể phát lòng từ bi trị bệnh cho con tôi chăng?"

Tôi nói với cô ta rằng: "Bởi vì cô không hiếu thảo với cha mẹ chồng của cô nên con cô mới bị bệnh. Nếu cô muốn con cô hết bệnh thì nhất định cô phải sám hối. Cô phải lạy trước bài vị của tổ tiên và khấn nguyện từ đây về sau sẽ hiếu kính với cha mẹ chồng và ăn ở hiền lành hòa thuận với mọi người trong nhà. Sau đó thì quỳ trước cha mẹ chồng của cô mà nhận lỗi, và nguyện rằng sẽ không làm cho ông bà buồn phiền nữa. Nếu cô thành tâm như vậy thì con cô nhất định sẽ lành bệnh."

Cô ta tức thời làm theo lời tôi nhưng bệnh của đứa con nhỏ vẫn không thuyên giảm nên cô ta liền chạy tới gặp tôi. Tôi nói: "Cô hãy đem đứa nhỏ lại cho tôi coi." Cô ta lập tức bồng đứa nhỏ tới, thằng bé khoảng ba bốn tuổi, hai mắt nhắm nghiền, miệng thì há hốc. Tôi dùng tay gõ nhẹ lên đầu nó ba lần. Không lâu sau đó thì thằng nhỏ bỗng nhiên mở mắt, nhìn đông nhìn tây, qua chừng năm phút thì rời tay mẹ nó xuống đất chạy chơi lanh lẹ như thường.

Lúc bấy giờ vị thôn trưởng vô cùng hoan hỷ nói với tôi rằng: "Thầy ơi! Thầy đã cứu cháu tôi lành bệnh. Ngày mai chúng tôi sẽ đem tất cả các xe tới chùa để giúp Thầy chở vật liệu."

Sáng hôm sau, ông ta gọi lại chín chiếc xe để chúng tôi dùng. Đến tối, lúc ra về thì có một con lừa kéo xe bị đề gãy chân. Người chủ xe lấy làm lạ và nghĩ rằng mình làm việc cho chùa thì phải có công đức, tại sao lại gặp tai nạn như vậy. Ông ta suy nghĩ mãi mà không tìm được lý nhân quả của sự việc này nên tới hỏi tôi: "Thầy ơi! Chuyện này là nhân duyên như thế nào?"

Tôi trả lời với ông ta rằng: "Bác chớ nên bồn chồn, lo lắng. Chân của con lừa bị gãy tuy bị tổn thương nhưng không lâu nó sẽ lành. Việc này thật ra đã cứu được tánh mạng của người nhà bác đấy."

Ông ta rất cảm động khi nghe tôi nói như vậy và còn quyết định ngày hôm sau sẽ tới giúp chùa chở vật liệu nữa.

Từ đó về sau bất cứ tôi tới thôn trang nào mượn xe để chở vật liệu thì mọi người đều vui vẻ giúp đỡ vì biết rằng giúp chùa thì có được công đức vô lượng, thậm chí có người tranh nhau để cho mượn xe hoặc cho người phụ giúp công quả cho chùa.

(Ngày 26 tháng 8 năm 1983)

Đạo Tặc Trở Thành Hiếu Tử

Tại quê tôi ở Đông Bắc, có một lần tôi gặp một vị hiếu tử họ Vu tên là Chí Huệ. Xưa kia anh là một kẻ ăn cắp, giật tiền cướp của, không có chuyện ác gì mà anh chẳng làm. Một ngày nọ, anh bị thương nặng, từ chỗ chết mà được sống lại. Từ đó lương tâm như được thức tỉnh, anh sanh lòng hổ thẹn và quyết tâm hoán cải cuộc đời, làm lại một con người mới. Anh phát nguyện: "Nếu tôi không chết thì nhất định tôi sẽ đến phần mộ của cha mẹ tôi để báo hiếu." Không bao lâu thì vết thương của anh lành. Sau khi trở về nhà, anh lập một chòi tranh, ở gần mộ phần cha mẹ anh và ở đó mấy năm liền.

Có một năm vào mùa Hạ, trời mưa tầm tã và gây ra ngập lụt. Anh phát tâm cầu nguyện với trời cao, nếu nội trong ba ngày mà trời ngừng mưa thì anh sẽ cắt thịt để tế trời. Anh lại nghĩ rằng nếu chờ trời hết mưa mới cúng tế thì cũng như một cách hối lộ, vậy

mình phải ngay bây giờ cắt thịt để tế trời mới biểu lộ được lòng chân thành khẩn thiết. Anh liền bày hương án và cầu xin trời xanh hãy bảo hộ cho bá tánh trong vùng và khiến cho mùa màng được tốt đẹp. Nói xong anh liền dùng dao cắt một miếng thịt ở ngay ngực. Bấy giờ máu trào ra linh láng, khiến anh mê man ngất xỉu trên mặt đất.

Lòng thành khẩn thiết của anh cảm động đến trời đất, nên đã phát sanh cảm ứng rất kỳ diệu. Lập tức mưa ngừng trời trong, và khi người nhà mang cơm ra cho anh ăn thì phát hiện anh đang nằm trên mặt đất, máu chảy linh láng. Họ bèn thức anh dậy, và chữa trị cho anh. Được chừng nửa tháng thì vết thương hoàn toàn lành hẳn. Trong thời gian đó, có một con chim rất là dễ thương, ngày ngày bay lại bên giường an ủi anh mà hót lên: "Đa tác đức! Đa tác đức! Đa đức đa hảo!" (nghĩa rằng làm đức cho nhiều, làm đức cho nhiều, đức nhiều tốt lắm). Con chim ấy trở thành người bạn tốt của anh. Sau nửa tháng không biết con chim đó bay đi đâu. Lòng chân thành đã khiến cho mưa ngừng hẳn, lại có chim thần đến làm bạn, cảnh giới đó thật là bất khả tư nghị.

Có một năm, tôi và anh ta gặp lại nhau, ngồi với nhau một giờ đồng hồ, không nói với nhau một lời nào cả. Vì sao vậy? Bởi vì không có gì đáng nói. Tất cả đều thể hiện trong im lặng "bất ngôn," anh ta biết tôi, tôi cũng biết anh ta. Khi tâm chiếu soi thì chẳng cần lời lẽ, chỉ dụng ý mà thể hội thôi, không thể diễn bày bằng ngôn từ được.

Khi tôi tới Đài Loan để hoàng pháp có gặp Thủy Quả Hòa-thượng (tức Hòa-thượng Quảng Khâm). Tôi và Ngài cũng cùng tình huống như vậy, nhìn nhau mà chẳng nói gì cả, nhưng trong lòng chúng tôi vui sướng vô cùng. Đó là tác dụng cảm ứng của tâm

linh tâm tâm tương ấn, tâm mình và tâm người cùng nhau ấn chứng; bĩ thử thông đạt, không còn chướng ngại.

Bốn Giai Đoạn Tất Yếu của Đời Người

Mọi người chúng ta đều phải trải qua bốn cái khổ lớn của cuộc đời gọi là sanh lão bệnh tử, bất kỳ người nào cũng không thể thoát khỏi bốn nỗi thống khổ đó. Trừ phi bạn tu đạo và thoát được vòng sanh tử thì chẳng nói đến làm gì, đa số người đời đều phải chịu bốn thứ khổ ấy.

Khi sanh ra thì giống như bị hai trái núi đè ép cho nên trẻ con khi mới chào đời, việc đầu tiên là khóc òa lên, đó thể hiện sự đau khổ. Bà con quyến thuộc bị cảnh giới làm cho mê muội thì lại tới chúc mừng. Tuy đó là một niềm vui, nhưng kỳ thật là một nỗi khổ? Đến lúc già thì mắt mờ, tai điếc, răng rụng, tóc bạc, chân tay đình công không còn cử động như ý muốn nữa. Thật là vô cùng đau khổ. Đến lúc bệnh rồi tứ đại không còn điều hòa, không còn hợp tác với mình nữa. Bấy giờ chỉ còn nằm liệt giường, chẳng đứng dậy được. Bàn cùng khốn khổ đi đôi với nhau, đúng là trong cái khổ lại còn khổ thêm nữa. Lúc ấy tâm muốn một đường, nhưng sức lực chẳng đầy đủ để làm theo, bạn nghĩ coi đó chẳng phải là khổ hay sao?

Đến lúc chết thì khổ đau không sao tả xiết, giống như con trâu sống mà bị lột da, mình vì con cái mà móc ruột móc gan, bị thất tình lục dục làm cho mê muội, không buông bỏ được chúng. Kỳ thật chết là chuyện mà ai cũng phải trải qua. Vậy sao lúc sanh ra lại vui vẻ mà khi chết lại âu sầu? Đáng tiếc là những kẻ ngu muội si mê không thể phá bỏ sự chấp trước này.

Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu vấn đề sanh từ đâu đến, rồi chết đi về đâu? Nếu mình thông suốt vấn đề này thì có thể thoát khỏi tam-giới, không còn lọt vào luân hồi nữa. Đức Thích Ca Mâu Ni xưa kia vì muốn nghiên cứu vấn đề này nên mới xuất gia tu đạo. Ngài hành đạo khổ tu sáu năm mà chẳng đạt được phương pháp giải quyết vấn đề sanh tử. Sau cùng, tại gốc cây Bồ đề Ngài ngồi tịnh tọa bốn mươi chín ngày. Đêm đến thấy sao mai mọc ra, Ngài ngộ đạo, thấu triệt được vòng xoay chuyển của đời người, tức là mười hai nhân duyên.

Ngày hôm nay vì sao tôi nói đến đạo lý này? Bởi vì khi tôi mới tới Hương Cảng năm 1949, vị đệ tử đầu tiên quy y tôi là bà La Quả Minh. Bà ta năm nay được 81 tuổi. Sáng hôm qua bà đã vãng sanh, khiến cho tôi động lòng xúc cảm. Bà ta suốt đời bị hoàn cảnh chèn ép, song bà không đầu hàng nghịch cảnh, nhẫn nhục chịu đựng và nuôi dưỡng năm đứa con gái. Nay con bà đã trưởng thành, tương đối thành đạt cả. Vì vậy bà Quả Minh có thể vui vẻ mà ra đi, hoặc bà đã được vãng sanh về Thế Giới Cực Lạc.

(Ngày 4 tháng 9 năm 1983)

Một Cuốn Kinh Rất Khó Tụng

Tục ngữ nói rằng: "Nhà ai cũng có một bộ kinh khó tụng," lúc nào thì mới tụng xong bộ kinh này? Không ai có thể biết. Lúc nào thì có thể tụng được bộ kinh này, cũng không ai biết được. Người tu đạo chúng ta hẳn có thể tụng hết được bộ kinh này thì đến với những bộ kinh khác sẽ hiểu được rất dễ dàng.

Ngày hôm nay tôi nói với các bạn nhân duyên này vì tôi muốn các bạn hãy đề cao cảnh giác về vấn đề sanh lão bệnh tử. Khi gặp cảnh giới trên (tức là chuyện sanh lão bệnh tử), thì các bạn phải nghĩ cho thông suốt, buông bỏ hết mọi sự, đừng nên bị cảnh giới ràng buộc chằng chịt, tốt nhất là "đối cảnh vô tâm," nhìn mọi sự mà tâm không động, coi như là chuyện bình thường. Nếu ai chẳng động tâm thì đó là *như như bất động, liễu liễu thường minh*.

Người đời ai cũng bị cảnh giới khống chế, lay chuyển, chứ không thể thay đổi được cảnh giới. Bởi vậy, họ bị hoang mang chẳng có mục tiêu, không tự làm chủ được đường hướng tông chỉ của đời mình, luôn luôn hồ đồ mê muội cả đời. Sanh ra hồ đồ, chết rồi mê muội, một lần mình sai lầm mà không biết giác ngộ, rồi lại tái phạm, sai lầm cứ lưu chuyển mãi trong lục đạo luân hồi. Cũng giống như kẻ chơi cờ bạc vậy, đã bị thua mà vẫn muốn tiếp tục, cho nên người đời nói rằng: "bớt ăn bớt uống, dùng tiền để đánh bài" là ý vậy. Kẻ phàm phu lúc nào cũng muốn đánh để gỡ lại tiền đã bị thua, nhưng càng đánh thì càng thua, càng thua thì càng muốn đánh, rốt cuộc là sa vào chỗ bùn lầy không thể rút chân ra được. Kết quả là nhà tan cửa nát, bao nhiêu tài vật trong nhà đều mất hết, (ý nói rằng là pháp bảo của tự tánh cũng bị tiêu mất). Thế mà mình không biết phản bản hoàn nguyên, quay về với gốc nguồn, không biết hồi quang phản chiếu, tự soi tâm mình để bỏ bờ mê trở về bến giác, càng không biết quay lưng với trần lao để hợp nhất với giác tánh. Người đời thì sanh rồi lại chết, chết rồi lại sanh, ở trong biển khổ sanh tử, muốn phấn đấu để thoát ra, nhưng vừa mới ngoi đầu lên, thì lại chìm xuống, vĩnh viễn chẳng bao giờ thoát khỏi biển khổ cả.

Người xuất gia cần phải nỗ lực tu hành, nếu không thì chẳng bao giờ ra khỏi lục đạo luân hồi. Nếu bạn biết "*cấp lưu dĩng thối*" (hễ thấy nguy hiểm thì thối lui), nếu bạn biết đánh bài là chuyện không tốt, nhưng nếu bạn biết quay đầu lại cũng chưa muộn. Lúc ấy bạn sẽ hiểu rằng ai đánh bài thì người ấy thua tiền, chỉ có kẻ không đánh bài mới là người thắng mà thôi. Cũng giống như đánh cờ, khi có thua có ăn, nhưng người không đánh cờ thì vĩnh viễn không thua cũng không ăn. Lấy triết lý trên đây để soi sáng tâm mình, do đó mà hiểu rõ đạo lý hơn.

Các vị Thiện-tri-thức! Hãy thống niệm sanh tử, phát tâm bồ đề, đừng nên trôi nổi trong biển khổ nữa. Ai không muốn ra khỏi biển khổ thì đều là kẻ ngu muội. Nếu cứ mãi tham luyến hồng trần, cho là vui là sướng thì "bộ kinh khó tụng" này bạn vĩnh viễn chẳng thể tụng hết được. Chúng ta đã xuất gia rồi thì không nên tụng lại bộ kinh chẳng thể tụng hết được này nữa.

Rèn Luyện Nhân Cách Cao Thượng

Các em bạn nhỏ của tôi! Các em nên noi gương các vị thánh nhân, các vị hiền nhân, học theo gương các vị đại trượng phu, đầu đội trời chân đạp đất học theo gương những vị anh hùng trong nước và ngoài nước, thuở xưa và ngày nay, để có được nhân cách, đạo đức học vấn và Phật nghiệp của họ.

Bây giờ là thời gian để các em học tập: ở trong lớp thì các em trau dồi kiến thức và kỹ năng, ở ngoài lớp thì các em rèn luyện đạo đức và nhân cách. Khi có kiến thức phong phú và nhân cách được kiện toàn thì sau này các em mới làm nên sự nghiệp lớn lao vĩ đại, và mới đem lại hạnh phúc cho toàn thế giới và nhân

loại. Ở đâu các em cũng cần có kinh nghiệm mới có thể tiến bộ. Đừng sợ thất bại vì thất bại là mẹ thành công. Khi còn trẻ, các em cần có khí phách của bậc anh hùng, oai phong hào khí ngất trời thì tương lai các em mới trở thành nhà diễn thuyết nổi tiếng, bậc nhân tài hoằng pháp xuất chúng.

Bây giờ chính là lúc các em phải xây dựng nền tảng kiên cố về cả hai phương diện học vấn và nhân cách. Nền tảng về nhân cách lại còn trọng yếu hơn nền tảng về học vấn nữa. Người có học vấn mà không có nhân cách thì sau này chỉ làm hại cho quốc gia, gây loạn lạc cho nhân loại. Vì lẽ đó các em cần phải rèn luyện nhân cách cho cao thượng để tương lai phục vụ nhân loại, đem lại lợi ích cho chúng sanh.

Muốn xây dựng nền tảng cho nhân cách được kiên cố, trước tiên các em phải học nói năng cho chính trực, thẳng thắn, và đừng bao giờ nói lời giả dối, hư ngụy. Hãy nhớ nhé! Các em chớ nịnh hót, nói những lời để người khác vui, cũng đừng nói lời trái ngược với lương tâm mình, lời nào cần nói thì nói, không cần phải nói thì đừng nói. Các em phải biết rằng: "Ngôn đa tất thất," nói nhiều lời thì sẽ sai lầm, và rằng "bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu sanh," bệnh là do miệng mà vào, họa là từ lời nói mà ra. Các em phải ghi nhớ, nên thận trọng!

Đức Mạnh Tử dạy chúng ta ba tiêu chuẩn để rèn luyện nhân cách. Ngài nói rằng:

"Phú quý bất năng dâm,

Bần tiện bất năng di,

Oai vũ bất năng khuất."

Nghĩa là:

- 1) Lúc mình giàu có phú quý, thì phải giữ qui củ, không được dâm loạn,
- 2) Lúc mình nghèo hèn thì đừng thay đổi chí khí tức là không bị hoàn cảnh làm cho thay đổi chí hướng,
- 3) Lúc mình bị thế lực chèn ép thì không khuất phục, không đầu hàng, tức là không bị lợi lộc, vật chất làm cho mất hết danh tiết. Nếu các em có được chí khí cương trực hào hùng như vậy thì mới có thể trở thành những người hữu dụng sau này.

(Ngày 4 tháng 9 năm 1982)

Lầu Cao Vạn Trượng Đều Từ Dưới Đất Xây Lên

Các em bạn nhỏ của tôi! Các em nên biết rằng lầu cao một vạn trượng đều từ nơi mặt đất xây lên. Cây cao một trăm trượng cũng từ tấc từ tấc một mà lớn lên. Con người cũng mỗi ngày mỗi trưởng thành. Lúc còn nhỏ phải lập chí nguyện rồi hướng theo mục tiêu mà tiến tới. Nếu không có mục tiêu, không có tông chỉ, không có đường hướng thì cũng giống như người mù mà cỡi ngựa mù, ban đêm có thể rớt xuống hố sâu. Các em coi thử có nguy hiểm hay chằng?

Trẻ thơ giống như miếng vải tinh khiết, nhuộm màu xanh thì ra xanh, nhuộm màu vàng thì ra vàng. Các em tùy theo hoàn cảnh giáo dục mà biến chuyển, cho nên người đời nói rằng: gần mực thì đen gần đèn thì sáng. Các em chịu sự huấn tập nhuộm màu của hoàn cảnh. Sách Tam Tụng Kinh có nói rằng:

Nhân chi sơ, tánh bản thiện

Tánh tương cận, tập tương viễn,

Cầu bất giáo, tánh nãi thiên.

Có nghĩa rằng con người lúc ban sơ thì tánh tình vốn thuần thiện. Tánh tình của mọi người gần giống như nhau, nhưng do thói quen huân tập mà người này mới khác người kia, do đó lúc còn nhỏ mà không giáo dục thì tánh tình sẽ thay đổi.

Các em thọ hưởng nền giáo dục ở Vạn Phật Thánh Thành, nếu thực hành được không tranh, không tham, không cầu, không tự lợi, không ích kỷ, không vọng ngữ, thì trong tương lai đối với quốc gia xã hội các em nhất định sẽ có cống hiến lớn lao. Ở Vạn Phật Thánh Thành đã thành lập Đại-học Pháp Giới, Trung-học Bồi Đức, Tiểu-học Dục Lương và đều lấy sáu điều tông chỉ trên đây làm phương châm giáo dục.

Các thầy cô giáo viên của trường đại, trung, và tiểu học! Các vị hãy tâm niệm nhiệm vụ giáo dục con em cho mai sau. Đây là công tác thần thánh. Hãy dạy dỗ học sinh để chúng trở thành kẻ có nhân cách tận thiện tận mỹ, học vấn sâu rộng, tương lai không thành những thứ lưu manh, du đãng, những thứ vô loại trộm cướp, mà là những công dân tốt biết giữ nề nếp quy củ. Hiện tại nền giáo dục bị thất bại là vì sao? Là bởi vì chủ nghĩa cá nhân ích kỷ đã tác hại. Đa số người ta mở trường học là để kiếm tiền, do đó họ muốn có học sinh càng nhiều càng tốt và hủy hoại tông chỉ cao thượng của giáo dục.

Các thầy cô thân mến,

Các vị hãy áp dụng tinh thần "coi con em người khác như chính con em mình" để giáo dục các em. Trẻ em là tài nguyên của đất nước, và cũng là nền tảng của quốc gia. Đất nước mà tài nguyên không đủ, nền tảng không kiên cố thì làm sao trở nên giàu mạnh được? Các vị hãy gắng công!

Hãy Học Cho Giỏi Mới Trọn Vẹn Đạo Hiếu

Quán Âm Thất kỳ này có nhiều học sinh tới tham _gia. Các em phải hiểu rõ đạo lý hiếu thảo với cha mẹ. Lúc còn ở nhà thì mình nghe lời, giúp đỡ cha mẹ dọn dẹp phòng ốc nhà cửa, quét tước sạch sẽ, giúp cha mình cắt cỏ, làm những việc cần làm, lúc đi học ở trường thì phải nghe lời thầy giáo, chuyên tâm nghe giảng bài, dụng công học tập, không nên để thời gian trôi qua lãng phí. Một ngày mình phải biết được một chữ, một ngày mình phải học một câu hay, đó là biểu hiện hiếu thảo với cha mẹ rồi đấy.

Các em nhớ lấy, ở trong trường mình phải làm người học sinh giỏi, về tới nhà, mình phải làm người con tốt. Không những mình phải nghe lời cha mẹ dạy dỗ, mà mình phải nghe lời những người lớn tuổi hơn chỉ bảo. Cần hiếu thảo với cha mẹ, cần cung kính với người lớn tuổi, bởi vì họ là người có kinh nghiệm nhiều hơn mình, họ có học vấn phong phú dồi dào hơn mình. Do đó các em cần phải học tập nơi họ, coi họ là gương, mới có tiền đồ quang minh xán lạn, nếu không thì con đường trước mặt của mình sẽ mờ tối, tương lai đời em sẽ chẳng còn hy vọng nữa.

Là học sinh, các em cần có mục tiêu rõ ràng, định chí nguyện kiên cố, phải có lòng kiên nhẫn, chẳng hề bị lay chuyển, dù gặp trăm ngàn khó khăn cũng không thoái lui, có tinh thần như vậy, thì

sau này mới làm nên việc vĩ đại, thành bậc anh hùng hào kiệt. Lúc các em học hành thì phải dụng công đọc sách, không thể chơi đùa phá phách mất thì giờ, phải nhận chân học hành tất cả mọi thứ cần thiết. Như vậy, thì mới không phụ lòng cha mẹ, không phụ lòng thầy cô, không phụ lòng nhà trường.

Các em nên biết, đây là trường học của Phật giáo, chuyên môn giáo dục, dạy dỗ bậc hiền tài, để tương lai các em ra trường sẽ trở thành người hữu dụng cho thế giới. Hy vọng các em vì thế giới nhân loại mà mưu đồ hạnh phúc, không nên để cho thế giới trở nên suy đồi. Đó là hy vọng của trường mình. Các em ở đây học hành mọi thứ cần phải học tập một cách chân thật, nghĩa là dù một phút thời gian cũng không nên lãng phí, rằng "Thư sơn hữu lộ cần vi kinh, học hải vô nhai khổ tác châu," núi sách vở có đường, con đường ấy là siêng năng; biển học vắn thì vô bờ bến, nhưng phải lấy sự gian khổ làm thuyền, thì có thể vượt qua được.

Các em phải có tinh thần nhẫn khổ nại lao, không nề hà gian nan, chẳng nên làm biếng mà phải tập tành cần kiệm, đối với một trang giấy hay một cây viết cũng phải quý trọng nó, đừng nên tùy tiện vứt bỏ đi, trong sinh hoạt cần có qui luật, tối ngủ sớm, sáng dậy sớm, bớt coi ti vi, đọc nhiều sách có trí huệ, trong trường học có bài vở nào, về nhà phải làm cho hết, lúc nào cũng ôn tập nó, bởi vì "ôn cố nhi tri tân," do ôn tập sách xưa mới học được trí thức mới. Sách coi qua một lần cũng có cái tốt của nó, các em chớ coi những sách hoạt họa vô ích.

Ở Trung Quốc, vào thời Đông Hán có một em nhỏ tên là Khổng Dung, thông minh vô cùng, lại biết hiếu thảo. Một ngày nọ, bạn bè tặng gia đình em một rổ trái lê, người anh lớn của Khổng Dung chọn một trái lê lớn nhất, lúc ấy Khổng Dung chỉ mới bốn tuổi mà

đã biết lễ nghĩa đạo lý, cho nên em chỉ chọn trái lê nhỏ nhất, cha em mới hỏi rằng:

"Vì sao con không lấy trái lê lớn nhất?"

Khổng Dung trả lời: "Bởi vì con tuổi nhỏ, con chỉ ăn trái nhỏ mà thôi, những trái lớn xin nhường lại cho cha mẹ và anh con."

Các em nghĩ xem, Khổng Dung mới có bốn tuổi, mà nó đã biết được phong cách khiêm nhường, thương yêu anh em, hiếu thảo với cha mẹ. Đức hạnh như vậy không phải là trẻ em nào cũng có, tiếng thơm của em ấy, lưu truyền thiên cổ, người nào cũng biết, bởi vậy mới có câu rằng: "Dung tứ tuế, năng nhường lê," nghĩa rằng Khổng Dung mới bốn tuổi đã biết nhường trái lê.

Cũng tại thời Đông Hán có một em bé tên là Hoàng Hương, lúc em mới chín tuổi thì mẹ em chết, em đối với cha vô cùng hiếu thảo. Lúc trời mùa đông thì em dùng thân mình để sưởi ấm giường chiếu của cha mình, em sợ rằng cha mình bị lạnh. Đến lúc mùa hè, em dùng quạt để quạt giường cha mình, vì sợ cha nóng bức, đó cũng là tâm hiếu thảo mà nhân gian mãi mãi lưu truyền, rằng: "Hương cửu tuế, năng ôn tịch," nghĩa rằng Hoàng Hương mới chín tuổi mà đã biết quạt giường cha mình.

Hai em bé đó hành động như vậy của chúng là do tâm chơn thành bộc lộ ra, không phải là chỉ bề ngoài giả tạo để lừa bịp người khác, hành vi như vậy đáng để mình bắt chước. Các em đều là những trẻ thơ, cần học tập gương của hai em bé này, hiếu thảo với cha mẹ như thế nào, hãy lấy đó mà làm gương.

Các em rất may mắn, được sanh trong nước giàu có, sinh hoạt an định, vật chất phong phú. Ở trong hoàn cảnh ưu việt tốt như

vậy, các em không học cho giỏi là cô phụ niềm hy vọng của cha mẹ và thầy cô của các em.

Trên đất nước vô cùng sung sướng này, chúng ta luôn cần những người lương thiện, cần những người hiểu rõ đạo lý, hiểu thế nào là thương yêu đất nước, thế nào làm kẻ công dân ưu tú. Các em ở trong trường học Phật giáo mà học thì tương lai phải là mô phạm, là cái gương cho xã hội, lãnh đạo người đời hướng vào con đường thiện. Các em phải lấy sáu tông chỉ của Vạn Phật Thánh Thành làm tiêu chuẩn: Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, và không dối trá. Nếu các em thật sự làm được sáu điều này thì tương lai các em sẽ trở thành người ưu tú nhất trong thế giới. Tôi hy vọng các em sẽ trở thành người thập phần toàn vẹn, thành kẻ có thể ảnh hưởng người đời cải ác hướng thiện, làm người có tâm đại từ bi, ban sự khoái lạc cho chúng sanh, diệt trừ những nỗi thống khổ của họ. Được như vậy thì thế giới này sẽ trở thành chốn đại đồng.

Nghĩa Vụ Giáo Dục của Vạn Phật Thánh Thành

Tại Vạn Phật Thánh Thành đã có thành lập trường Tiểu-học Dục Lương, trường Trung-học Bồi Đức và trường Đại-học Pháp Giới, tất cả đều miễn học phí. Đó tức là nghĩa vụ giáo dục của Vạn Phật Thánh Thành. Bây giờ tôi sẽ kể cho các bạn nghe nhân duyên gì mà mình không thu học phí.

Nhà tôi ở tại miền núi của huyện Song Thành, tỉnh Đông Bắc. Vì sự giao thông ở đó rất khó khăn, trong thôn không có trường nên trẻ em đa số thất học và người trong thôn phần lớn đều mù chữ. Mùa thu năm tôi mười lăm tuổi, mới theo học trường tư thục, đọc

sách Tứ-thư và Ngũ-kinh. Đến năm mười bảy tuổi, vào mùa đông thì tôi học xong Tứ-thư và Ngũ-kinh. Thầy giáo tôi tùy theo những điều tôi đã học mà giảng giải cho tôi hiểu nghĩa lý trong sách, tổng cộng tôi chỉ học có hai năm rưỡi.

Đến năm mười tám tuổi, không có sách gì để đọc. Lúc ấy tôi ở nhà nghiên cứu sách y học, đại khái đọc được mười lăm mười sáu cuốn. Nhờ vậy hiểu rõ được đạo lý "vọng vấn thiết vấn" (quan sát, hỏi han, chẩn mạch, lắng nghe), tức là bốn cách để khám bệnh, và cũng biết tánh chất "hàn nhiệt ôn bình" (lạnh, nóng, ấm, điều hòa) tức là bốn đặc tính của thuốc. Khi ấy tôi cũng có thể trị bệnh nhưng không muốn khám bệnh cho người ta, vì tôi nghĩ rằng trong một trăm người bệnh nếu có trị lành được chín mươi chín người, còn lại một người không lành hay người ấy chết vì uống sai thuốc hay vì chữa sai bệnh thì cũng mang tội. Bởi vậy tôi không muốn làm nghề thầy thuốc. Hơn nữa từ xưa đến nay tôi không coi trọng tiền bạc và cho đến bây giờ cá tính ấy vẫn không thay đổi.

Cũng tại năm ấy, năm mười tám tuổi, tôi cũng có đọc sách về tướng mạo, sách bốc quái, hay sách về bát-tự, sách về toán mạng v.v.. Đối với sách thuốc, sách bốc quái, sách tinh tướng, tuy tôi không tinh thông lắm, nhưng cũng hiểu được nghĩa lý của nó. Bất quá tôi không muốn làm nghề đó mà thôi, bởi vì tôi không muốn làm tiền và luôn luôn nghĩ rằng: "Phú quý hoa gian lộ, công danh ngọa thượng sương," tất cả đều vô thường (phú quý như giọt hoa bên đường, công danh như giọt sương trên ngói).

Mùa đông năm ấy, tôi thấy trẻ em trong thôn không có cơ hội để học hành, thật là đáng thương, nên tôi phát tâm thành lập trường miễn phí, không thu học phí gì cả. Lúc bấy giờ có khoảng hơn ba

mười học sinh do tôi một mình đảm nhiệm dạy dỗ. Bởi vì tuổi tác học sinh không đồng đều, sự hiểu biết cũng khác biệt, nên tôi phải tùy theo trình độ của chúng mà dạy. Trường bắt đầu mở cửa từ bảy giờ sáng, đến chiều sáu giờ học sinh mới ra về, trong thời gian đó không có lúc nào nghỉ học cả. Học sinh ra công học tập nên tiến bộ rất mau. Mùa đông trôi qua, khóa học chấm dứt và thành tích của học sinh rất tốt. Chúng hiểu rõ nghĩa và viết được rất nhiều chữ. Đó là niềm vui mà tôi đã dùng công lao khó nhọc để có được.

Do nhân duyên trên đây mà tại trường Tiểu-học Dục Lương, trường Trung-học Bồi Đức, và trường Đại-học Pháp Giới đều miễn học phí. Có người nghi ngờ, hỏi rằng phải chăng như vậy là quá ngu si? Phải chăng tôi không biết giá trị của đồng tiền. Đúng là ngu si cực điểm, tôi chấp nhận lời bình luận như vậy. Song tôi lại nghĩ rằng giáo dục để đào tạo nhân tài là niềm hạnh phúc lớn nhất trong đời.

Bây giờ nói đến trường Tiểu-học Dục Lương: tông chỉ là dạy dỗ học sinh để thành bậc nhân tài ưu tú, giáo dục chúng trở thành người công dân lương thiện, và thành những con em hiếu thảo, cho nên gọi là Dục Lương.

Về trường Trung-học Bồi Đức, bởi vì tánh đức của con người có đầy đủ, tròn vẹn, cho nên phải bồi đắp đức hạnh, đề xướng việc tu phước tu huệ. Trường Tiểu-học Dục Lương thì chú trọng đến đạo hiếu: Bách thiện hiếu vi tiên, trong một trăm điều thiện thì đạo hiếu là hàng đầu. Trường Trung-học Bồi-Đức thì chú trọng đến trung và hiếu: trung với quốc gia, hiếu thảo với cha mẹ.

Muốn làm người công dân lương thiện, biết thương yêu tổ quốc thì cần phải có nhân cách mới có thể chịu mọi thử thách, không bó tay đầu hàng trước hoàn cảnh. Cho nên có câu: "Gia bản xuất hiếu tử, loạn thế xuất trung thần," nhà nghèo thì mới nhận ra con hiếu, nước loạn thì mới xuất hiện bậc tôi trung. Đó là vì do trải qua thử thách khảo nghiệm cho nên mới thành những con người như vậy. Những kẻ có nhân cách cao thượng, những kẻ có chí nguyện vĩ đại, những kẻ có lòng kiên nhẫn không gì lay chuyển, những kẻ có tài năng làm nên sự nghiệp lớn lao: đó là mục tiêu đào tạo của trường Trung-học Bồi Đức.

Nói về trường Đại-học Pháp Giới, sau khi học sinh ở trường Bồi Đức đã trau dồi đức hạnh của mình cho được tròn đầy viên mãn, thì có thể lên học trường Đại-học Pháp Giới, để thành bậc nhân tài xuất chúng. Hy vọng các em nam cũng như nữ sẽ trở nên xuất sắc vượt bậc hơn lớp người đi trước, tương lai có thể thành kẻ anh dũng đầu đội trời chân đạp đất. Các bạn hãy có tư tưởng vị tha, người khác chìm cũng như mình chìm, người khác đói cũng như mình đói vậy. Phải có tinh thần bao la cùng khắp cả hư không pháp giới, không có gì biến cải được chí nguyện của mình.

Hiện tại đa số những học đường bất luận trường công hay trường tư đều chú tâm làm sao làm tiền học sinh, làm sao học phí mỗi năm mỗi tăng, khiến cho người không có đủ tiền chỉ nhìn mà than thở. Vạn Phật Thánh Thành vì muốn giải quyết vấn đề đó cho nên không thu học phí, chỉ lấy việc giáo dục anh tài trong thiên hạ làm tông chỉ. Tôi hy vọng rằng học sinh tại Vạn Phật Thánh Thành ý thức được dụng tâm chịu gian khổ của Vạn Phật Thánh Thành, đã hy sinh kinh phí để giáo dục các em trở thành rường cột của quốc gia, những nhân tài để hoằng Pháp. Các em

đừng nên cô phụ sự khổ công đào tạo của các giáo sư ở Vạn Phật Thánh Thành, các em phải dụng công học tập. Có câu rằng: "Thư tảo dụng thời phương hận thiếu, sự phi kinh quá bất tri nan," nghĩa là đến lúc dùng sách vở mới ân hận là trí thức mình còn thiếu, việc không trải qua kinh nghiệm thì chưa biết là khó. Bây giờ các em không dụng công học tập, thì tương lai đến lúc cần dùng tới kiến thức của mình, các em sẽ hối hận vô cùng. Đó là điều tôi cần nói với các em ngày hôm nay.

(Ngày 19 tháng 9 năm 1983)

Trẻ Em Là Rường Cột của Nước Nhà

Các bạn nhỏ thân mến! Các em hãy ngồi ngay _thẳng, yên lặng lắng nghe những điều tôi muốn nói hôm nay. Các em là những cây non mỗi ngày mỗi lớn cao, tương lai các em sẽ là rường cột cho đất nước mình. Các em cần làm nên sự nghiệp vĩ đại hiển hách, đem lại hòa bình cho thế giới, đem lại hạnh phúc cho nhân loại. Các em sanh ra ở đất Mỹ này thì phải làm cho đất nước này được quản lý tốt đẹp, khiến cho quốc gia không có chiến tranh nữa, vĩnh viễn được hòa bình, và cả cho toàn giới, mọi nơi mọi nước đều được bình an, đó là nhiệm vụ của các em.

Hiện tại các em hãy đặt nền tảng vững chắc cho việc cứu nước cứu dân mai sau. Trước tiên các em phải học làm con người tốt, tức là các em hãy noi gương những người tốt mà học hỏi, đừng nên học hỏi những kẻ xấu. Thế nào là người tốt? Tức là ở nhà hiếu thảo với cha mẹ,, đến trường thì cung kính sư trưởng, thầy cô, ngoài xã hội thì phục vụ nhân dân, khi làm việc trong chính phủ thì luôn mưu cầu hạnh phúc cho dân chúng, đó là tiêu chuẩn

của người tốt. Thế nào là người xấu? Người xấu thì có lòng ích kỷ, chỉ mưu cầu lợi ích cho riêng mình, vong ân bội nghĩa. Người tốt trị nước sẽ khiến đất nước giàu mạnh, chẳng có chiến tranh. Người xấu mà trị nước thì làm mất nước.

Các em là những người đi trước bởi vì các em học làm sao để báo hiếu cho cha mẹ, làm sao để phục vụ nhân quần. Tương lai các em sẽ đem lại hòa bình cho đất nước này, đem tất cả vũ khí sát nhân mà hủy diệt đi: "Mã phóng nam sơn, đao thương nhập khó," nghĩa là thả những con chiến mã về núi không dùng nữa, và đem gươm giáo chắt vào kho, không cần tới nữa. Đó là trách nhiệm của các em, phải làm sao hóa giải không khí chiến tranh trên thế giới này, khiến cho ai ai cũng được an cư lạc nghiệp, áo quần ăn uống đầy đủ. Lúc đó thế giới này mới có thể trở thành "Thế Giới Đại Đồng" vậy.

(Ngày 20 tháng 8 năm 1983)

Thế Nào Là Đôn Phẩm, Thế Nào Là Lập Đức

Các em bạn nhỏ! Các em muốn làm tròn trách nhiệm cứu thế cứu nhân cứu đời cứu người chăng? Đầu tiên các em phải đôn phẩm lập đức. Thế nào là đôn phẩm? Đôn tức là đôn hậu. Phẩm là phẩm cách, có nghĩa rằng các em phải học làm sao cho kiến thức được phong phú, phẩm cách được cao thượng, đừng hút thuốc, đừng uống rượu, đừng hút xì-ke, cũng đừng bài bạc rượu chè, cũng đừng làm những hành vi bất lương không tốt. Chẳng nên học những kẻ không có trí thức trong quá khứ, đối với quốc gia thì họ không làm tròn trách nhiệm, đối với xã hội thì họ không làm tròn nghĩa vụ, luôn luôn tùy tiện chẳng chịu giữ quy củ cho

chính mình, trở thành kẻ chỉ làm tổn hại đến người khác. Họ là thứ mình gọi là A-tu-la trong nhân gian, chỉ biết đấu tranh mà không biết hòa bình, những người ác như vậy chỉ thành những kẻ ăn hại cho quốc gia.

Các em giờ đây giống như những cây non đang từ từ nảy nở, do đó lúc nào cũng phải chú ý chặt bớt đi những cành nhánh vô dụng, để cây có thể mọc thẳng lên trên cao, tương lai thành một cây to lớn vĩ đại, có thể dùng làm vật liệu xây dựng được. Rằng "Mười năm trồng cây, trăm năm trồng người." Các em hiện tại đang ở trong thời gian phải học tập, do đó đừng nên tiêu nhiễm những thói hư tật xấu. Hãy nhớ lấy! Các em phải trưởng dưỡng cho mình phẩm cách cao thượng, giữ gìn tiết tháo liêm khiết trong sạch. Nếu được như vậy, thì tương lai các em sẽ trở thành lãnh tụ của thế giới.

Thế nào là lập đức? Lập có nghĩa là kiến lập, thành lập. Đức là đức hạnh, nghĩa là kiến lập đức hạnh cho chính mình, tức là hiếu thảo với cha mẹ, bởi vì "Bách thiện hiếu vi tiên," trong một trăm điều thiện, hiếu đứng đầu. Không hiếu thảo với cha mẹ, thì dù hàng ngày các em có lạy Phật cũng không có ích lợi gì. Đối với điểm này thì các em bạn nhỏ cần phải hết sức chú ý.

Đức hạnh của các em mỗi ngày mỗi lớn lên, mỗi nhiều thêm, thì nền tảng làm người mỗi ngày mỗi thêm kiên cố. Khi cần nói thì các em nên nói lời chính đáng, đúng với chân lý, đừng nên nói những lời không hợp lý, không đàng hoàng. Nói tóm lại, các em hãy nỗ lực học tập, để tương lai trở thành người hữu dụng cho xã hội, chẳng nên làm kẻ hư xấu của thế giới. Đó là điều mà tôi kỳ vọng nơi các em.

Đồng Tính Luyến Ái - Chính Là Tự Đào Mồ Chôn Mình

Các em bạn trẻ! Khi các em học thành tài ra đời _phục vụ, thì nhất định phải an phận thủ thường, giữ gìn quy củ, không nên bắt chước hành vi của kẻ hippy du côn du đảng, cũng càng không nên bắt chước hành động của kẻ đồng tính luyến ái, bởi vì những kẻ đó chẳng những không có cống hiến gì cho đất nước, mà còn làm gia tăng phong khí không tốt cho xã hội. Một gia đình toàn thiện là gia đình được cấu tạo bởi một người nam và một người nữ. Gia đình ấy được cấu tạo như vậy là với mục đích nối tiếp dòng giống, khiến nhân loại được tiếp tục không bị diệt vong. Nếu gia đình mà được cấu tạo bởi những người đồng tính luyến ái, thì nhân loại sẽ tiến tới chỗ tuyệt diệt. Những kẻ nam người nữ mang bệnh đồng tính luyến ái, thì tâm tánh không như người thường, có bệnh chứng biến thái, đây là biểu tượng của thế giới lúc sắp bị tận diệt rồi vậy.

Ở trên đời chuyện gì cũng tương đối, có âm thì có dương, có trời thì có đất, có ngày thì có đêm, có lạnh thì có nóng, có nam thì phải có nữ, đó là lẽ tự nhiên. Nếu con người làm chuyện đồng tính luyến ái, thì nhân loại sẽ bị diệt vong, bởi vì hành động ấy không hợp với đạo lý của trời đất, đó là vấn đề rất nghiêm trọng. Tiếc thay, có những quốc gia lại công nhận đồng tính luyến ái là hợp pháp, thật khó mà hiểu được. Chẳng những quốc gia ấy, đất nước ấy đã không hạn chế mà còn cổ võ, thì không biết tâm ý họ để chỗ nào? Phải chăng họ gián tiếp muốn hủy diệt thế giới? Những pháp luật như vậy, thật là vô cùng sai lầm, từ xưa tới nay chưa từng nghe qua.

Các em bạn nhỏ! Nhất thiết các em đừng nên học theo hành vi của những kẻ đồng tính luyến ái, bởi vì hiện tại những kẻ mang

bệnh ấy đang đi tới chỗ chết. Người có bệnh đồng tính luyến ái thì gần như là mắc phải bệnh nan y, tức là bệnh AIDS, hiện nay chưa có phương pháp nào để chữa trị. Phạm là người đã mắc phải bệnh này thì chỉ còn chờ chết, mạng sống của họ chỉ trong vòng hai, ba năm mà thôi. Đó là trời xanh trên cao đã trừng phạt họ vì họ có hành vi không giữ quy củ. Có câu: "Tự tác nghiệt bất khả hoạt," tự mình phạm tội ác nghiệt thì khó mà sống được. Nếu ai ai cũng mắc phải quái bệnh như trên, thì đất nước sẽ tiêu vong, thế giới sẽ bị hủy diệt, và trở về lại không kiếp.

Các em bạn nhỏ! Các em đối với vấn đề thiện ác hãy phân biệt cho rõ ràng. Đừng nên sát sanh, đừng nên trộm cắp, đừng nên làm chuyện tà dâm. Đừng nên nói dối trá, đừng nên rượu chè bài bạc, đừng nên hút thuốc, cũng đừng nên làm biếng giải đãi, cũng đừng nên buông lung phóng dật. Đối với bài vở hàng ngày các em phải nỗ lực học tập, các em phải rèn luyện bồi dưỡng nhân cách đạo đức của mình, để thành một người có ích cho thế giới, một người hữu dụng.

Tiền Bạc Có Thể Hại Đến Thân Mạng

Các em bạn nhỏ! Các em chớ suy tính: Làm sao để mình lên chức? Làm sao để mình phát tài? Làm sao để có danh vọng trên thế giới? Hay làm sao trên quốc tế ai cũng biết mình? Mà các em nên nghĩ mình phải làm gì để nhân loại được hạnh phúc, mình phải làm gì để đem lợi ích cho mọi người. Chúng ta phải đem hết sức lực để thế giới được hòa bình, để chúng sanh được an lạc. Không phải là ở trên đời này mình cứ tranh danh đoạt lợi, kình chống lẫn nhau, hãm hại lẫn nhau. Nếu vì mục đích nói trên mà

mình không nề bất cứ thủ đoạn nào thì chỉ tạo thêm nghiệp tội mà thôi.

Khi tiền bạc chất chứa nhiều rồi, thì sẽ có hại đến thân mạng. Gần đây ở Los Angeles có một chuyện xảy ra. Có một ông nhà giàu nọ bị sát hại. Ông này là người Mỹ, có rất nhiều tiền, song le cuộc sống của ông vô cùng phóng đãng. Bởi vì có quá nhiều tiền nên bị người khác giết chết. Khi ông còn sống, cũng vì tiền mà ông đã tạo ra rất nhiều nghiệp tội, do đó kết quả mới thê thảm như vậy. Tuy có tiền của nhiều vô cùng, nhưng khi chết đi một đồng cũng chẳng đem theo được. Các em hãy nghĩ xem! Như vậy thì cuộc đời có giá trị gì? Có ý nghĩa gì? Vì thế ở trên đời này mình cần làm một người có trí huệ, không nên làm người ngu si. Kẻ có trí huệ thì thông suốt mọi sự một cách rõ ràng, phân biệt thiện và ác, tuyệt đối không làm những chuyện điên đảo ngu muội. Nhưng người ngu si thì suốt ngày chỉ cầu danh cầu lợi, cầu địa vị, cầu quyền thế. Họ không thể nào nhìn thấu được sự giả dối, không thể buông bỏ được cái hư vọng, cho nên thấy điều gì lợi cho mình thì quên mất đạo nghĩa, do đó khi sống như kẻ say rượu và lúc chết như người nằm mộng, hồ đồ mê muội cả một đời. Chúng ta ở trên đời này cần phải giúp đỡ những người khổ khổ, cứu vớt họ ra khỏi nơi nước sôi lửa bỏng. "Vi thiện tối lạc," làm việc thiện là niềm vui cao nhất, bởi vì giúp người là căn bản của hạnh phúc.

(Ngày 22 tháng 9 năm 1983)

Kiến Tạo Một Nền Tảng Kiên Cố

Tông chỉ giáo dục của Vạn Phật Thánh Thành là trước hết phải xây dựng một nền tảng nhân cách cho thật vững chắc, khiến cho các em trong trường tiểu học, trung học, và đại học, ai cũng biết lễ nghĩa liêm sỉ, trung hiếu nhân ái. Tức là phải chú trọng đến tinh thần giáo dục. Làm cho học sinh có được căn bản làm người vững chắc để tương lai các em ra ngoài đời làm việc gì thì cũng theo tư tưởng đạo đức mà làm. Nếu được như vậy thì các em mới có thể làm tiêu chuẩn cho người khác bắt chước, hay làm cái gương cho người khác theo, khiến cho ai cũng có thể nhìn các em mà học tập. Từ từ phong tục tập quán hư xấu của xã hội sẽ được cải thiện biến thành một xã hội mà ban đêm nhà không cần khóa cửa, ngoài đường đồ vật rơi rớt không ai cần lượm.

Xã hội này tại sao không được tốt đẹp? Bởi vì chẳng ai có căn bản làm người vững chắc. Do đó mới bị tài sắc danh thực thù, (tức là tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ), năm thứ dục vọng như những luồng gió lôi cuốn bốn phương tám hướng, khiến ai cũng hồ đồ mê muội, chỉ biết mưu cầu sự khoái lạc sung sướng, nhưng không biết hiếu để trung tín gì cả? Bởi vì không biết đạo lý nhân nghĩa lễ trí tín, cho nên mới làm cho thế giới đầy dẫy chướng khí hắc ám và không còn thể thống gì nữa.

Nền giáo dục ở Vạn Phật Thánh Thành dạy cho học sinh phải có căn bản làm người cho vững, từ đó mới đề cập đến những đức tính khác. Tôi cũng giống như là cây đằm, chuyên đằm đất, đằm sao cho nền tảng đạo đức của các em nhỏ được kiên cố, để tương lai các em có thể trở thành những bậc nhân tài. Đó là mục đích của tôi.

Các bạn nhỏ! Đừng nên coi thường! Các em là các vị chủ nhân tương lai của đất nước. Lúc các em lên lớp học tập, ngoài việc nghe theo lời giảng dạy của thầy cô, các em còn phải tập cách diễn giảng. Khi các em đã có kinh nghiệm diễn giảng rồi, thì các em không còn sợ hãi nữa. Tương lai, các em sẽ là những nhân tài có thể hoằng pháp và có được khả năng biện tài vô ngại.

Các thầy cô, các giáo sư! Các bạn hãy chịu khổ thêm một chút nữa để dạy dỗ các em thanh niên nhỏ tuổi này, hãy huấn luyện chúng thành những kẻ có trí huệ, những kẻ có tài năng, những kẻ mà khi thấy việc nghĩa thì mạnh dạn mà làm, hãy dạy chúng sẵn sàng hiến thân để phụng sự cho việc công, bảo vệ pháp luật, trở thành những công dân ưu tú. Các bạn hãy hiểu rằng muốn xây dựng nền hòa bình thế giới, thì phải bắt đầu từ nền giáo dục. Khi nền tảng giáo dục được thiết lập vững chắc, thì quốc gia mới có thể giàu mạnh, thế giới mới có thể hòa bình. Hiện tại bởi vì nền căn bản giáo dục của các quốc gia không kiên cố nên mới tạo ra những thanh niên không biết giữ gìn quy củ, ăn no chẳng có chuyện gì làm, rồi trở thành những kẻ du côn lãng tử.

Tôi dám nói rằng những học sinh tiếp thụ nền giáo dục ở Vạn Phật Thánh Thành, bất luận là các em sinh viên đại học, hay là các em học sinh ở trung học, tiểu học, ai ai cũng biết giữ quy củ, biết bổn phận làm người, biết làm sao để tài bồi đức hạnh của mình. Tôi hy vọng các em lấy đó làm phương châm, nỗ lực học tập để trở thành những người hữu dụng cho đất nước.

Khổng Tử - Nhà Đại Giáo Dục

Vào thời Xuân-Thu Chiến-Quốc ở bên Trung Hoa, có vị đại thánh nhân ra đời, tên là Khổng Tử. Ngài suốt đời chu du các nước để tuyên dương học thuyết nhân nghĩa đạo đức, hiếu để trung tín, song lẽ không được ai hoan nghinh tiếp nhận, đâu đâu cũng bài xích Ngài cả. Tuy Ngài gặp hoàn cảnh không vừa ý như vậy, nhưng Ngài vẫn không thay đổi tông chỉ giáo dục, Ngài vẫn thủy chung đề xướng chủ nghĩa đại đồng.

Khổng Tử là nhà đại giáo dục. Ngài đề xướng một nền giáo dục bình dân được phổ cập tới tất cả mọi người. Ngài có tinh thần "dạy không hề nhàm chán, học không biết mỏi mệt." Ngài không sáng tác, chỉ chép lại tích cũ người xưa. Ngài tin vào những điều của thánh nhân nói xưa kia, rồi đem ra thực hành. Cuối đời, Ngài san định năm cuốn: Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân Thu, tức là Ngũ-kinh.

Khổng Tử có ba ngàn học sanh. Ngài thông suốt lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số, gọi là lục nghệ. Đệ tử Ngài có bảy mươi hai người cũng thông suốt lục nghệ. Lễ tức là những lễ tiết, lễ nghi về hôn nhân, mai táng, hay là cúng tế. Nhạc tức là âm nhạc. Xạ tức là bắn cung. Ngự tức là cỡi ngựa, đánh xe. Thư tức là ghi chép, lịch sử. Số tức là toán thuật. Mỗi một môn nào cũng phải hoàn toàn tinh thông, thì mới được gọi là một người hoàn toàn.

Phương châm giáo dục của Khổng Tử là lấy con người làm trọng tâm, lấy thân mình làm gương. Môn đệ của Ngài có bốn hạng xuất sắc:

1. Xuất sắc về đức hạnh, có ngài Nhan Hôi và Mã Tử Khiêm.

2. Xuất sắc về ngôn ngữ, biện luận có ngài Tử Hạ, và Tể Ngã.
3. Xuất sắc về chính trị, có ngài Tử Lộ, và ngài Nhiễm Hữu.
4. Xuất sắc về văn học, có ngài Tử Hạ và Tử Du.

Khi Đức Khổng Tử qua đời, Nho-giáo phân làm hai phái. Tăng Tử thì chủ trương truyền Đạo, và Mạnh Tử đại biểu cho phái này, trở thành phái chính thống. Tử Hạ thì chủ trương truyền Kinh, và ông Tôn Tử là đại biểu của phái này. Phái truyền Kinh thì hưng thịnh vào ba triều đại Hán, Đường, và Thanh. Phái truyền Đạo thì hưng thịnh vào ba đời Tống, Nguyên, và Minh.

Mọi sự việc trên đời đều có liên hệ tương quan, cũng giống như bên Trung Hoa, ba đạo Nho, Phật, Lão, đều hỗ trợ lẫn nhau. Nho-giáo thì như ở trình độ sơ đẳng, tức là tiểu học, Đạo-giáo thì như là trình độ trung học, còn Phật-giáo thì như là trình độ đại học. Đạo lý của ba tôn giáo này đều có liên quan, song le người ở tiểu học thì không biết được trình độ của lớp trung học, nhưng kẻ ở đại học thì biết được trình độ và bài vở của lớp trung học hay tiểu học.

Nho giáo thuyết giảng đạo lý làm người, thí dụ như rèn luyện nhân cách cho lương hảo. Đạo giáo một nửa thì chú trọng rèn luyện nhân cách đạo đức, còn một nửa thì chú trọng đến việc tu hành xuất thế. Do đó các vị đạo sĩ thì chẳng cạo đầu, cạo râu, không khác gì người tại gia cả. Họ chỉ mặc y phục của những vị ẩn sĩ thời cổ xưa. Phật giáo thì phải cạo râu cạo tóc, mặc áo hoại sắc, không chú trọng đến bề ngoài, song le áo cà-sa thì không bao giờ rời thân và phải thể hiện Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tướng. Phật giáo là tu pháp xuất thế, phải chăng là ly khai pháp thế gian, tạo ra một Phật pháp riêng biệt? Không phải đâu. Chỉ cần phải nhận

thức pháp thể gian một cách rõ ràng, không bị nó làm mê muội, đó chính là Phật pháp.

Có người chủ trương tam giáo hợp nhất, (tức là Đạo giáo, Khổng-giáo và Phật giáo hợp thành một), cho nên có câu:

Hồng hoa bạch ngẫu thanh hà diệp,

Tam giáo nguyên lai thị nhất gia.

(Hoa hồng, thân trắng, lá xanh,

Ba tôn giáo ấy vốn chung một nhà.)

Đó là biểu thị đạo lý vậy. Căn bản của Phật giáo, để phát khởi tâm tín ngưỡng thì chính là Nho giáo, do đó cần phải đọc sách, hiểu rõ nghĩa lý, trước hết phải hiểu thế nào là căn bản làm người, sau đó mới theo Pháp mà tu hành: Quy nguyên tánh vô nhị, phương tiện hữu đa môn. Nghĩa là: trở về nguồn thì tánh không hai, nhưng phương tiện thì có nhiều cửa vào. Người học Phật Pháp cần phải thông suốt đạo lý này.

(Ngày 25 tháng 9 năm 1983)

Cái Đạo của Bậc "Đại Học"

Đạo của bậc "Đại-Học" thì lấy ba cương lĩnh và tám điều mục làm tông chỉ. Thế nào là ba cương lĩnh? Tức là minh đức, thân dân, chí ư chí thiện. Minh đức có nghĩa rằng sau khi mình tự thanh tịnh, chiếu soi quang minh tự tánh của mình, nhiên hậu dạy người khác chiếu soi, thanh tịnh quang minh tự tánh của họ. Thân dân có nghĩa là khiến cho tất cả mọi người đều biết con

đường chính đáng, làm sao trở thành những người thông hiểu đạo lý. Chỉ ư chí thiện là mọi người cùng đạt tới chỗ cùng cực thiện hảo.

Thế nào là tám điều mục, tám điều khoản, hay là tám điều kiện? Tức là cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

1. Cách vật là gì? Tức là nghiên cứu lý tánh của vạn vật vạn sự trong trời đất .

2. Trí tri là gì? Là vận dụng trí huệ, tỉ mỉ nghiên cứu phong cách mọi sự vật để biết đến chỗ cùng cực.

3. Chánh tâm là gì? Tức là tâm đoan chính làm chủ tể thân mình.

4. Thành ý tức là khởi ý thành thật.

5. Tu thân tức là sửa đổi, tu tập để trở nên người tốt, có đức hạnh.

Đó là năm điều thuộc về việc học của thân tâm.

1. Tề Gia tức là cai quản nhà mình.

2. Trị quốc tức là quản lý, lãnh đạo đất nước mình .

3. Bình thiên hạ tức là làm cho thiên hạ được thái bình.

Ba điều này thuộc về môn học chính trị.

Trên đây là học thuyết của Đức Khổng Tử và cũng là lý tưởng rất cơ bản, của đạo lý Nho-Giáo. Ngày hôm nay tôi chỉ giải thích sơ lược về ba cương lĩnh và tám điều mục trong sách "Đại-Học," tương lai tôi sẽ nói rõ hơn cho các bạn nghe.

Sơ Lược về Hòa Thượng Tuyên Hóa

Hòa Thượng Tuyên Hóa họ Bạch, tên thật là An Từ, tự là Độ Luân. Ngài quê ở huyện Song Thành, tỉnh Tùng Giang thuộc Đông Bắc, Trung Hoa, tức là Mãn Châu.

Phụ thân Ngài tên Phú Hải, chuyên làm nghề nông. Mẹ họ Hồ, sinh được tất cả tám người con, năm trai ba gái; và Ngài là út.

Hồ thái phu nhân thọ chay trường, niệm Phật, chẳng hề gián đoạn. Một đêm nọ phu nhân nằm mộng thấy Đức Phật A-Di-Đà hiện thân phóng đại quang minh chiếu triệt thế giới, chấn động thiên địa. Giật mình tỉnh giấc, phu nhân ngửi thấy mùi hương kỳ diệu khắp phòng, rồi sau đó hạ sanh ra Ngài.

Ngài vừa ra đời liền liên thanh khóc suốt ba ngày đêm không dứt. Chính là vì đau xót cho nỗi khổ của thế giới Ta-Bà này vậy.

Ngài cư ngụ tại một thôn quê rất nhỏ bé, thừa thớt nhà cửa. Thế nên, đến năm mười một tuổi Ngài vẫn chưa hề thấy qua người chết. Một hôm, Ngài cùng lũ bạn trong thôn dạo chơi chốn điền dã. Bất chợt Ngài thấy một em bé, miệng ngậm, mắt nhắm, nằm bó trong đám rơm bên lề. Ngài gọi mà đứa bé chẳng đáp, rờ thì chẳng có hơi thở. Ngài lấy làm khó hiểu vô cùng nên hỏi lũ bạn. Có kẻ hiểu biết liền nói: "Đứa bé đã chết rồi!" Song Ngài vô cùng ngạc nhiên, không hiểu thế nào là chết. Về nhà, Ngài liền hỏi mẹ, bà dạy: "Phàm là người, ai cũng phải chết. Có kẻ chết già, có kẻ chết vì bệnh, cũng có kẻ chết vì tai nạn. Bất luận là giàu sang hay nghèo khó, bất luận là sĩ, nông, công, thương, hay quan lại, ai ai rồi cuộc cũng phải chết."

Ngài lại hỏi: "Nếu thật như vậy, có cách gì thoát được chết không?" Bấy giờ trong nhà có vị khách xưa kia từng tu Đạo, đỡ lời đáp rằng: "Chỉ có cách tu Đạo, minh ngộ tự tâm, triệt kiến bản tánh thì mới liễu đoạn sanh tử, siêu thoát luân hồi, thành Chánh Giác, chứng Vô Sinh."

Tuy lúc đó Ngài còn nhỏ tuổi, song đối với lời vị khách nói, Ngài tỉnh ngộ sâu xa, do đó Ngài lập định chủ trương quyết chí xuất gia tu Đạo.

Khi Ngài mang chuyện xuất gia bàn với mẹ, bà dạy: "Xuất gia là chuyện tốt lắm, nhưng cũng không phải là chuyện dễ làm. Cần có thiện căn, có đại nguyện lực, cần phát đại Bồ Đề tâm thì mới có thể thành tựu Vô Thượng Đạo. Nay con có lòng vậy, ta hết sức đồng ý, cũng thật là phù hợp với giấc mộng xưa kia vậy. Nay ta đã già, ngày tháng chẳng còn bao lâu, các anh chị con đều đã tự lập. Con nên ở lại để phụng dưỡng cha mẹ; khi ta mất rồi, con xuất gia tu hành, lúc đó cũng chẳng muộn."

Ngài vâng lời cha mẹ, rồi sau đó hằng ngày thường theo mẹ lạy Phật. Lạy Phật xong, Ngài lạy cha mẹ.

Ngày qua ngày, đông tàn xuân đến, Ngài cung kính phụng dưỡng song thân như đối với Phật vậy. Chẳng bao lâu tiếng tăm hiếu thảo đồn khắp bốn phương, khi đó mọi người đều gọi Ngài là Bạch Hiếu Tử (người con chí hiếu họ Bạch).

Năm Ngài 19 tuổi thì mẹ Ngài qua đời; bấy giờ Ngài từ giã họ hàng lên chùa lạy Hoà Thượng Thường Trí làm Thầy và quy y, chính thức xuất gia, thọ giới. Sau đó, Ngài về lại nơi mộ phần thân mẫu để thủ hiếu trong ba năm. Suốt thời gian ấy, Ngài sống trong một túp lều tranh nhỏ, ngày ngày tọa Thiền, đọc tụng kinh

điền Đại Thừa và niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà. Rất nhiều lần Ngài ngồi Thiền rồi nhập Định, liên tiếp trong nhiều tuần lễ chẳng rời thiền sàng.

Một đêm nọ, dân trong thôn gần đó hốt hoảng thấy túp lều tranh của Ngài hừng hực lửa đỏ. Ánh lửa hồng phừng thẳng lên giữa không trung và túp lều tranh thì sáng rực như ban ngày. Nhiều người chạy đến mộ, hô hoán: "Nhà Hiếu Tử bị cháy rồi!" Cả trăm người trong làng hè nhau xách gáo, đem xô tới để chữa cháy. Song, khi tới nơi họ chỉ thấy túp lều tranh bình lặng, lửa chẳng cháy và Ngài thì vẫn an nhiên, tĩnh mặc trong Thiền Định!

Có lần Ngài đang tọa Thiền thì chợt có vị khách đến viếng. Vị khách ấy, ngạc nhiên thay, chính là Lục Tổ Huệ Năng! Đức Tổ Sư dạy Ngài rằng trong tương lai Ngài sẽ tới Mỹ quốc để độ sinh, rằng ở Tây phương Ngài sẽ gặp nhiều kẻ hữu duyên có thể hoằng dương Phật Pháp và Ngài sẽ độ vô lượng vô biên chúng sanh. Mãi đến lúc Đức Tổ Sư từ biệt quay đi rồi, Ngài mới choàng tỉnh, nhớ lại rằng Đức Huệ Năng vốn là người đời Đường, 1.200 năm về trước. Sau Đệ Nhị Thế Chiến, Ngài vân du khắp nơi. Cuối cùng, trải hơn ba ngàn dặm, Ngài tới chùa Nam Hoa, bái kiến vị Đại Thiện Tri Thức của thời bấy giờ là Lão Hòa Thượng Hư Vân. Lão Hòa Thượng lúc ấy đã 109 tuổi; vừa nhìn thấy Ngài, Lão Hòa Thượng liền nhận ra ngay sự chứng ngộ của Ngài. Khi đó, Lão Hòa Thượng nói: "Như thị, như thị!"; và Ngài cũng đáp lại: "Như thị, như thị!"

Bấy giờ, Lão Hòa Thượng Hư Vân ấn chứng sở đắc của Ngài, và Ngài chính thức trở thành vị Tổ thứ chín của dòng pháp Quy Ngưỡng.

Sau đó, Lão Hòa Thượng dạy Ngài ở lại chùa đảm nhận chức Viện Trưởng Viện Giới Luật của Chùa Nam Hoa.

Năm 1950, Ngài từ giã chùa, lên đường sang Hương Cảng. Ở đây, Ngài sống tại một sơn động biệt lập, chẳng lai vãng gì đến bụi trần, tục lụy. Chẳng bao lâu, có vô số Tăng-lữ từ Trung Hoa Đại Lục qua Hương Cảng tũ nạn, và họ cần sự giúp đỡ của Ngài. Cuối cùng, ứng với nhân duyên, Ngài rời sơn động, lập ra giảng đường và hai ngôi chùa, cùng trợ giúp xây dựng nhiều đạo tràng khác.

Trong suốt mười hai năm ở Hương Cảng, Ngài là tấm gương sáng, khổ hạnh, tinh tấn tu Đạo, quên mình vì Phật Pháp. Ngài đã ảnh hưởng vô số thiện nam tín nữ, khiến họ phát tâm Bồ Đề, quy y Tam Bảo, ủng hộ Phật Pháp.

Năm 1962, Ngài đến San Francisco, Mỹ Quốc. Tại đây, nơi một nhà kho nhỏ, Ngài kiên trì tu hành trong im lặng, chờ đợi cho cơ duyên hoằng dương Đạo Pháp chín mùi. Lúc ấy, Ngài tự gọi mình là "Mộ Trung Tăng" (nhà Sư trong phần mộ), hay là Hoạt Tử Nhân (người đã chết nhưng còn sống). Những Phật tử hiểu biết sự tu hành chân chính của Ngài đều rất cảm động và cung kính ủng hộ, cúng dường Ngài.

Năm 1968, Ngài biết cơ duyên đã đến; Ngài nói: "Một đóa hoa sẽ nở ra năm cánh." Mùa hè năm đó, Ngài chủ trì Pháp Hội giảng Kinh Lăng Nghiêm trong 96 ngày. Khi Pháp Hội kết thúc, quả nhiên có năm người Mỹ đầu tiên xin xuất gia với Ngài.

Từ đó, Ngài tiếp tục chủ trì nhiều Pháp Hội khác, giảng giải Tâm Kinh, Kinh Địa Tạng, Kinh Pháp Hoa, Kinh Pháp Bảo Đàn v..v...

Năm 1971, Ngài giảng bộ kinh tối cao của Đại Thừa, đó là Kinh Hoa Nghiêm.

Song song với việc giảng Kinh, thuyết Pháp, Ngài còn làm vô số công đức độ sinh khác. Năm 1976, Ngài thành lập Vạn Phật Thánh Thành, nền tảng căn cứ địa để hoằng dương Phật Pháp ở Mỹ Quốc. Tại Thánh Thành, Ngài xây dựng chế độ Tùng-lâm, đào tạo Tăng, Ni, học chúng, tạo nhân duyên thù thắng cho sự chân chính tu hành.

Mười Tám Đại Nguyện của Hòa Thượng Tuyên Hóa

Năm Hòa Thượng Tuyên Hóa 19 tuổi thì mẫu thân Ngài qua đời. Sau khi lo liệu chu toàn việc mai táng, Ngài tới Chùa Tam Duyên ở Hợp Nhĩ Tân (Harbin), chính thức xuất gia, lấy Hòa Thượng Thường Trí làm Thầy. Ít lâu sau, Ngài tới mộ phần của mẫu thân thủ hiếu. Năm đó, nhân ngày vía Đức Quán Thế Âm, ngày 19 tháng 6, Ngài đối trước chư Phật, Bồ Tát phát mười tám đại nguyện:

"Kính lạy mười phương Phật,

Cùng với Tam Tạng Pháp,

Quá khứ, hiện tại Hiền Thánh Tăng,

Nguyện rủ lòng tác chứng:

Đệ tử Độ Luân,

Thích An Từ,

Con nay phát tâm rằng:

Chẳng cầu phước báo hàng Trời, Người,

Cùng Thanh Văn, Duyên Giác,

cho đến hàng Bồ Tát quyền thừa.

Duy nương Tối Thượng Thừa

mà phát Bồ Đề tâm.

Nguyện cùng Pháp Giới chúng sinh,

Nhất thời đồng đắc

A nậu đa la tam miệu tam bồ đề."

1. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Bồ Tát ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biển khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật thì tôi thề không thủ Chánh Giác.

2. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Duyên Giác ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biển khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật thì tôi thề không thủ Chánh Giác.

3. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Thanh Văn ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biển khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật thì tôi thề không thủ Chánh Giác.

4. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Trời, Người ở trong Tam Giới, mà chưa thành Phật thì tôi thề không thủ Chánh Giác.

5. Nguyện rằng nếu có một Người ở trong mười phương thế giới mà chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.

6. Nguyện rằng nếu có một vị Trời, Người, A-tu-la chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.

7. Nguyện rằng trong thế giới loài Súc Sinh, nếu còn một loài nào chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.
8. Nguyện rằng trong thế giới loài Ngạ Quỷ, nếu còn một kẻ chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.
9. Nguyện rằng trong thế giới loài Địa Ngục, nếu còn một kẻ chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.
10. Nguyện rằng trong Tam Giới, nếu những kẻ từng quy y với tôi, hoặc là Trời, Người, A-tu-la, các loài bay, lặn, động vật, thực vật, linh giới, rồng, súc sinh, quỷ, thần, mà chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.
11. Nguyện rằng tất cả những phước lạc mà tôi đáng được hưởng đều hồi hướng phổ thí cho tất cả chúng sinh trong Pháp Giới.
12. Nguyện rằng một mình tôi nhận chịu hết tất cả khổ nạn của chúng sinh trong Pháp Giới.
13. Nguyện rằng tôi sẽ phân linh vô số, phổ nhập tâm chúng sinh nào không tin Phật Pháp, làm cho họ bỏ ác, hướng thiện, hối quá sửa mình, quy y Tam Bảo, rồi cuối cùng thành Phật.
14. Nguyện rằng tất cả chúng sinh nào, khi thấy mặt tôi, cho đến chỉ nghe tên tôi, đều phát tâm Bồ Đề, mau đắc thành Phật Đạo.
15. Nguyện rằng luôn tôn kính điều Phật dạy, và thực hành mỗi ngày ăn một bữa.
16. Nguyện giác ngộ loài hữu tình, khắp nhiếp thọ các loài căn cơ.

17. Nguyên trong đời này tôi sẽ đắc Ngũ Nhân, Lục Thông, và phi hành tự tại.

18. Nguyên tất cả mọi cầu nguyện đều hoạch đắc mãn túc.

Cuối cùng:

"Chúng sinh vô biên thế nguyện độ.

Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.

Pháp môn vô lượng thế nguyện học.

Phật Đạo vô thượng thế nguyện thành."

Tám Quy Luật của Viện Phiên Dịch Kinh Điển

1. Dịch giả phải thoát mình ra khỏi động cơ tự truy cầu danh lợi.
2. Dịch giả phải tu tâm dưỡng tánh, dứt bỏ đi thói cao ngạo.
3. Dịch giả phải tự chế, không được tự khen rồi chê bai kẻ khác.
4. Dịch giả không được tự cho mình là tiêu chuẩn, là thước đo, rồi hạ thấp kẻ khác bằng cách tìm lỗi lầm nơi tác phẩm của họ.
5. Dịch giả phải lấy tâm Phật làm tâm mình.
6. Dịch giả phải dùng Trạch Pháp Nhân để phán xét đâu là chân lý.
7. Dịch giả phải cung kính cầu thỉnh Cao Tăng, Đại Đức ở mười phương chứng minh cho bản dịch của mình.

8. Dịch giả phải hoan hỷ truyền bá giáo nghĩa nhà Phật bằng cách in Kinh, Luật, Luận một khi phần phiên dịch của mình được chứng minh là đúng đắn.

Chú Thích:

1 Tứ Đại: đất, nước, gió, lửa.

2 Ngày "tam cửu" (hay tam phục thiên) tức là ngày thứ 19 đến ngày thứ 20 sau tiết Đông Chí.

3 Ngày "tam phục" (hay tam phục thiên) tức là ba ngày: sơ phục, trung phục và mạt phục.

4 Lục căn (Sáu căn): mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

5 Ba đường ác (tam ác đạo): địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

6 Năm uẩn (ngũ uẩn hay ngũ ấm): sắc, thọ, tưởng, hành, thức, (hình sắc, cảm thọ, tư tưởng, hành động, ý thức.)

7 Tam Giáo Cửu Lưu: các hạng người trong xã hội

* Tam Giáo (ba tôn giáo): đạo Nho (đạo Khổng), đạo Lão, đạo Phật.

* Cửu Lưu (chín học phái lớn của Trung Hoa): Nho Gia, Đạo Gia, Âm Dương Gia, Pháp Gia, Danh Gia, Mặc Gia, Tung Gia, Hoàn Gia, Tật Gia, và Nông Gia.

8 Ngũ Hạng Bát Tác: đủ loại ngành nghề.

9 Lục Trần (sáu trần): sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp (hình sắc, âm thanh, hương thơm, mùi vị, đụng chạm, pháp).